

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022



An Giang, ngày 14 tháng 04 năm 2023



Phối cảnh Khu chung cư phức hợp Sao Mai Lotus Lake

THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN SAO MAI

Kính thưa: Các thành viên trong đại gia đình Sao Mai thân mến!

Chúng ta trải qua 2 năm đầy khắc nghiệt khi dịch bệnh Covid kéo dài và tàn phá khủng khiếp. Nó cướp đi sinh mạng hàng triệu người, làm tê liệt hầu hết tất cả các nền kinh tế và đẩy hàng loạt doanh nghiệp lớn đi đến phá sản. Tương chừng mọi thứ khó khăn đã qua khi chúng ta đón chào năm 2022 với bao niềm tin chiến thắng thì lập tức bao khó khăn thử thách lại ập đến: chiến tranh khốc liệt và uơm mầm cho cuộc thế chiến thứ 3, kinh tế thế giới chính thức khủng hoảng kéo theo suy thoái và lạm phát tăng cao, các nước trên thế giới phải căng mình chống chọi. Việt Nam chúng ta cũng không ngoại lệ khi Chính phủ siết chặt chính sách tiền tệ và nền kinh tế phải đối diện hàng loạt căn bệnh nan y như: khủng hoảng trái phiếu doanh nghiệp, khủng hoảng tài chính, thị trường chứng khoán mất niềm tin... Nhưng Sao Mai chúng ta đã vượt qua năm 2022 một cách ngoạn mục, với doanh thu 13.800 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế gần 1.000 tỷ đồng. Đây là minh chứng cho một tập thể Sao Mai đoàn kết, sáng tạo, biết cách để vượt qua những khó khăn thử thách nhất của nền kinh tế.

Kính thưa Quý vị! Tôi vô cùng biết ơn và trân quý tất cả những giá trị mà Quý vị đã dành cho Sao Mai bằng cả trái tim mình. Và đặc biệt hơn nữa, tôi chân thành cảm ơn các thành viên trong HĐQT, Ban điều hành qua các thời kỳ đã kiến tạo một nền móng vững chắc cho Sao Mai, với hàng loạt dự án đang rất hiệu quả và giá trị rất cao. Đặc biệt là các dự án năng lượng mặt trời đã làm tăng sức đề kháng cho Tập đoàn Sao Mai cũng như giúp chúng ta đứng vững và đứng vững chắc trước phong ba bão táp của nền kinh tế trong thời gian qua. Chỉ tính riêng các dự án điện mặt trời, giá trị thị trường hiện nay ước tính gần 10 nghìn tỷ đồng, nhưng tổng nợ vay của cả Tập đoàn chúng ta còn khiêm tốn hơn nhiều, điều đó minh chứng cho sự lãnh đạo sáng suốt và đầu tư đúng hướng của HĐQT và Ban điều hành trong thời gian qua.

Kính thưa Quý vị! Thấm thoát Tập đoàn Sao Mai đã được 26 tuổi, trải qua 26 năm từ khi hình thành và phát triển, chúng ta đã vượt qua rất nhiều thăng trầm, rất nhiều cảm xúc khác nhau. Đến giờ Tập đoàn chúng ta đã trở thành một trong những Tập đoàn lớn nhất ở ĐBSCL. Nhìn lại những thành quả mà HĐQT và Ban điều hành đã đóng góp cho Sao Mai là vô cùng to lớn. Trước sứ mệnh trường tồn và phát triển của Tập đoàn thì HĐQT và Ban điều hành đã xây dựng đội ngũ kế thừa chiến lược, được đào tạo khoa học, bài bản, có đầy đủ năng lực và đạo đức. Đồng thời đội ngũ này đã được tôi luyện qua nhiều vị trí lãnh đạo, điều hành ở các công ty thành viên nên có nền tảng vững chắc để chúng ta yên tâm và sẵn sàng chuyển giao thế hệ. Đội ngũ này sẽ gánh vác công việc của HĐQT và Ban điều hành trong thời gian tới, đồng thời số cán bộ kỳ cựu sẽ chuyển sang Hội đồng cố vấn cấp cao của Tập đoàn nhằm làm chỗ dựa vững chắc đảm bảo cho thắng lợi chắc chắn của thế hệ lãnh đạo mới. Tôi hi vọng rằng với tinh thần tuổi trẻ, dám nghĩ, dám làm, đầy trách nhiệm thì Ban điều hành mới sẽ tiếp tục điều hành Tập đoàn phát triển thành công rực rỡ và thăng hoa hơn nữa trong thời gian tới.

Cuối cùng, thay mặt Hội đồng quản trị, Ban điều hành, tôi chân thành cảm ơn Quý Cổ đông, Quý khách hàng, đối tác đã đóng góp vai trò to lớn đối với sự thành công của Tập đoàn Sao Mai và chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, hợp tác và tiếp sức của Quý vị dành cho Ban điều hành mới trên con đường phát triển phía trước.

Kính chúc Quý vị cùng gia quyến nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng!



Lê Thị Nguyệt Thu



Phối cảnh Khu chung cư phức hợp Sao Mai Lotus Lake
Hướng nhìn từ đường Trần Hưng Đạo (QL91)

MỤC LỤC

THƯ NGỎ	3
A. GIỚI THIỆU VỀ SAO MAI GROUP	7
I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT	7
II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH.....	8
III. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	9
1. <i>Mô hình quản trị:</i>	9
2. <i>Cơ cấu bộ máy quản lý</i>	10
3. <i>Các chi nhánh, công ty con, công ty liên kết:</i>	11
IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	12
1. <i>Các mục tiêu chủ yếu của Tập đoàn</i>	12
2. <i>Chiến lược phát triển trung và dài hạn:</i>	13
V. CÁC RỦI RO	14
B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	15
I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	15
1. <i>Kết quả hoạt động sản xuất trong năm:</i>	15
2. <i>Tình hình thực hiện so với kế hoạch:</i>	15
II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	17
1. <i>Danh sách Ban điều hành</i>	17
2. <i>Những thay đổi trong ban điều hành:</i>	23
3. <i>Số lượng cán bộ, nhân viên</i>	23
III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM 2022	24
1. <i>Tình hình đầu tư trong năm 2022:</i>	24
2. <i>Tình hình thực hiện các dự án đang đầu tư và các dự án định hướng phát triển trong các năm tiếp theo:</i>	26
3. <i>Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty con, công ty liên kết</i>	30
IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẬP ĐOÀN.....	67
1. <i>Tình hình tài chính</i>	67
2. <i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (BCTC hợp nhất)</i>	68
V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU.....	68
1. <i>Cổ phần</i>	68
2. <i>Cơ cấu cổ đông:</i>	68
3. <i>Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu</i>	69
4. <i>Giao dịch cổ phiếu quỹ</i>	73
5. <i>Các chứng khoán khác:</i>	73
VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI.....	74
1. <i>Tác động lên môi trường</i>	74
2. <i>Tiêu thụ năng lượng và nước</i>	74
3. <i>Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường</i>	75
4. <i>Chính sách liên quan đến người lao động</i>	75
5. <i>Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương</i>	76
C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	78
I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	78
1. <i>Tình hình hoạt động kinh doanh:</i>	78
2. <i>Những tiến bộ Công ty đã đạt được</i>	80

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	82
1. Tài sản:.....	82
2. Nợ phải trả:.....	82
3. Hiệu quả sử dụng vốn:	82
III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ	82
IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI	83
IV.1. KẾ HOẠCH CỦA RIÊNG CÔNG TY SAO MAI.....	83
1. Bất động sản:	83
2. Thương mại, thủy sản:	83
3. Xây dựng:.....	84
4. Ngành dịch vụ:	84
5. Năng lượng mặt trời.....	84
IV.2. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT CỦA SAO MAI NĂM 2023	84
V. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN: KHÔNG CÓ.....	85
VI. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	85
1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.....	85
2. Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động.....	86
3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.....	86
D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN SAO MAI.....	87
I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN.....	87
1. Hiệu quả sản xuất kinh doanh:	87
2. Tình hình đầu tư.....	87
3. Trách nhiệm với môi trường và xã hội:.....	87
II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	88
III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	88
E. QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN.....	89
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:	89
1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:.....	89
2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có.....	91
3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:.....	91
II. BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ	94
1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm toán nội bộ:.....	94
2. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ:.....	94
III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM TOÁN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	95
1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:.....	95
2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:	95
3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:	95
4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Tập đoàn Sao Mai:.....	95
F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	96

A. GIỚI THIỆU VỀ SAO MAI GROUP

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI.**
- Tên viết tắt: **TẬP ĐOÀN SAO MAI**
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: **Sao Mai Group Corporation.**
- Biểu tượng:



- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1600169024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 05/03/1997, đăng ký thay đổi lần thứ 32 ngày 04/03/2022.
- Vốn điều lệ: 3.365.267.520.000đồng
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 3.365.267.520.000đồng.
- Địa chỉ: 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Điện thoại: 0296 3840 138 Fax: 0296 3840 139.
- Website: www.saomainews.com.vn
- Email: thongtinkhachhang@saomaigroup.com; pr@saomaigroup.com
- Mã cổ phiếu: **ASM**

- **Quá trình hình thành và phát triển:**

Tiền thân của Tập đoàn Sao Mai (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang) là Công ty liên doanh Kiến trúc tỉnh An Giang, được thành lập theo Quyết định số 000450/GP/TLDN-03 ngày 05/02/1997 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang, với vốn điều lệ ban đầu là 905.000.000 đồng.

Ngày 24/12/2009, Cổ phiếu công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh với số lượng là 9.912.600 cổ phiếu, tương ứng giá trị cổ phiếu niêm yết là 99.126.000.000 VNĐ, ngày giao dịch chính thức là ngày 18/01/2010.

Trong quá trình phát triển, Công ty đã 12 lần tăng vốn điều lệ, từ lúc thành lập 905.000.000 đồng, đến nay đã lên 3.365.267.520.000 đồng.

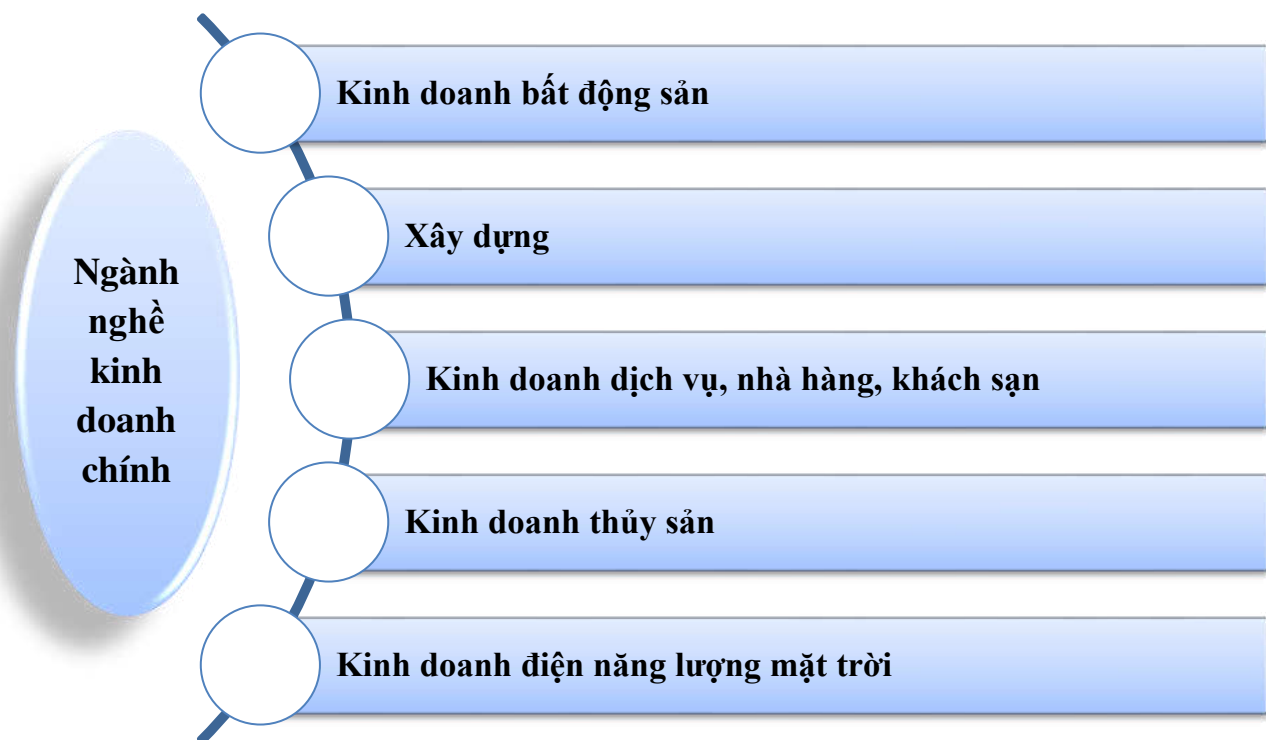
- **Danh hiệu & giải thưởng:**

Với những tiến bộ và thành quả đạt được trong quá trình phát triển, Tập đoàn Sao Mai ngày càng khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường và hằng năm đều được vinh dự đón nhận nhiều giải thưởng uy tín:

- Huân chương Lao động của Chủ tịch nước về thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác xã hội từ thiện;
- Bằng khen, Cờ thi đua của UBND tỉnh;
- Nhiều năm liên Tập đoàn có mặt trong: TOP 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất thời Covid; Năm 2020 đứng 46 trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam; xếp hạng 4 trong Top 10 doanh nghiệp dẫn đầu năng lượng sạch... Đặc biệt năm 2022 Sao Mai nằm trong Top 10 bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500); Top 100 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam PROFIT500).
- Đây là năm thứ 6 liên tiếp Tập đoàn Sao Mai nằm trong Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam. Thời gian tới, để đạt được vị trí cao hơn trong bảng xếp hạng, Sao Mai Group sẽ tiếp tục phủ sóng đầu tư nhiều lĩnh vực kinh doanh mới bên cạnh mảng truyền thống là thủy sản và bất động sản, đó là: dịch vụ - du lịch, đào tạo và cung ứng lao động ra thị trường nước ngoài, sản xuất các mặt hàng giá trị gia tăng từ con cá tra, y tế, năng lượng tái tạo... Với tác phong làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn chiến lược và tiềm lực tài chính mạnh mẽ, Tập đoàn Sao Mai kỳ vọng tạo ra nhiều bước ngoặt tăng trưởng trong tương lai

II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Ngành nghề kinh doanh



2. Địa bàn hoạt động:

Địa bàn kinh doanh của Sao Mai mở rộng ở các tỉnh, thành: An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Kiên Giang, Cà Mau, Bến Tre, Tiền Giang, Long An, Tp Hồ Chí Minh, Đắk Nông, Bà Rịa Vũng Tàu, Hòa Bình, Thanh Hóa.



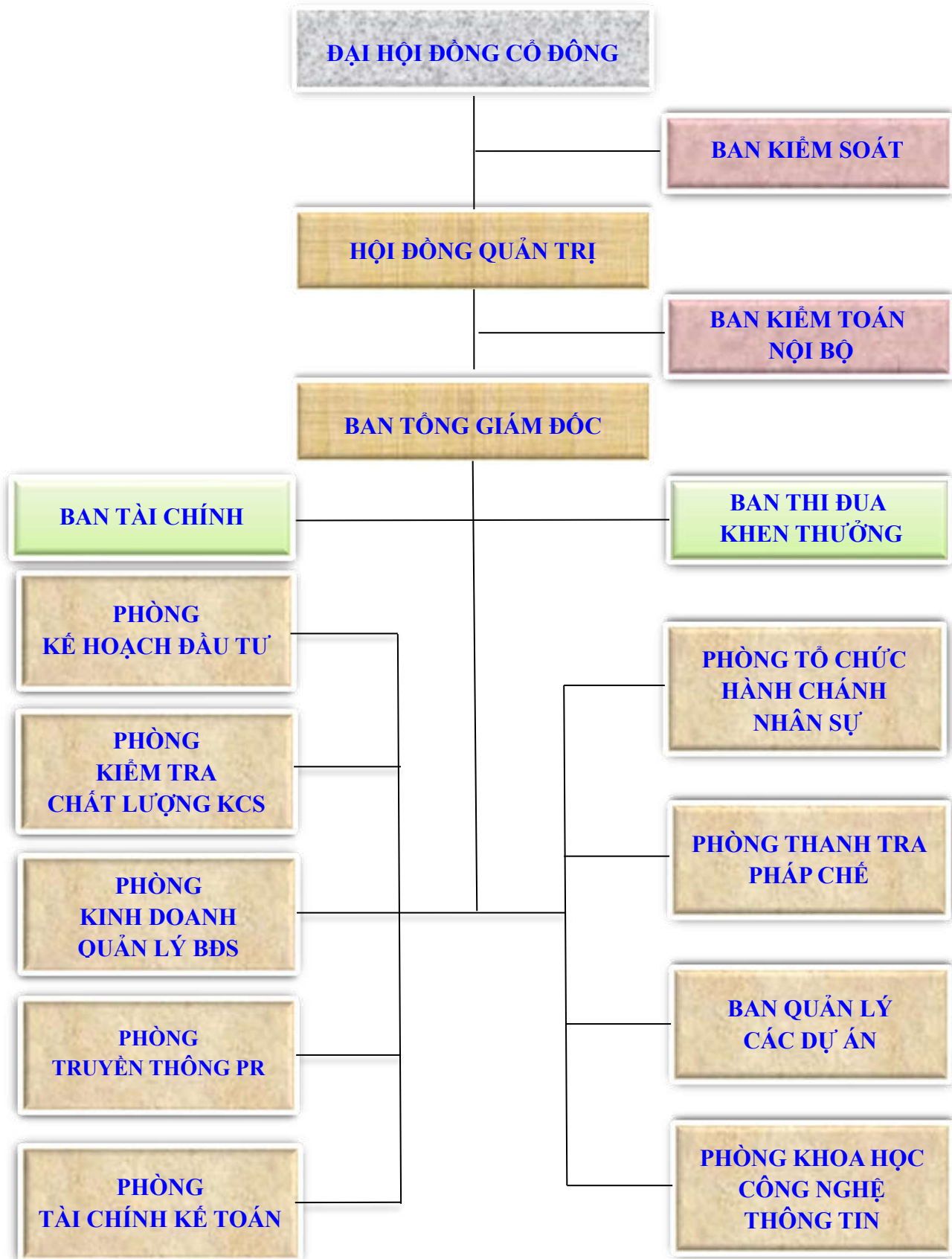
III. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị Tập đoàn Sao Mai bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc.

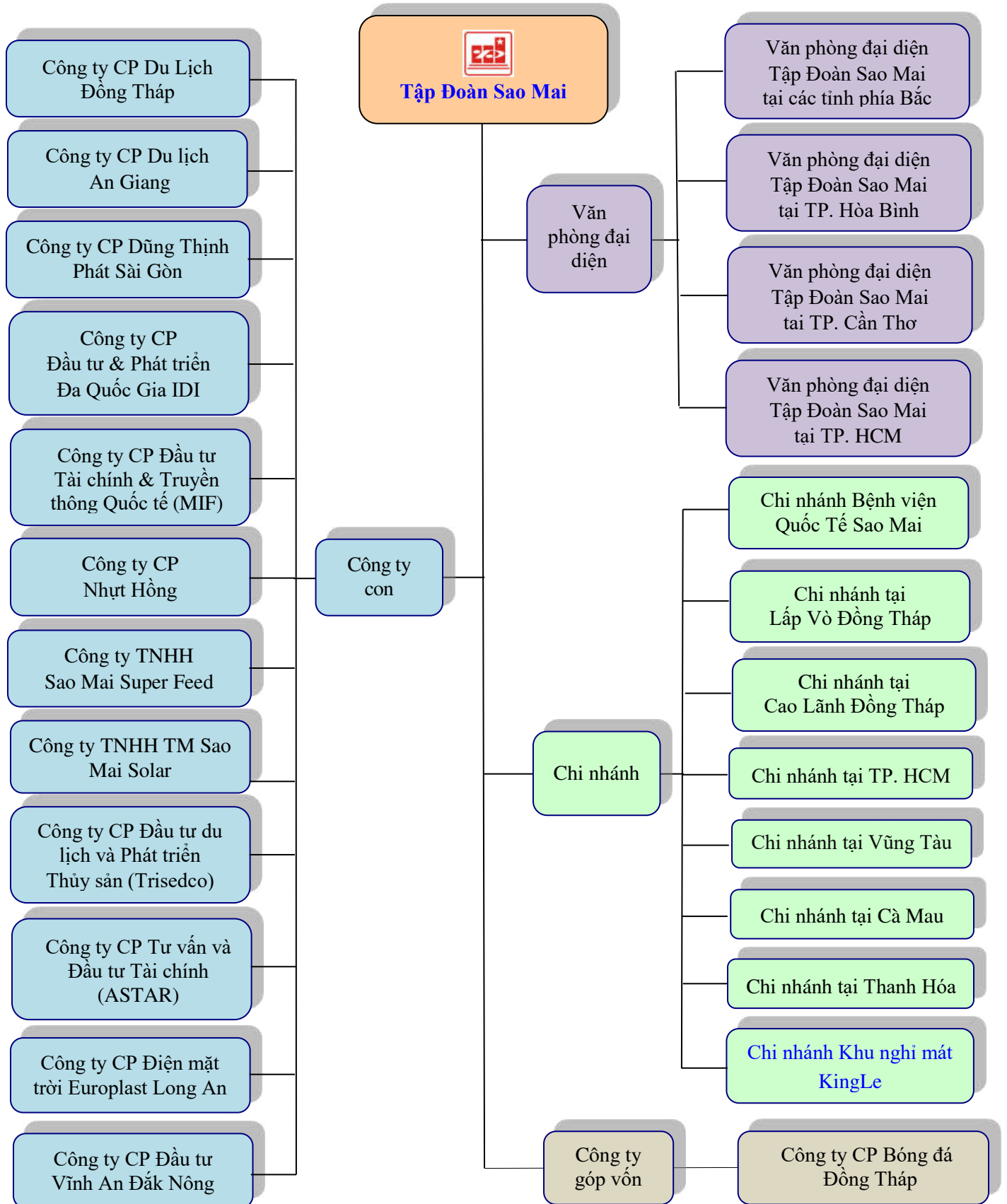
2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức của Tập đoàn được xây dựng trên nguyên tắc phân công quản lý công việc theo các bộ phận chức năng. Tổng Giám đốc sẽ điều hành, quản lý thông qua việc phân cấp, phân quyền cho các Trưởng phòng để trực tiếp giải quyết công việc của từng phòng.



3. Các chi nhánh, công ty con, công ty liên kết:

Từ một trụ sở chính tại số 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang, đến nay Tập đoàn Sao Mai đã xây dựng được một hệ thống gồm 4 văn phòng đại diện, 8 chi nhánh, 12 công ty con, 1 công ty góp vốn. Sơ đồ tổ chức của Tập đoàn Sao Mai:

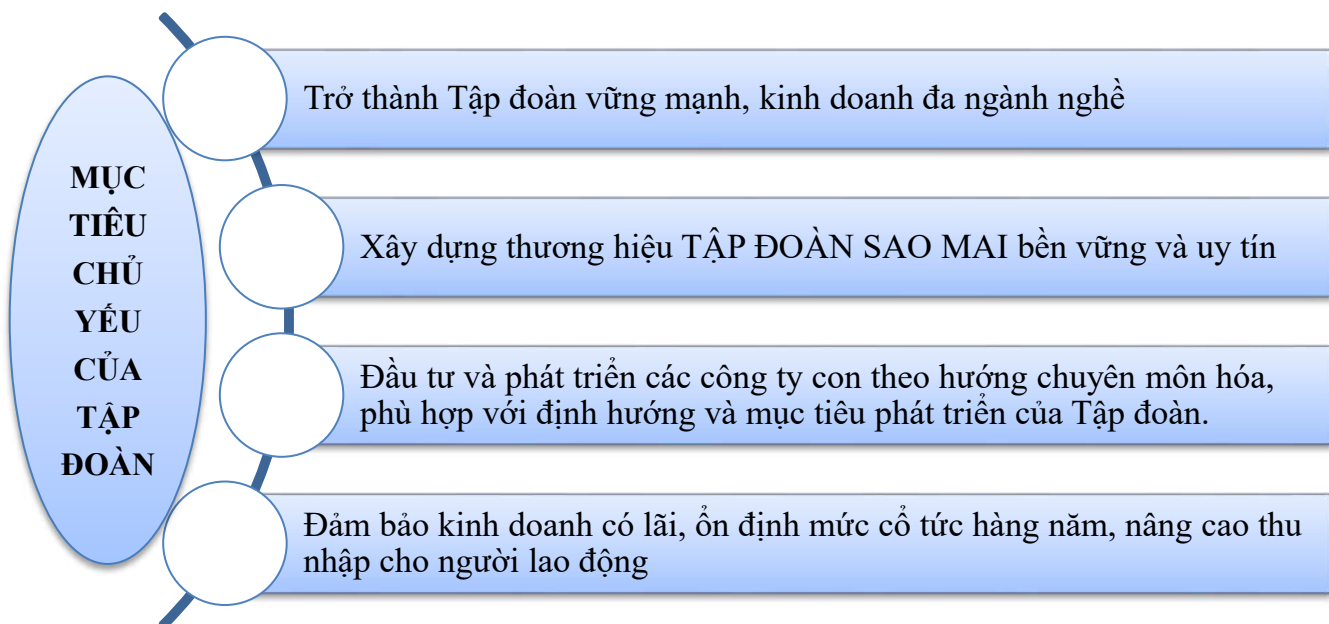


TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA SAO MAI TẠI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

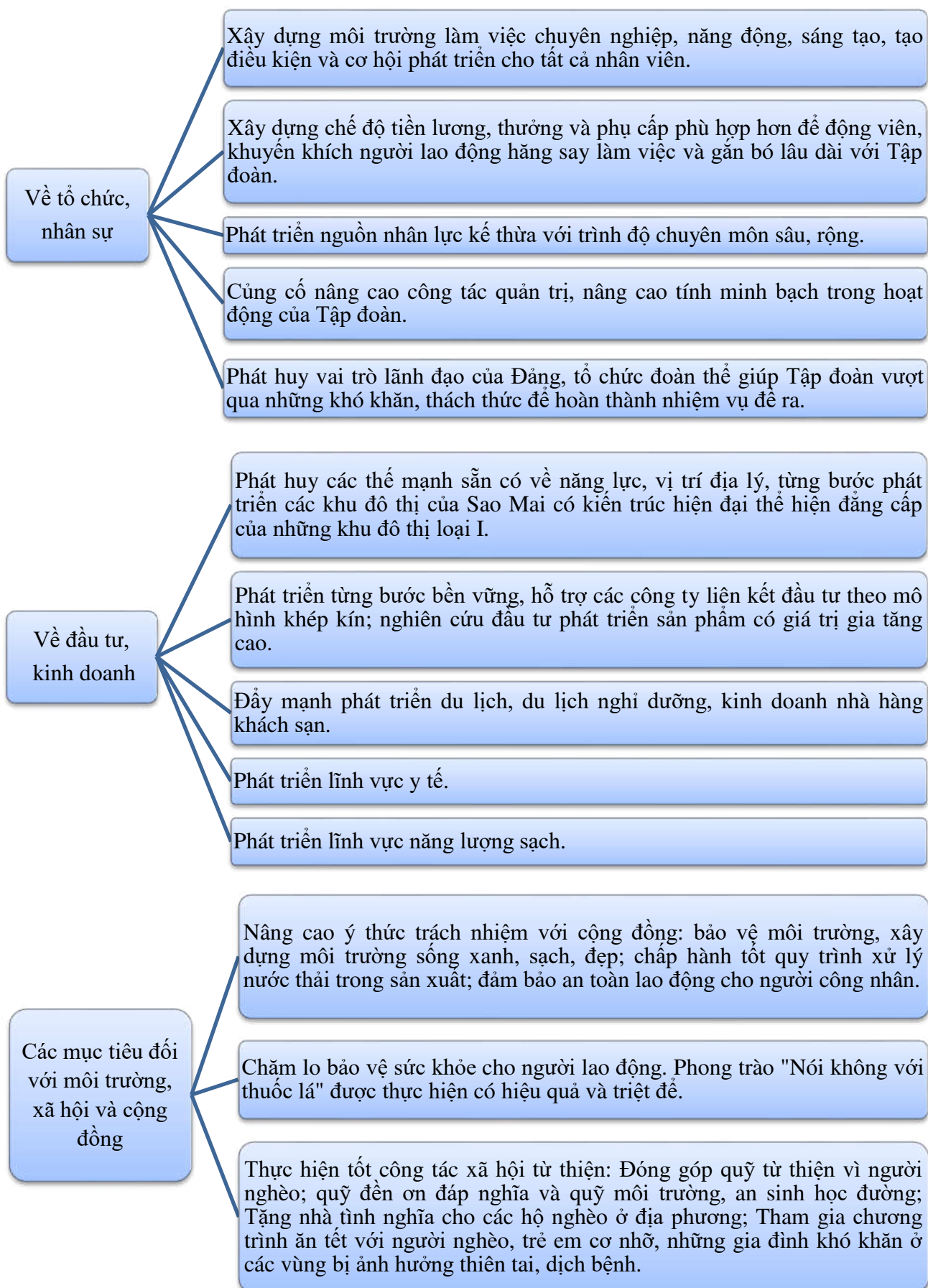
STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Số tiền Sao Mai đã đầu tư (VND)
1	Công ty cổ phần Dũng Thịnh Phát Sài Gòn	66,00%	66,00%	33.000.000.000
2	Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	86,76%	86,76%	68.391.109.800
3	Công ty CP Nhật Hồng	60,00%	60,00%	167.991.740.000
4	Công ty CP ĐT Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	63,94%	63,94%	11.510.000.000
5	Công ty TNHH TM Sao Mai Solar	100,00%	100,00%	20.000.000.000
6	Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	100,00%	100,00%	400.000.000.000
7	Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia IDI	51,23%	51,23%	997.398.163.912
8	Công ty CP Du Lịch An Giang	71,82%	71,82%	159.230.701.599
9	Cty CP Điện Mặt Trời EUROPLAST Long An	76,67%	76,67%	402.500.000.000
10	Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	43,95%	82,67%	15.000.000.000
11	Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	53,83%	91,95%	8.660.000.000
12	Công ty CP Đầu tư Vĩnh An Đắc Nông	49,94%	97,50%	0

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

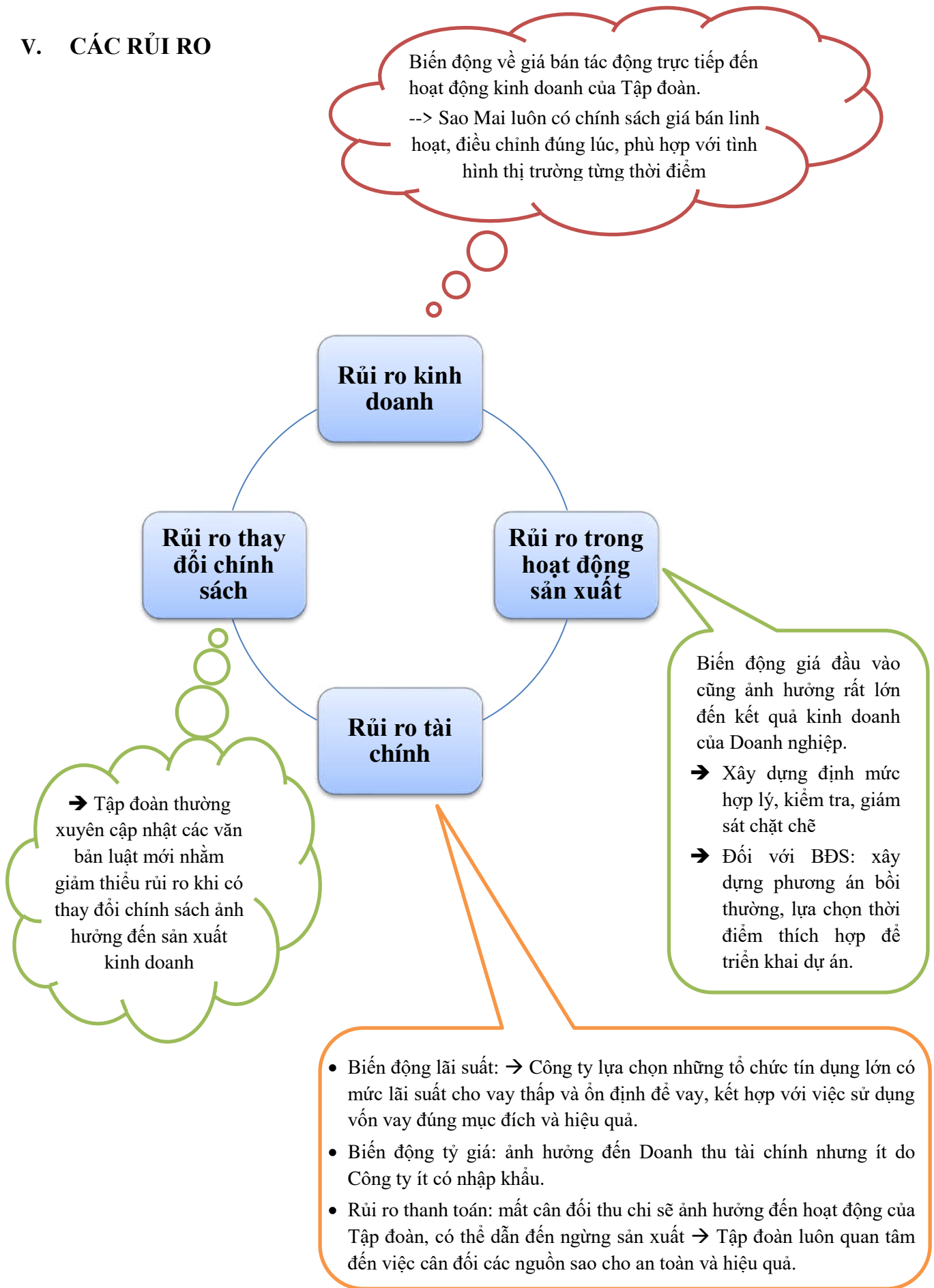
1. Các mục tiêu chủ yếu của Tập đoàn



2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:



V. CÁC RỦI RO



B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Kết quả hoạt động sản xuất trong năm:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng năm 2022



Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2022



2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		%	%
		Kế hoạch	Thực hiện		
1. Doanh thu thuần	11.397,93	14.700,00	13.749,22	121%	94%
- Bất động sản	571,01	718,80	317,79	56%	44%
- Thương mại	10.034,68	12.930,00	12.586,25	125%	97%
- Dịch vụ, khách sạn	110,49	219,20	236,21	214%	108%
- Các công trình xây dựng	86,71	120,00	-	0%	0%
- Năng lượng	594,84	712,00	608,97	102%	86%
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	703,89	1.630,00	962,58	136%	59%
3. Vốn điều lệ	2.588,68	3.365,27	3.365,27	130%	100%

Nhìn chung, kết quả kinh doanh năm 2022 của Tập đoàn cũng đạt được kết quả khá ấn tượng. Kết quả kinh doanh hợp nhất, Doanh thu của năm 2022 tăng 21% so với năm 2021 và đạt 94% kế hoạch đề ra. Tăng trưởng chính từ thương mại, thủy sản xuất khẩu và kinh doanh dịch vụ du lịch. Sau thời gian dài khủng hoảng hậu Covid 19, xuất khẩu đã cân bằng và lấy đà tăng trưởng mạnh, ngành dịch vụ du lịch cũng phục hồi nhanh chóng. Lĩnh vực điện mặt trời của tập đoàn vẫn mang lại nguồn thu ổn định và lợi nhuận đáng kể. Riêng bất động sản, kết quả kinh doanh giảm do ảnh hưởng chung bởi ngành bất động sản bị đóng băng khi chính sách tín dụng bị thắt chặt.

Về lợi nhuận hợp nhất năm 2022 tăng 36% so với 2021 và đạt 59% so với kế hoạch. Nguyên nhân, chủ yếu lợi nhuận tăng từ mảng dịch vụ và điện mặt trời do biến phí mảng này thấp, phần doanh thu tăng thêm sẽ tương ứng với lợi nhuận, bên cạnh đó, công ty cũng đã thực hiện chính sách tiết kiệm, giảm chi phí trong quản lý điều hành nhằm tăng hiệu quả kinh doanh cho công ty.

Riêng về kết quả kinh doanh năm 2022 của công ty mẹ - Sao Mai, doanh thu thuần đạt 3.614 tỷ đồng, bằng 96% so với năm 2021 và đạt 93% so với kế hoạch đề ra, trong đó kết quả kinh doanh một số lĩnh vực vượt kế hoạch, một số lĩnh vực thì không đạt kế hoạch đề ra. Về lợi nhuận sau thuế, Sao Mai thu về 476 tỷ đồng, tăng 2% so với năm 2021 và đạt 101% so với kế hoạch.



Toàn cảnh dự án Điện mặt trời Sao Mai 210Mwp tại xã An Hào, huyện Tịnh Biên, An Giang



Hồ thiên cảnh tại Khu du lịch điện mặt trời

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Danh sách Ban điều hành

HỌ TÊN	CHỨC DANH
1. Lê Thanh Thuấn	Tổng Giám đốc
2. Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
3. Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
4. Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc
5. Lê Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc
6. Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
7. Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
8. Lê Thị Phương	Phó Tổng Giám đốc
9. Lê Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
10. Lê Nguyễn Hoàng Anh Duy	Phó Tổng Giám đốc (được bổ nhiệm 01/03/2023)
11. Trương Công Khánh	Giám đốc tài chính
12. Ngô Thị Tố Ngân	Kế toán trưởng



Thành viên HĐQT kiêm
Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai.

Ông Lê Thanh Thuấn sinh năm 1958 tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Ông Lê Thanh Thuấn làm cán bộ của Sở quản lý nhà đất An Giang từ năm 1979.

Năm 1986: Ông làm Giám đốc Công ty Liên doanh Kiến trúc An Giang.

Năm 1992: Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc xí nghiệp Xây dựng Tây Sông Hậu

Năm 1997: Ông thành lập và điều hành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang (nay là Tập đoàn Sao Mai)

Hiện tại, Ông Thuấn đang giữ chức thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc kiêm Bí thư Đảng bộ của Tập đoàn Sao Mai.

Ngoài ra, Ông cũng đang giữ các vị trí lãnh đạo khác như Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI; Thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy Sản; Thành viên HĐQT Công ty CP Dũng Thịnh Phát Sài Gòn; Tổng Giám đốc Công ty Cp Tư vấn và Đầu tư tài chính (ASTAR).

Với kinh nghiệm hơn 30 năm công tác trong ngành xây dựng và hơn 20 năm tổ chức và điều hành Tập đoàn Sao Mai, đến nay ông Thuấn là một trong những cổ đông lớn sở hữu 64.982.431 cổ phần, tương đương nắm giữ 19,31% vốn điều lệ của Tập đoàn Sao Mai.

Ông Nguyễn Văn Hưng sinh năm 1954 tại Đồng Tháp.

Ông công tác tại Phòng chính trị Tỉnh đội An Giang từ năm 1975.

Năm 1989 Ông được bổ nhiệm làm Trưởng phòng tổ chức Sở Kinh tế đối ngoại tỉnh An Giang;

Năm 1995, Ông được bổ nhiệm làm Thanh tra Sở Thương mại Du lịch tỉnh An Giang.

Năm 1997, Ông góp vốn thành lập và điều hành Tập đoàn Sao Mai.

Đến nay, ông Hưng đang giữ chức Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai.

Ngoài ra, Ông cũng đang là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy Sản.



Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai

Hiện nay ông Hưng đang sở hữu 520.650 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,15 % vốn điều lệ.

Ông Lê Xuân Quế sinh năm 1968 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Tốt nghiệp Cử nhân Lâm nghiệp; Cử nhân Quản trị kinh doanh; Cử nhân Kế toán.

Từ tháng 12/1992 – 05/1997, Ông làm Trưởng văn phòng đại diện Xí nghiệp xây dựng Tây Sông Hậu, trực thuộc Bộ Xây Dựng tại tỉnh Vĩnh Long.

Tháng 05/1997 – 02/2003, Ông làm Trưởng phòng kế hoạch, Giám đốc Xí nghiệp đầu tư và xây dựng Phương Nam tại tỉnh Kiên Giang.

Tháng 02/2003 – 12/2018, Ông được bổ nhiệm chức Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang (nay là Tập đoàn Sao Mai). Ông kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (Trisedco).



Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai

Từ tháng 12/2018 đến nay, Ông đảm nhiệm chức Phó Tổng giám đốc thứ nhất của Tập đoàn Sao Mai. Ông Quế cũng đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Công ty CP Du lịch An Giang.

Hiện nay ông Quế đang nắm giữ 931.830 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,28% vốn điều lệ.



Phó Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai

Ông Lê Văn Chung sinh năm 1964 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa.
 Từ năm 1984, Ông công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp Đường sắt Huế.
 Năm 1987, Ông Chung làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức.
 Đến năm 1991, Ông trở về Việt Nam và công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang.
 Ông được bổ nhiệm làm Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền Tây vào năm 1994.
 Sau đó, Ông Chung tham gia thành lập và điều hành Tập đoàn Sao Mai từ năm 1997.

Bên cạnh Tập đoàn Sao Mai, ông Chung cũng đang làm Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI, Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản.

Hiện nay, ông Chung nắm giữ 2.644.471 cổ phần, tương đương 0,79% vốn điều lệ của Tập đoàn Sao Mai

Ông Lê Văn Thành sinh năm 1967 ở Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Năm 1987 ông công tác tại Trường sĩ quan Quân Sự - Sĩ Quan Quân đội Nhân dân Việt Nam;

Từ năm 1990 – 1992: Công tác tại Sư Đoàn 363 Hải Phòng;

Đến 1992 Ông công tác tại Xí Nghiệp Tây sông Hậu

Từ năm 1997: Ông bắt đầu công tác tại Tập đoàn Sao Mai;

Từ năm 2003 – 2007: Trưởng phòng kế hoạch Tập đoàn Sao Mai;

Từ năm 2007 – 2010: Trưởng phòng nhà đất Tập đoàn Sao Mai;

Từ năm 2010–2016: Trưởng phòng Quản lý bất động sản Tập đoàn Sao Mai.

Từ 01/01/2017 đến nay: Ông Thành giữ chức Phó Tổng Giám đốc Tập Đoàn Sao Mai.



Phó Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai

Ngoài ra Ông còn giữ chức vụ quản trị tại các công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai như Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Hồng; Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Tài chính và Truyền Thông Quốc tế MIF.

Hiện tại, ông Thành đang nắm giữ 973.846 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,29% vốn điều lệ.



Phó Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai

Ông Lê Văn Lâm sinh năm 1973 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa.
 Năm 1999 – 2002 Đội trưởng Đội xây dựng số 11 của Sao Mai
 Năm 2003 - 2006 Giám đốc Xí nghiệp xây dựng Miền Đông Công ty Sao Mai. Từ năm 2006 - 2009 Phó Giám đốc Ban quản lý dự án Cụm Công nghiệp Vàm Cống - IDI.
 Từ năm 2010 đến tháng 09/2011 Phó Giám đốc, Giám đốc Nhà máy phụ phẩm Trisedco và Phó Tổng Giám đốc Công ty Trisedco.
 Tháng 10/2011 Ông về làm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai.
 Từ tháng 7/2018, Ông Lâm đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản.

Bên cạnh đó, Ông Lâm còn giữ chức vụ Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD Công ty CP Nhựt Hồng.

Hiện Ông Lâm không nắm giữ cổ phần của Tập đoàn Sao Mai.

Ông Trương Vĩnh Thành sinh năm 1977 ở Thôn Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định. Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng đại học Bách khoa TPHCM khóa 1994 - 1999.

Từ năm 1999 – 2001: Phó phòng, trợ lý Giám đốc, trưởng phòng kỹ thuật Tập đoàn Sao Mai.

Từ năm 2001 – 2004: Giám đốc Công ty Tư vấn Thiết kế Điện hình An Giang, trưởng phòng KCS, Trưởng phòng Marketing Tập đoàn Sao Mai.

Từ năm 2005 – 2007: Trưởng phòng Quản lý Đầu tư Tập đoàn Sao Mai kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI.

Năm 2008 – 2011: Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI.

Từ 2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai



Phó Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai

Hiện nay, Ông Thành còn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT công ty CP Đầu tư tài chính & truyền thông Quốc tế (MIF); Thành viên HĐQT công ty CP Du lịch An Giang; Tổng Giám đốc công ty CP Du lịch Đồng Tháp

Hiện nay ông Thành đang nắm giữ 252.466 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,08% vốn điều lệ.

	<p>Bà Lê Thị Phụng sinh năm 1980 tại Thanh Hóa. Năm 2004, Bà công tác tại phòng kế toán của Tập đoàn Sao Mai sau khi tốt nghiệp Đại học Kinh tế chuyên ngành kế toán.</p> <p>Từ năm 2007 – 10/2015, bà Phụng được bổ nhiệm giữ chức Kế toán Trưởng của Tập đoàn Sao Mai.</p> <p>Tháng 10/2015 đến nay, bà Phụng được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai phụ trách Tài chính.</p> <p>Ngoài công việc tại Tập đoàn Sao Mai, bà Phụng còn đảm nhận làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch An Giang, Phó CT. HĐQT Công ty CP Điện mặt trời Europlast Long An, Trưởng Ban kiểm toán nội bộ IDI.</p> <p>Hiện nay Bà Phụng đang nắm giữ 284.212 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,08% vốn điều lệ.</p>
<p>Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai</p>	

<p>Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh Duy sinh năm 1984 ở Thoại Sơn, An Giang. Tốt nghiệp Thạc sĩ Kiến trúc sư.</p> <p>Tháng 04/2016: Ông Duy làm cán bộ kỹ thuật tại Công ty CP Tư vấn và Đầu tư tài chính (ASTAR);</p> <p>Tháng 12/2016: Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty ASTAR.</p> <p>Tháng 08/2017: Ông làm Tổng Giám đốc Công ty ASTAR;</p> <p>Tháng 08/2019: Ông kiêm Giám đốc Nhà máy Điện mặt trời An Hảo;</p> <p>Tháng 01/2020: Ông kiêm nhiệm Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật và tài chính Công ty Điện mặt trời Europlast Long An;</p> <p>Tháng 07/2021: Ông được bổ nhiệm thêm chức Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty TNHH Thương mại Sao Mai Solar;</p>	 <p>Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai</p>
<p>Tháng 03/2023: Ông được bầu làm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai</p> <p>Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai kiêm Giám đốc Nhà máy Điện mặt trời An Hảo.</p> <p>Ông Duy không nắm giữ cổ phần của Tập đoàn Sao Mai</p>	



Phó Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai

Ông Lê Tuấn Anh sinh năm 1994, tại An Giang, tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh và Thạc sĩ kinh tế đầu tư.

Từ năm 2016, ông làm Trợ lý Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia (IDI.);

Từ tháng 07/2017, ông được bổ nhiệm thêm chức Tổng Giám đốc Công ty TNHH Sao Mai Super Feed; kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Sao Mai Solar;

Năm 2019: ông kiêm nhiệm Giám đốc Công ty Cổ phần Điện mặt trời Europlast Long An;

Tháng 07/2021: Ông được bầu làm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai.

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Điện mặt trời Europlast Long An

Hiện nay Ông Tuấn Anh đang nắm giữ 37.901.290 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 11,26% vốn điều lệ.



Giám đốc Tài chính
Tập đoàn Sao Mai

Ông Trương Công Khánh sinh năm 1987 tại Đồng Tháp, tốt nghiệp cử nhân kế toán-kiểm toán.

Từ 7/2009 - 11/2010 Ông công tác tại Ban kiểm toán nội bộ Tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành.

Từ 12/2010 - 10/2013, Ông chuyển sang công tác tại Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoán sản Châu Á kiêm kế toán viên Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI.

Từ 8/2013, Ông được bầu làm Giám đốc tài chính Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI.

Tháng 9/2013, Ông Khánh được bầu làm Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Sao Mai

Tháng 01/2017, Ông Khánh được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á.

Tháng 07/2017 – 02/03/2020: Ông làm Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Tập đoàn Sao Mai

Chức vụ hiện nay: Giám đốc Tài chính Tập đoàn Sao Mai; Giám đốc tài chính Công ty IDI; Trợ lý TGD Tập đoàn về tài chính.

Hiện nay Ông Khánh đang nắm giữ 283.068 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,08% vốn điều lệ.

	<p>Bà Ngô Thị Tố Ngân sinh năm 1981 tại Long An, tốt nghiệp cử nhân kế toán.</p> <p>Năm 2004, công tác tại Công Ty TNHH TM Quán Xương sau khi tốt nghiệp Đại học Kinh tế chuyên ngành kế toán – kiểm toán.</p> <p>Từ 2006 - 2008, kế toán tại Công Ty TNHH SX & TM Trương Vui</p> <p>Từ 2008 đến 14/04/2011: Bà Ngân làm cán bộ kế toán tổng hợp Tập đoàn Sao Mai.</p> <p>Từ 15/04/2011 đến 31/12/2012: Bà kiêm nhiệm chức Trợ lý TGD Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI trong lĩnh vực tài chính, kế toán</p> <p>Từ 01/01/2012 Bà đảm nhiệm chức vụ Phó phòng kế toán</p>
	<p>Kế toán trưởng Tập đoàn Sao Mai</p>
<p>Từ 02/08/2012 đến 05/01/2018 Bà kiêm nhiệm Kế toán trưởng Công ty CP Nhựt Hồng.</p> <p>Ngày 02/03/2020 bà được bổ nhiệm Kế toán trưởng Tập đoàn Sao Mai. Ngoài ra, Bà Ngân còn là thành viên của Ban kiểm toán nội bộ công ty IDI.</p>	

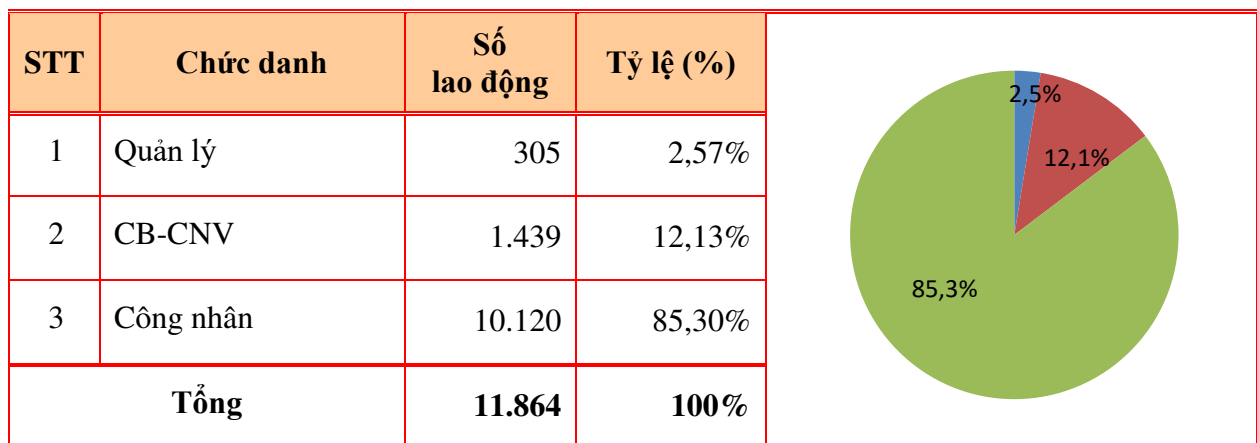
2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2022, Ban điều hành của Tập đoàn không có thay đổi nhân sự. Đầu tháng 03/2023, công ty đã bầu thêm 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng phát triển các dự án Điện năng lượng tái tạo.

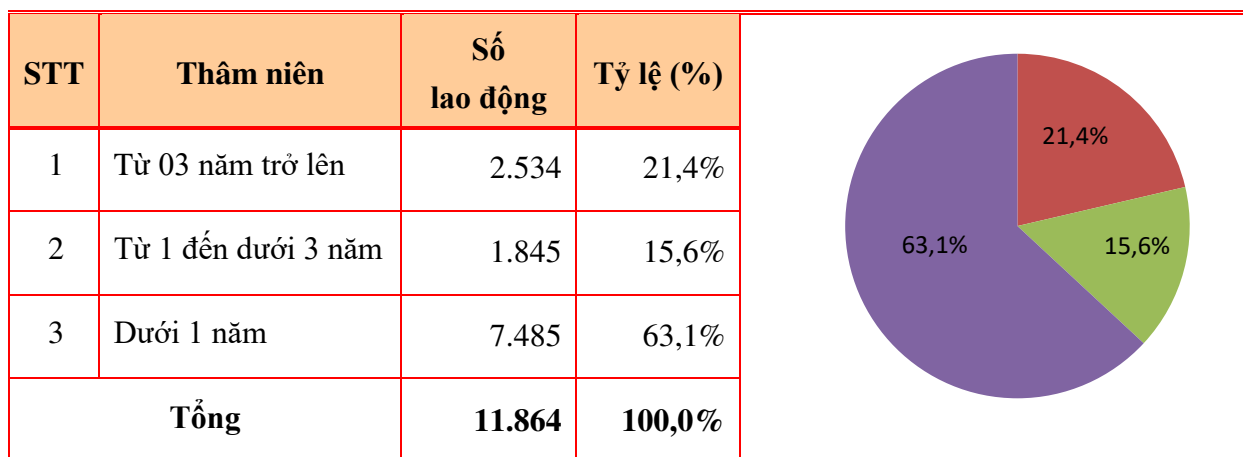
3. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số lao động của toàn Tập đoàn Sao Mai tính bình quân trong năm 2022 gần 12.000 người, trong đó có nhiều cán bộ ưu tú được đào tạo từ các nước phát triển là lãnh đạo chủ chốt của các công ty thành viên trong Tập đoàn. Cơ cấu lao động như sau:

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO CHỨC DANH



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO THÂM NIÊN CÔNG TÁC



III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM 2022

1. Tình hình đầu tư trong năm 2022:

a. Đầu tư dự án Khu đô thị mới Sao Mai Lam Sơn Sao Vàng.

Dự án số 2 Khu đô thị mới Sao Mai Lam Sơn – Sao Vàng được Tập đoàn Sao Mai triển khai xây dựng có quy mô khoảng 70,7 ha, được thực hiện tại thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Sao Mai đã hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng 67,6 ha và hoàn thành thủ tục giao đất đợt 1 với diện tích khoảng 60,4 ha. Hội đồng GPMB của huyện đang lên phương án bồi hoàn phần diện tích đất còn lại của dự án. Hiện tại Sao Mai đã thi công hạ tầng khu tái định cư và đang thi công hạ tầng dự án. Dự kiến cuối năm 2023, dự án có thể đưa vào khai thác.

b. Đầu tư dự án Khu đô thị mới Sao Mai xã Minh Sơn và thị trấn Triệu Sơn

Dự án Khu đô thị mới Sao Mai xã Minh Sơn và thị trấn Triệu Sơn, Thanh Hóa với quy mô 43,44ha. Sao Mai đã giải phóng mặt bằng 40,544 ha và đang tiếp tục phối hợp với Hội đồng giải phóng mặt bằng thực hiện phần diện tích còn lại (Đất giữ lại: Bến xe, Kho bạc, Bảo hiểm, ONT, ODT giữ lại là: 2,6 (ha). Còn lại 0,296 ha đất ở chưa GPMB). Ngay khi hoàn thành GPMB, Sao Mai sẽ gấp rút triển khai hạ tầng dự án. Hiện tại, Sao Mai đang làm thủ tục xin giao đất đợt 1.

c. Đầu tư cải tạo Nhà hàng tiệc cưới resort Vũng Tàu

Năm 2022 Tập đoàn Sao Mai cũng hoàn thành nâng cấp Nhà hàng tiệc cưới tại Resort Vũng Tàu qui mô 400 khách. Ngoài ra, năm 2023 Tập đoàn Sao Mai dự kiến đầu tư nâng cấp thêm 01 nhà hàng tiệc cưới 700 khách, nâng tổng công suất phục vụ lên trên 1.000 khách.

Bên cạnh đó, trong năm 2022 Tập đoàn cũng hoàn thiện thi công một số công trình cải tạo nhà hàng, khách sạn, khu di tích, du lịch của công ty Du lịch như cải tạo Khu di tích Đồi Tức Dụp; Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Trà Sư; Cải tạo Khách sạn Đông Xuyên

d. Đầu tư Khu du lịch điện mặt trời An Hảo

Năm 2022, Công ty cổ phần du lịch An Giang – công ty con của Sao Mai đã tiến hành thi công thêm nhiều hạng mục phụ trợ cho Khu du lịch điện mặt trời An Hảo như Khu Bàn

Tay Phạt, khu nhà hàng, bãi xe mở rộng... để đưa vào hoạt động phục vụ cho nhu cầu mở rộng và nâng cấp của khu du lịch.

e. Đầu tư dự án Resort Sao Mai Thanh Hóa

Dự án Resort Sao Mai Thanh Hóa có tổng diện tích dự án là 53,8 ha. Diện tích đã GPMB được 51,8 ha và UBND tỉnh Thanh Hóa đã giao đất đợt 1 cho Sao Mai là 51,8 ha. Trong năm 2022 Tập đoàn Sao Mai đã đầu tư xây dựng cơ bản phần hạ tầng giao thông của dự án, đã thi công xong phần khung thô 54 căn biệt thự trên đồi, 14 căn bungalow dưới hồ..., đang tiến hành hoàn thiện nội thất trang thiết bị bên trong. Các hạng mục đang triển khai song hành như Nhà hàng, nhà lễ tân, sân tennis, trạm bơm, đài nước... Dự kiến dự án sẽ hoàn thành giai đoạn 1 và đưa vào phục vụ trong năm 2023.



Ngày 10/06/2022 - Lễ khởi công Resort Sao Mai Thanh Hóa



Phối cảnh Resort Sao Mai Thanh Hóa

2. Tình hình thực hiện các dự án đang đầu tư và các dự án định hướng phát triển trong các năm tiếp theo:

STT	Dự án	Quy mô theo dự án được duyệt			Tiến Độ/Pháp lý
		Diện tích (ha)	Vốn (tỷ đồng)	Thành phẩm	
1	Dự án số 2 - KĐT mới Sao Mai Lam Sơn - Sao Vàng ĐĐXD: TT. Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	70,70	1.000	- Đất ở: 30,21ha - Đất TMDV: 4,67ha	<ul style="list-style-type: none"> - Đã được Chấp thuận chủ trương đầu tư và điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư; - Đã được phê duyệt Quy hoạch ; Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch; - Đã được thẩm định thiết kế cơ sở; thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán. - Đã thỏa thuận PCCC; - Đã thỏa thuận cấp điện; - Đã thỏa thuận cấp nước; - Đã thỏa thuận đấu nối QL 47; - Đã GPMB được 68,56 ha; - Đã được giao đất với diện tích 604.121,4 m² - Đã cấp phép xây dựng; - Đã phê duyệt ĐTM; - Đang triển khai thi công; - Đang tiến hành tính tiền SDD; - Đang phối hợp Hội đồng GPMB huyện Thọ Xuân thực hiện bồi thường GPMB đối với diện tích còn lại
2	Khu Resort Sao Mai Thanh Hóa (Thọ Xuân) ĐĐXD: Xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	53,80	1.400	- Khu điều hành: 2,6ha- Khu tịnh tâm: 4,94ha - Khu nghỉ dưỡng: 13,98ha- Khu dưỡng: 8ha - Khu villa: 6,13ha - Khu đảo ngọc: 3,86ha	<ul style="list-style-type: none"> - Đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, điều chỉnh tiến độ; - Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư; - Đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; - Đã được Nhà nước thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và cho Cty Sao Mai thuê đất đợt 1 với diện tích là: 51,79ha; - Đã được phê duyệt phương án nộp tiền trồng rừng thay thế; - Đã được cấp Giấy CN thẩm duyệt PCCC; - Đã Thỏa thuận về mặt nguyên tắc cấp điện cho dự án; - Đã phê duyệt ĐTM; - Đã thẩm định thiết kế cơ sở; - Đã cấp giấy phép xây dựng; - Đã được Cục tác chiến - Bộ tổng tham mưu chấp thuận cao độ tĩnh không xây dựng công trình. - Đang xin xác nhận tiền sử dụng đất; - Đang triển khai thi công giai đoạn 1;

STT	Dự án	Quy mô theo dự án được duyệt			Tiến Độ/Pháp lý
		Diện tích (ha)	Vốn (tỷ đồng)	Thành phẩm	
3	Khu đô thị mới Sao Mai Minh Sơn và TT. Triệu Sơn ĐĐXD: Huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa	43,44	550	- Đất ở: 18.37ha - Đất TMDV: 1.14ha	<ul style="list-style-type: none"> - Đã phê duyệt điều chỉnh cục bộ QH; - Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư; - Phê duyệt báo cáo ĐTM; - Đã cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC; - Đã hoàn tất thỏa thuận cấp điện; cấp nước; - Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Triệu Sơn; - Thủ tướng Chính phủ đồng ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp; - Phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư; - Đã hoàn thành thỏa thuận đấu nối QL 47C; - Đã giải phóng mặt bằng được 40.54 ha - Đang xin phê duyệt hồ sơ thiết kế cơ sở; - Đang phối hợp với Hội đồng bồi thường GPMB huyện Triệu Sơn để thực hiện bồi thường GPMB đối với diện tích còn lại; - Đang làm thủ tục xin giao đất đợt 1.
4	Đường GTGT KDC Nam Trà Ôn ĐĐXD: P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên	4,29	508	- Đất ở: 2.08ha	<ul style="list-style-type: none"> - Đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư - Đã phê duyệt quy hoạch 1/500; - Đã thỏa thuận GPMB khoảng 47% diện tích dự án đồng thời kết hợp cùng Trung tâm phát triển quỹ đất TP Long Xuyên thực hiện bồi thường GPMB;
5	Khu phức hợp chung cư Sao Mai lotus lake ĐĐXD: P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên	1,07	842	- Khối chung cư 24 tầng: 203 căn hộ - Khối thấp tầng: 23 căn Shophouse	<ul style="list-style-type: none"> - Đã có quỹ đất để thực hiện dự án - Hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư đã được các sở ban ngành và thành phố Long Xuyên thống nhất. Sở Kế hoạch đầu tư đã trình UBND tỉnh để xem xét quyết định - Đã thỏa thuận với Bộ Giao thông vận tải về việc đấu nối giao thông của dự án vào đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 91) - Đã thỏa thuận cao độ tính không xây dựng công trình với Cục tác chiến – Bộ tổng tham mưu - Đã tổ chức thi tuyển phương án thiết kế cho dự án và đã lựa chọn được phương án thiết kế phù hợp. Sau khi có chủ trương đầu tư sẽ hoàn thành các thủ tục để xin phép xây dựng
6	Khu đô thị mới Sao Mai Tân Châu	99,80	1.100	- Đất ở: 40,66ha - Đất TMDV:	<ul style="list-style-type: none"> - Đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư, và điều chỉnh chủ trương; - Đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt

STT	Dự án	Quy mô theo dự án được duyệt			Tiến Độ/Pháp lý
		Diện tích (ha)	Vốn (tỷ đồng)	Thành phẩm	
	ĐĐXD: P. Long Thạnh, TX. Tân Châu			4,18ha	Quy hoạch; - Đã GPMB được 95 ha; -Đang phối hợp với BQLD Đầu tư xây dựng khu vực Thị xã Tân Châu thực hiện giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại; - Đang phối hợp cùng đơn vị tư vấn điều chỉnh lại HS thiết kế cơ sở theo ý kiến đóng góp của SXD; - Đang triển khai công tác chuyển mục đích sử dụng đất lúa. Hồ sơ đã được hội đồng thẩm định của Chính phủ thống nhất, đang chỉnh sửa để trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương cho chuyển đổi.
7	Khu đô thị mới Sao Mai Tây thị trấn Cái Dầu ĐĐXD: TT. Cái Dầu, huyện Châu Phú	47,39	800	- Đất ở: 17,68ha - Đất TMDV: 2,42 ha	- Đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư; - Đã được UBND huyện Châu Phú phê duyệt quy hoạch 1/500; - Quỹ đất: Công ty đã tự thương lượng được khoảng 45ha; - Đã làm việc với Điện lực để thống nhất phương án di dời đường dây điện 110kV; - Đang triển khai TKCS; PCCC; ĐTM - Đang triển khai công tác chuyển mục đích sử dụng đất lúa. Hồ sơ đã được hội đồng thẩm định của Chính phủ thống nhất, đang chỉnh sửa để trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương cho chuyển đổi.
8	Khu đô thị mới Sao Mai Bình Khánh 4 ĐĐXD: P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên	38,66	450	- Đất ở: 19,35ha - Đất TMDV: 1,7ha	- Đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư; - Đã nộp tiền ký quỹ để thực hiện dự án; - Đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; - Thiết kế cơ sở đã được thẩm định; - Đã thỏa thuận GPMB # 30% diện tích dự án; - Đã được Thủ tướng chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất trồng; - Đang phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Long Xuyên thực hiện bồi thường GPMB.
9	Khu đô thị mới Sao Mai Tây Khánh 4 + 5	62,00	1.220	- Đất ở: 27,1ha - Đất TMDV: 1,34ha	- Đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư; - UBND TP. Long Xuyên phê duyệt đồ án quy hoạch 1/500; - Đã được Thủ tướng chấp thuận chủ trương

STT	Dự án	Quy mô theo dự án được duyệt			Tiến Độ/Pháp lý
		Diện tích (ha)	Vốn (tỷ đồng)	Thành phẩm	
	ĐĐXD: P. Mỹ Hòa, TP. Long Xuyên, An Giang				chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa. - Đang phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Long Xuyên thực hiện bồi thường GPMB.
10	Khu đô thị mới Sao Mai Thốt Nốt ĐĐXD: Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	181,87	2.365	- Đất ở: 55,82ha - Đất TMDV: 12,99ha	- Giao cho công ty IDI làm chủ đầu tư Khu đô thị mới tại P. Thới Thuận, quận Thốt Nốt; - Phê duyệt Đồ án QH; - Xác nhận nộp tiền ký quỹ thực hiện dự án; - Giấy CN thẩm duyệt thiết kế về PCCC; - Đã ký hợp đồng đo đạc với Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường; - Đã phê duyệt ĐTM; - Đang hoàn thiện hồ sơ thẩm định thiết kế cơ sở hạ tầng kỹ thuật; - Đang đề nghị Sở GTVT hỗ trợ thỏa thuận phương án về ranh giới đầu nối giao thông.

Ngoài các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư, Tập đoàn còn có một số dự án đang chờ cấp phép đầu tư tại các tỉnh, thành phố như Cần Thơ, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Tiền Giang, Đắc Lắc, Đắc Nông, Hòa Bình, Thanh Hóa,.. Một số dự án điển hình như: Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Trà Sư (xã Văn Giáo, Tịnh Biên, An Giang), Khu đô thị mới Sao Mai Cầu Đình 1 (Tịnh Biên, An Giang), Khu đô thị mới Sao Mai Mỹ An (Chợ Mới, An Giang), Dự án Nhà máy Điện năng lượng tái tạo Sao Mai Đắc Lắc; Dự án Nhà máy Điện năng lượng tái tạo Sao Mai Đắc Nông.....



Lãnh đạo ASM làm việc với Tỉnh ủy Đắc Nông tháng 2/2022

3. Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty con, công ty liên kết

3.1. Tình hình hoạt động

3.1.1 Công ty Cổ phần Dũng Thịnh Phát Sài Gòn (tên cũ là Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát)

- Địa chỉ : Số 09 Nguyễn Kim, phường 12, quận 5, TP. HCM.
- Thành lập ngày : 22/5/2006 theo giấy CNĐKKD số 4102039604. Đăng ký thay đổi lần 7 theo giấy CNĐKKD số 0304407453 ngày 20/10/2022 do Sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Chí Long – Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh : Xây dựng công nghiệp dân dụng, công nghiệp.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Dũng Thịnh Phát (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
50.000.000.000	33.000.000.000	66,00

✓ Dũng Thịnh Phát là doanh nghiệp do Tập đoàn Sao Mai thành lập để làm chủ đầu tư dự án Sao Mai Tower tại phường 16, quận 8, TP. HCM;

✓ Khi công ty nhận được Quyết định thu hồi và giao đất dự án thì thị trường bất động sản đang trong giai đoạn khó khăn nên công ty đã tạm dừng việc đầu tư chờ tín hiệu của thị trường để xem xét có tiếp tục đầu tư nữa không. Vì vậy, đến thời điểm này công ty vẫn chưa phát sinh doanh thu, lợi nhuận.



3.1.2 Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp



- Logo :
- Địa chỉ : Số 02, Đốc Binh Kiều, Phường 2, TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp.
- Thành lập ngày : Giấy chứng nhận đăng ký số 1400355383, cấp lần đầu ngày 07/02/2006. Đăng ký thay đổi lần 26 ngày 07/12/2021 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Vĩnh Thành – Tổng giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh nhà hàng, khách sạn, dịch vụ du lịch...
- Website: <http://dongthaptourist.com>
- Tình hình góp vốn :

Vốn điều lệ (VND) (*)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Du lịch Đồng Tháp (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
80.035.470.000	68.391.109.800	86,76%

✓ Tình hình kinh doanh năm 2022

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp là kinh doanh Nhà hàng, khách sạn và các dịch vụ khác như du lịch lữ hành, đại lý vé máy bay,... Năm 2022 kinh tế dần khôi phục sau đại dịch Covid, các cơ sở kinh doanh của Công ty đã hoạt động bình thường trở lại nên kết quả kinh doanh trong năm 2022 đạt hiệu quả cao và vượt kế hoạch Công ty đề ra.

✓ Kết quả kinh doanh năm 2022:

ĐVT: triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DOANH THU THUẦN		LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	
		Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
1	Văn phòng công ty	219,15	156,32	(1.177,74)	(2.176,00)
2	Nhà hàng - khách sạn mêkong	86,18	76,36	(410,65)	(450,56)
3	Chi nhánh Sa Đéc	26.605,00	9.256,00	4.350,18	(2.875,00)
4	Khách sạn Sao Mai	28.465,51	8.714,00	5.856,19	(2.410,00)
5	Trung tâm Điều hành du lịch	22.985,00	1.380,00	1.114,00	
TỔNG CỘNG		78.360,84	19.582,69	9.731,98	(8.481,56)



TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH DU LỊCH

Địa chỉ: 02 Đốc Bình Kiều, Phường 2, Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp



KHÁCH SẠN SA ĐÉC - 108/5A Hùng Vương, P1, Sa đéc, Đồng Tháp



KHÁCH SẠN SAO MAI - số 178 Nguyễn Huệ- Phường 2- TP Cao Lãnh



KHÁCH SẠN BÔNG HỒNG – 251A, Nguyễn Sinh Sắc, Phường 2, TP. Sa Đéc, Đồng Tháp

3.1.3 Công ty CP Du Lịch An Giang



- Logo :
- Địa chỉ trụ sở : Số 17 Nguyễn Văn Cung, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang
- Thành lập ngày : 23/08/2005 theo giấy CNĐKKD số 1600191767 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp. Đăng ký thay đổi lần 28 ngày 17/12/2021.
- Đại diện theo pháp luật : **Ông Trần Minh Trí** – Tổng Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh lữ hành; Dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng.
- Website: <http://angiangtourimex.vn>
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào cty CP DL An Giang (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
112.054.070.000	159.230.701.599	71,82

✓ Tình hình hoạt động trong năm 2022

Doanh thu mang lại lợi nhuận cho Công ty chính nhờ hoạt động du lịch và chuỗi nhà hàng khách sạn gồm Đông Xuyên, Long Xuyên, Cừ Long, Sao Mai Resort Châu Đốc, Khu du lịch sinh thái Rừng Tràm Trà Sư, Khu Tham Quan Điện Mặt Trời An Hào, Nhà máy nước uống thiên nhiên An Hào,.... Năm 2022, do đã kiểm soát được dịch bệnh Covid, nên tình hình kinh doanh của Công ty hồi phục mạnh mẽ, doanh thu của các khu du lịch Trà Sư, Tức Dụp, An Hào và Cụm khách sạn Đông Xuyên đều tăng so với cùng kỳ.

Năm 2022, doanh thu thuần 131 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 15 tỷ đồng. Kết quả kinh doanh có lãi, doanh thu đạt nhưng lợi nhuận sau thuế thì chưa đạt kế hoạch đề ra.

Đơn vị tính: triệu đồng.

Doanh thu của các đơn vị	Năm 2022		Thực hiện năm 2021	So sánh	
	Kế hoạch	Thực hiện		Thực hiện/ Kế hoạch (%)	Thực hiện 2022/ Thực hiện 2021 (%)
Cụm Khách Sạn Đông Xuyên	45.000	51.792	17.106	115.09%	302.76%
KDL Tức Dụp	5.500	4.770	2.056	86.73%	231.97%
Sao Mai Resort Châu Đốc	1.500	1.718	777	114.55%	221.05%
Trung tâm DV Du lịch	9.000	7.740	406	86.00%	1906.95%
KDL Trà Sư	26.000	33.505	11.152	128.87%	300.43%
KTQ ĐMT An Hào	16.000	8.332	116	52.07%	7153.83%
NM nước An Hào	1.000	1.923	803	192.25%	239.50%

✓ Tình hình đầu tư năm 2023

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện Khu tham quan Điện Mặt trời An Hảo.
- Đa dạng hóa và nâng cấp dịch vụ, cảnh quan tại Khu du lịch Tức Dụp.

- Đầu tư, cải tạo các hạng mục tại Cụm Khách Sạn Đông Xuyên và các Khu Du Lịch sinh thái, tôn tạo cảnh quan, xây dựng thêm nhiều tiểu cảnh mới cho khách chụp ảnh. Nâng cấp sửa chữa cơ sở hạ tầng để đảm bảo phục vụ khách tốt nhất, trồng thêm các loại hoa kiểng và đa dạng các loại thú nuôi để thu hút khách.



Toàn cảnh dự án Khu du lịch điện mặt trời An Hảo



Chợ nổi Trà Sư



Khu di tích Đôi Tức Dụp do Công ty CP Du lịch An Giang quản lý



Cầu tre trong Rừng Tràm Trà Sư – Xác lập kỷ lục dài nhất Việt Nam



KHÁCH SẠN CỬU LONG

21 Nguyễn Văn Cung, P. Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang



KHÁCH SẠN ĐÔNG XUYÊN

Số 9A Lương Văn Cù, Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang



KHÁCH SẠN LONG XUYÊN

19 Nguyễn Văn Cung, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

SAO MAI RESORT CHÂU ĐỐC

Tân Lộ Kiều Lương, P.Núi Sam,
TP.Châu Đốc, tỉnh An Giang





Hệ thống chiết rót chai



Hệ thống đóng chai

3.1.4 Công ty Cổ phần Nhựt Hồng

- Địa chỉ: 29 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang (Địa chỉ cũ: Tòa nhà VCCI, tầng 04, 12 Hòa Bình, P.An Cư, Q.Ninh Kiều, TP Cần Thơ)
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 3600648648 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/08/2003. Đăng ký thay đổi lần 8 ngày 04/08/2022 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang.
- Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Nguyệt Thu – Tổng Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng; Kinh doanh bất động sản.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Nhựt Hồng (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
80.000.000.000	167.991.740.000	60


Đây là đơn vị đang thực hiện dự án Khu dân cư phía đông quốc lộ 1A (Khu A) - xã Lý Văn Lâm - Thành phố Cà Mau - Tỉnh Cà Mau, với quy mô dự án là 44,47 ha. Trong quá trình thực hiện dự án thì doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính và đã mời gọi Sao Mai tham gia góp vốn thực hiện dự án. Bằng kinh nghiệm của mình, Sao Mai nhận thấy dự án có một số điểm thuận lợi mà các dự án nếu đầu tư mới không có như: cách trung tâm thành phố Cà Mau 2 km về hướng Nam, giao thông thuận lợi cả về đường bộ và đường thủy (đường Nguyễn Tất Thành ở phía Tây, đường Vành đai theo quy hoạch chung thành phố Cà Mau ở phía Bắc và sông Gành Hào ở phía Đông khu vực quy hoạch). Vì vậy, Sao Mai đã quyết định góp vốn cùng Công ty Nhựt Hồng thực hiện dự án. Hiện nay dự án đã hoàn thiện phần hạ tầng, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kinh doanh tốt.



Phối cảnh Khu đô thị mới Nhựt Hồng

3.1.5 Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính và Truyền thông Quốc tế (MIF Corp)



- Logo : 
- Địa chỉ : số 326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang.
- Thành lập : theo giấy CNĐKKD số 1601388847 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 18/08/2010 và đăng ký thay đổi lần 5 ngày 03/12/2020.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc Trường – Tổng Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Tổ chức sự kiện, tổ chức hậu kỳ; Quảng cáo thương mại; Đầu tư tài chính các doanh nghiệp và cá nhân,..; Bồi dưỡng và cung ứng nguồn lao động
- Website: <https://mifvn.com>
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào MIF (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
18.000.000.000	11.510.000.000	63,94

✓ Tình hình chung:

Công ty CP Đầu tư Tài chính và Truyền thông Quốc tế (MIF) hoạt động trong lĩnh vực tài chính; truyền thông; tổ chức sự kiện; Tư vấn du học; Dịch vụ đưa người đi lao động ở nước ngoài....

MIF đã liên kết với các Trường Cao đẳng nghề trong và ngoài tỉnh An Giang để đào tạo chuyên môn theo chuẩn giáo trình nghề của Bộ LĐ-TB-XH và Bộ GD&ĐT. Bên cạnh đó, để chủ động trong công tác đào tạo, huấn luyện, Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ của Công ty MIF đã hình thành và nhiệm vụ dạy ngoại ngữ Nhật - Trung - Hàn đạt trình độ phổ thông cho các ứng viên. Đồng thời, Trung tâm này phải trang bị kỹ năng sống, trau dồi kiến thức văn hóa ứng xử - làm việc để các tu nghiệp sinh dễ dàng hòa nhập với môi trường sống ở nước sở tại. MIF có ký túc xá và nhà ăn tập thể tạo điều kiện thuận lợi cho các học viên làm quen với cách thức sinh hoạt nhóm, kỷ luật học tập và tối giản chi phí đi lại, sinh hoạt cho học viên trong suốt quá trình đào tạo.

Bước đầu, MIF hướng đến Nhật Bản - nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới, đất nước có trình độ cao về phát triển khoa học kỹ thuật, thu nhập bình quân đầu người cao, đặc biệt là văn hóa ứng xử văn minh, lịch lãm, thân thiện với văn hóa Việt Nam. Hiện MIF đã thành lập Văn phòng đại diện tại Tokyo để làm đầu mối liên lạc, hỗ trợ mọi thông tin và giải đáp những vấn đề về thị trường lao động tại đây.

Thời gian tới, ngoài cung ứng lao động cho Thị trường Nhật, MIF còn thực hiện tư vấn du học và giới thiệu lao động đến nhiều quốc gia có nhu cầu lao động kỹ năng: Singapore, Mỹ, Úc. Hiện nay, MIF đã thực hiện những gót chân đầu tiên vào hoạt động cung ứng lao động vào thị trường Mỹ.

✓ Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2022

Từ đầu năm 2022, các hoạt động phòng chống COVID của chính phủ các nước phát huy hiệu quả, chính phủ Việt Nam cho phép nối lại đường bay đi tới các Quốc Gia và vùng lãnh thổ. Vào giai đoạn này, phía Nhật Bản cũng bắt đầu cho phép tiếp nhận nguồn lao động từ phía Việt Nam sang làm việc để bù đắp lại số lượng lao động bị thiếu hụt trong nước... từ thời điểm này, Công ty MIF bắt đầu hoạt động cung ứng lao động và đón tiếp đối tác với tần suất cao và liên tục. Các hoạt động kinh doanh của MIF trở lại ở điều kiện bình thường kể từ tháng 9/2022.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 như sự gặp gỡ, thăm hỏi, đàm phán kinh tế giữa MIF và các đối tác của MIF cũng như sự đình trệ lịch xuất cảnh của lao động; hoạt động đào tạo tập trung của trung tâm luôn bị gián đoạn; công tác tuyên truyền theo kênh sự kiện không thể thực hiện nhưng MIF vẫn đảm bảo duy trì các hoạt động ở mức độ tối ưu và hiệu quả nhất. Sự đoàn kết và quyết tâm của BLĐ và CB-CNV trong năm 2022 để tái lập lại các hoạt động ảnh hưởng bởi COVID của MIF đã đem lại kết quả mong đợi.

+ Với CB-CNV: Vẫn duy trì thu nhập cho CN-CNV trong suốt thời gian MIF không có hoạt động phát sinh doanh thu. Ít xảy ra tình trạng nghỉ việc ở các bộ phận nghiệp vụ quan trọng. Phúc lợi cho CB-CNV vẫn duy trì ở chế độ tốt nhất tại thời điểm.

+ Với lao động (Thực tập sinh) đang trong diện quản lý của MIF: Với lao động chưa xuất cảnh: MIF vẫn thực hiện theo các cam kết hỗ trợ khi xuất cảnh chậm; đóng lãi thay lao động với các khoản đã thanh toán. Cho lao động lưu trú miễn phí tới lúc xuất cảnh. Với lao động đang làm việc tại Nhật Bản: MIF vẫn duy trì kết nối online thường xuyên để động viên, cập nhật và hướng dẫn các chế độ hỗ trợ của chính phủ Nhật Bản để giúp lao động an tâm, bảo vệ tốt nhất các quyền lợi cho lao động.

+ Với đối tác: MIF vẫn duy trì kết nối, trao đổi và chia sẻ các giải pháp ứng phó trong điều kiện dịch bệnh, phong tỏa...nhằm ổn định tình hình của MIF và các đối tác truyền thống của MIF. Nhờ đó, dịch bệnh qua đi, sự tin tưởng của đối tác với MIF ngày càng cao và tuyệt đối.

Kết quả thực hiện năm 2022 so với kế hoạch như sau:

STT	Diễn giải	Đơn vị	Thực hiện/ Kế hoạch	%
1.	Sản lượng:			
	- Tuyển đầu vào:	học viên	117/ 293	40%
	- Trúng tuyển:	học viên	114/ 240	48%
	- Xuất cảnh:	học viên	131/ 234	56%
2.	Doanh thu:	tỷ	18.7/ 34.5	54%
	- Từ học viên:	tỷ	16.8/30.3	55%
	- Từ nghiệp đoàn:	tỷ	1.9/ 4.2	45%
3.	Lợi nhuận trước thuế:	tỷ	3.3/ 7.1	46%



✓ **Định hướng kinh doanh, kế hoạch chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2023**

Định hướng kinh doanh: Từ đầu năm 2022, Nhật Bản và các nước tiếp nhận lao động từ Việt Nam đã thay đổi các quy định phòng chống dịch Covid sang “Thích ứng an toàn” để khôi phục sự phát triển kinh tế - xã hội. Việc đi lại giữa các nước được dễ dàng và thuận lợi, đặc biệt Nhật Bản cho phép lao động Việt Nam được phép nhập cảnh lại từ 01/03/2022. Năm 2022, công ty tiếp tục tăng cường đẩy mạnh phối hợp với các địa phương để tuyển sinh, đào tạo và cung ứng lao động cho thị trường Nhật Bản. Thêm vào đó, tiếp cận thêm các thị trường tiếp nhận lao động Việt Nam có chế độ đãi ngộ tốt như: Úc, Mỹ... nhằm giúp người lao động có thu nhập cao và nâng cao tay nghề.

Kế hoạch chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2023:

STT	Diễn giải	Đơn vị	Kế hoạch
1.	Sản lượng:		
	- Tuyển đầu vào:	học viên	407
	- Trúng tuyển:	học viên	307
2.	- Xuất cảnh:	học viên	247
	- Doanh thu:	tỷ	37.3
	- Từ học viên:	tỷ	33.6
3.	- Từ nghiệp đoàn:	tỷ	3.7
	Lợi nhuận trước thuế:	tỷ	7.5



3.1.6 Công ty TNHH Sao Mai Super Feed



- Logo:
- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Website: www.saomaisuperfeed.com
- Thành lập ngày: 04/06/2014 theo giấy CNĐKKD số 1401976866 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 20/10/2022.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Sơn – Tổng Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Mua bán thủy sản.
 - Xây dựng các công trình dân dụng.
 - Kinh doanh bất động sản.
- Website: <https://www.saomaisuperfeed.com>
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Sao Mai Super Feed (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
400.000.000.000	400.000.000.000	100

Công ty TNHH Sao Mai Super Feed được thành lập với 100% vốn góp từ Sao Mai. Hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản nhằm tận thu tất cả các sản phẩm phụ để nâng cao chuỗi giá trị con cá tra, hướng đến phát triển bền vững của Tập Đoàn.

Nhà máy sản xuất thức ăn Sao Mai Super Feed được đầu tư hệ thống máy móc thiết bị nhập khẩu hoàn toàn từ Châu Âu, nạp liệu theo qui trình hoàn toàn tự động và khép kín với công suất 378.000 tấn/năm, gồm 7 dây chuyền, công suất mỗi dây chuyền 12 tấn/ giờ. Tổng vốn đầu tư gần 1.000 tỷ đồng. Ở giai đoạn I, Nhà máy sản xuất thức ăn hỗn hợp cho cá tra và cá rô phi đạt tiêu chuẩn Quốc gia: TCVN 10300 – 2014.

Bên cạnh đó, để từng bước chuẩn bị nguồn nguyên liệu đầu vào cho Nhà máy chế biến thức ăn, Tập đoàn đã thực hiện “Dự án liên kết phát triển cây khoai mì trên vùng đất sản xuất kém hiệu quả”. Tập đoàn hỗ trợ nông dân về cây giống, vật tư và bao tiêu sản phẩm. Diện tích trồng giống khoai mì KM140 sẽ được Tập đoàn phát triển mạnh trải dài qua 2 huyện Tịnh Biên và Tri Tôn của vùng Bảy Núi. Dự án sẽ là giải pháp tối ưu để hỗ trợ nông dân chuyển đổi, phát triển sản xuất tại những vùng đất trồng lúa không hiệu quả và chưa được đầu tư công trình thủy lợi, đồng thời sẽ giải quyết một phần nguyên liệu đầu vào cho nhà máy chế biến thức ăn.



Sao Mai Super Feed danh dự được nhận giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu



Khách hàng đến thăm nhà máy thức ăn



3.1.7 Công Ty TNHH Sao Mai Solar



- Logo : **Sao Mai Solar**
Go Green
- Địa chỉ : 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Thành lập ngày : 24/06/2017 theo giấy CNĐKKD số 1602043789 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 02/03/2023.
- Đại diện theo pháp luật : Bà Lê Thị Nguyệt Thu – Tổng Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh :
 - Lắp đặt hệ thống điện.
 - Xây dựng các công trình dân dụng.
- Website: <https://saomaisolar.vn>
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Sao Mai Solar	Tỷ lệ lợi ích (%)
20.000.000.000	20.000.000.000	100

Công ty TNHH Sao Mai Solar được thành lập với 100% vốn góp từ Sao Mai. Hoạt động chính trong lĩnh vực năng lượng sạch. Công ty chuyên lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời. Trong năm 2017, Công ty bắt đầu đi vào hoạt động, mở đầu là lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời cho các hộ dân, công ty,...

Năm 2022, do cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời hết thời hạn, các nhà đầu tư đang chờ đợi cơ chế mới, vì vậy việc lắp đặt và thi công các dự án sẽ bị chậm lại. Bên cạnh đó lưới điện quốc gia đang bị quá tải, EVN địa phương cắt giảm sản lượng phát điện thường xuyên. Dẫn đến doanh thu của Công ty bị giảm đáng kể. Kết quả kinh doanh 2022 chỉ đạt mức khiêm tốn.

ĐVT: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện		So sánh thực hiện năm 2022 với năm 2021	
		2021	2022	Tăng/Giảm	%
I	Doanh thu	105.601	54.786	(50.815)	(48)
II	Lợi nhuận trước thuế	2.850	1.082	(1.768)	(62)
III	Lợi nhuận sau thuế	2.850	1.082	(1.768)	(62)

Trong những năm qua, Sao Mai Solar thực hiện một số dự án NLMT như:

- Dự án lắp đặt các hệ thống NLMT ở Nhà Máy Nước An Hảo Tri Tôn-AG (530kWp).



- Dự án lắp đặt các hệ thống NLMT ở Khách sạn Đông Xuyên-An Giang (50kWp).



- Dự án lắp đặt các hệ thống NLMT cho công ty Đại Toàn Phát tỉnh Bình Dương (9,7MWp).



- Dự án lắp đặt các hệ thống NLMT ở cụm công nghiệp Lấp Vò Đồng Tháp (4.23MWp).



Kho Trisedco



Kho AFO (Dầu cá)



Kho 3



Kho 4



Kho 2A-2B

- Dự án lắp đặt các hệ thống NLMT ở **Hòn Đất Kiên Giang (2.3MWp)**.



- Dự án lắp đặt các hệ thống NLMT ở **Nước mắt Hương Giang (578.5kWp)**.



3.1.8 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI:



- Logo :
- Địa chỉ : QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập ngày : 15/07/2003 theo Giấy CNĐKKD số 0303141296 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. Đăng ký thay đổi lần 19, ngày 25/11/2019 tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Lê Văn Chung – Tổng Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Mua bán chế biến thủy hải sản
 - Nuôi trồng thủy sản, sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản.
 - Xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông; Kinh doanh nhà; Kinh doanh khách sạn.
 - Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất;
 - Kinh doanh bất động sản.
 - Sản xuất bao bì nhựa – giấy, nước đóng chai.
- Website: <https://idiseafood.com>
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào IDI (VND) (*)	Tỷ lệ lợi ích (%)
2.276.446.080.000	997.398.163.912	51,23

- Tình hình chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI sở hữu Nhà máy chế biến cá tra đông lạnh xuất khẩu với công suất lên 600 tấn nguyên liệu/ngày, được đầu tư dây chuyền thiết bị hiện đại, nhập khẩu từ các nước Châu Âu, sản phẩm của IDI luôn khẳng định chất lượng của mình trên thị trường. Bên cạnh việc duy trì tốt các thị trường lớn hiện có như: EU, Brazil, Colombia, Hoa Kỳ và Trung Quốc... IDI liên tục xúc tiến mở rộng các thị trường tiềm năng mới như Nga, Hàn Quốc, Trung Đông, Các nước Đông Âu....

Về nguyên liệu đầu vào, hiện nay, Công ty IDI có vùng nguyên liệu trên 350 ha, trong đó mô hình liên kết khoảng 300 ha, cung cấp trên 10.000 tấn cá/tháng, đảm bảo nguyên liệu ổn định cho 2 nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu hoạt động liên tục. Mô hình liên kết với nông dân đã giúp IDI hoàn toàn chủ động được nguồn nguyên liệu.

Nhiều năm liên tục, IDI giữ vững vị trí TOP đầu trong các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản lớn nhất Việt Nam, đóng góp tích cực vào ngành hàng chiến lược quốc gia.

▪ Tình hình kinh doanh 2022

Năm 2022, IDI ghi nhận mức tăng trưởng xuất khẩu ấn tượng nhất, dẫn đầu với mức tăng 146,57%, doanh thu ghi nhận 132 triệu USD. Với lượng đơn hàng xuất khẩu dồi dào đã ký đủ, IDI sẽ tiếp đà tăng trưởng dương, bứt phá mục tiêu thắng lớn tại 2 thị trường Trung Quốc (chiếm 33%) và Mexico (chiếm 28%) và mở rộng thị phần sang các nước khối EU, ASEAN.

Lãnh đạo IDI đã có nhiều chuyến làm việc tại Châu Âu khảo sát thị trường, ký kết thêm nhiều hợp đồng mới với các đối tác EU. Đột phá ngoạn mục trên đất Mỹ, song IDI tiếp tục công cuộc khai phá vùng đất mới đầy triển vọng, như: Tây Ban Nha, Pháp, Đức... kỳ vọng sẽ trở thành thị trường xuất khẩu chủ lực tại EU. Nguồn hàng “*phòng thủ*” lý tưởng là động lực để IDI thực hiện kế hoạch “*tiến công*” chớp lấy cơ hội vàng khi nhu cầu tiêu thụ cá tra tăng vọt. Trong đó, đáng chú ý nhất là Tây Ban Nha vẫn là nước dẫn đầu Châu Âu về sản xuất, tiêu thụ, xuất nhập khẩu thủy sản đông lạnh.

Nhìn chung, cơ cấu thị trường của IDI khá đa dạng:

STT	CHÂU LỤC	DOANH THU (USD)	TỶ LỆ (%)
1	CHÂU MỸ	43.707.631	33,1%
2	CHÂU Á	66.981.071	50,7%
3	CHÂU ÂU	13.473.343	10,2%
4	CHÂU PHI	3.415.695	2,6%
5	CHÂU ÚC	4.425.042	3,4%
Tổng		132.002.782	100%







Nhà máy đông lạnh số 1 đang hoạt động với công suất là 300 tấn nguyên liệu/12 giờ/ngày



Kho lạnh số 3 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm; Nhà máy đông lạnh số 2 hoạt động với công suất là 150 tấn nguyên liệu/12 giờ/ngày

Để xây dựng thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và xúc tiến bán hàng, nhằm tiếp cận và tìm kiếm khách hàng mới, hàng năm Công ty đều tham gia các kỳ Hội chợ lớn chuyên ngành thủy sản như hội chợ VIETFISH ở Việt Nam, CONXERMA ở Tây Ban Nha, GUFTFOOD ở Dubai - UAE, hội chợ BOSTON ở Mỹ, hội chợ thực phẩm ở Nga, hội chợ BRUSSELS ở Bỉ, Hội chợ Vũ Hán, Thanh Đảo, Phúc Châu, Quảng Châu, Thượng Hải ở Trung Quốc....



Tổng Giám đốc Công ty IDI (bên trái) chụp ảnh lưu niệm cùng đối tác tại Hội chợ triển lãm thủy sản toàn cầu Brussels lần thứ 27 tại Vương quốc Bỉ



Nhiều doanh nghiệp (Bì) tìm hiểu, ký kết hợp tác với Công ty IDI






Trụ sở văn phòng tại Cụm Công nghiệp của tập đoàn Sao Mai



Vùng nuôi cá nguyên liệu IDI

3.1.9 Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản (Trisedco):



- Logo : 
- Địa chỉ : Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 1600895650 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp ngày 15/03/2008, đăng ký thay đổi lần 21 ngày 04/03/2022.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Lâm – Tổng Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm thủy sản.
 - Mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến.
- Website: <http://trisedco.com>
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Trisedco (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
552.064.170.000	15.000.000.000	43,95

- Tình hình hoạt động

Trisedco được thành lập vào năm 2008, chính thức lên sàn giao dịch từ ngày 27/10/2015 với mã chứng khoán DAT.

Trisedco được biết đến là doanh nghiệp chế biến bột cá tra lớn nhất nước với nhà máy công suất hiện tại 450 tấn nguyên liệu/ngày, nguồn nguyên liệu chính là phụ phẩm cá tra (như đầu, xương, thịt vụn, nội tạng,...). Năm 2019, Công ty đã xây dựng thêm kho chứa thành phẩm lên 5.000 tấn. Năm 2021, Trisedco đã hoàn thành dự án “Hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất bột cá và bột nêm từ phụ phẩm cá Tra” với tổng số đầu tư khoảng 70 tỷ đồng, trong đó vốn nhà nước khoảng 20 tỷ được Bộ Khoa Học Công Nghệ phê duyệt và nhà nước cấp vốn.

Thị trường xuất khẩu chính của Trisedco hiện nay là: Nhật Bản, Thái Lan, Hàn Quốc, Đài Loan và Trung Quốc. Ngoài ra Trisedco còn là nhà sản xuất và cung cấp sản phẩm bột cá, mỡ cá uy tín và chất lượng cho thị trường nội địa tại Việt Nam.

- Tình hình kinh doanh

Hầu như cả năm 2022 Trung Quốc vẫn kiên trì với chính sách zero – covid nên việc xuất khẩu của hầu hết các công ty bột mỡ cá gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, chiến tranh Nga – Ukraina cũng đã làm giá xăng dầu, hóa chất tăng đột biến, làm chi phí logistic và một số chi phí đầu vào bị ảnh hưởng đáng kể. Chính vì thế, Trisedco đã tranh thủ tình hình để đẩy mạnh

hoạt động thương mại, mua bán trong nước, nhờ đó mà doanh thu được gia tăng. Tuy nhiên, hoạt động thương mại, mua bán trong nước thì có tỉ suất sinh lời rất thấp.

Kết quả kinh doanh 2022:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	% TH2022/TH2021	% TH2022/KH2022
Doanh thu thuần	2.260	2.300	2.995	132,52%	130,22%
Lợi nhuận sau thuế	34,7	150	80	230,83%	53,40%

Năm 2022, kết quả kinh doanh của Công ty Trisedco đạt được doanh thu thuần ở mức 2.995 tỷ đồng, đạt 130,2% so với kế hoạch đề ra và tăng 32,5% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt 80 tỷ đồng, đạt 53,4% so với kế hoạch đề ra và tăng 30,8% so với năm 2021. Công ty vẫn giữ vững các tiêu chí và hoạt động kinh doanh, triển khai đúng hạn các kế hoạch đã đề ra nên Trisedco vẫn giữ vững vị trí Top đầu doanh nghiệp sản xuất bột cá, mỡ cá lớn nhất Việt Nam.

Trisedco đạt được kết quả khả quan nhờ Công ty thực hiện tốt các giải pháp kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu đầu vào, các định mức sản xuất, cải tiến kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động, đặc biệt xúc tiến thương mại mở rộng thị trường: Thái Lan, Nhật, Hàn Quốc, Malaysia,...



Bột cá



Mỡ cá



Vây cá



Bong bóng cá



Bao tử cá

3.1.10 Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư tài chính (ASTAR)



- Logo:
- Địa chỉ: 254/1 Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang (địa chỉ cũ: số 326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang).
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 1600583700 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 12/10/2000. Đăng ký thay đổi lần 13 ngày 02/03/2023.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Lê Thanh Thuận – Tổng Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Astar (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
120.000.000.000	8.660.000.000	53,83

✓ Tiền thân của Công ty Astar là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Thiết kế Kiến trúc An Giang. Trong những năm qua, Astar đã thực hiện nhiều thiết kế công trình; Lập nhiệm vụ quy hoạch và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; lập dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn giám sát, quản lý dự án, ...do Sao Mai làm chủ đầu tư.

✓ Một số phối cảnh Astar đã thực hiện:



Cầu qua bàn tay Phật – trong Khu du lịch Điện mặt trời An Hảo



Phối cảnh trong Khu du lịch Điện mặt trời An Hảo



Phối cảnh nhà hàng – Resort Sao Mai Thanh Hóa



Khu nhà hàng, Gym, Bar – Resort Sao Mai Thanh Hóa

3.1.11 Công ty Cổ phần Điện mặt trời Europlast Long An

- Địa chỉ: Khu D, xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 1101877021 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 16/03/2018. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 08/03/2023.
- Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Nguyệt Thu – Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính: Điện mặt trời
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Europlast Long An (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
300.000.000.000	402.500.000.000	76,67%

Công ty CP Điện mặt trời Europlast Long An là chủ đầu tư dự án Nhà máy Điện mặt trời Europlast Long An. Dự án này có công suất nhà máy 50MW, xây dựng trên diện tích 58,6ha. Sau 6 tháng triển khai thần tốc, dự án điện Long An cũng được đấu nối ngày 10/06/2019 và được hưởng mức giá bán điện ưu đãi 9,35 cent/kWh.



Nhà máy điện mặt trời Europlast Long An tại xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An

3.1.12 Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh An Đắk Nông


- Địa chỉ: Số 1, tiểu khu 834, cụm Ba Tầng, xã Ea Pô, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông.
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 6400003341 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 18/10/2004. Đăng ký thay đổi lần 8 ngày 31/08/2022.
- Đại diện theo pháp luật: ông Trần Ngọc Đức - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng cây cao su
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Vĩnh An Đắk Nông (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
60.000.000.000		49,94

Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh An Đắk Nông là doanh nghiệp trồng cây cao su, có diện tích đất hơn 750ha. Công ty CP đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia IDI (công ty con của Sao Mai) đã mua lại công ty này cho kế hoạch thực hiện dự án Du lịch kết hợp với Điện năng lượng tái tạo.

3.1.13 Cổ phần Phát triển Bóng Đá Đồng Tháp



- Logo : 
- Địa chỉ : Số 140 Lê Duẩn, P.Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 1401993195 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 04/12/2014. Đăng ký thay đổi lần 5 ngày 25/09/2017.
- Đại diện theo pháp luật : Trần Lâm Vũ – Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Hoạt động của các lạc bộ thể thao
 - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.
 - Quảng cáo
 - Giáo dục thể thao và giải trí
 - Hoạt động thể thao khác.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Bóng đá Đồng Tháp (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
24.500.000.000	2.000.000.000	8,16

3.2. Tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên doanh liên kết:

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Tổng tài sản
1	Công ty CP Dũng Thịnh Phát Sài Gòn			50.000	50.097
2	Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	78.361	8.814	80.035	111.523
3	Công ty CP Du Lịch An Giang	131.567	14.955	112.054	399.150
4	Công ty CP Nhựt Hồng	131.737	68.475	80.000	390.191
5	Công ty CP Đầu tư Tài chính và Truyền thông Quốc tế MIF	18.761	3.261	13.600	13.751
6	Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	1.915.174	89.292	400.000	1.406.805
7	Công ty TNHH TM Sao Mai Solar	54.786	1.083	20.000	68.437
8	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI (riêng)	4.935.288	499.923	2.276.446	6.630.178
9	Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản Trisedco	2.994.644	80.099	629.351	1.752.664
10	Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính - Astar	593	-3.027	52.169	53.228
11	Công ty CP Điện mặt trời Europlast Long An	158.164	74.951	300.000	957.320
12	Công ty CP Đầu tư Vĩnh An Đắc Nông			60.000	64.139

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẬP ĐOÀN

1. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm 2022 so với 2021
	a	b	c	d	$e = (d-c)/c * 100\%$
1	Tổng giá trị tài sản	tỷ đồng	18.169	19.086	5,0%
2	Doanh thu thuần	tỷ đồng	11.398	13.749	20,6%
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	609	1.045	71,5%
4	Lợi nhuận trong công ty liên kết liên doanh	tỷ đồng	0	0	
5	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	786	1.062	35,1%
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	704	963	36,8%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/cổ phiếu	2.319	1.883	-18,8%

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (BCTC hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,42	1,27	
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	0,98	0,83	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,58	0,59	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,40	1,43	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	3,42	3,91	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,63	0,72	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,2%	7,0%	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	9,3%	12,3%	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,9%	5,0%	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5,3%	7,6%	

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành theo danh sách chốt ngày 14/03/2023: **336.526.752 cổ phần**
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: **336.526.752 cổ phần**

2. Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông trong nước và nước ngoài:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (*)
A	Phân theo cổ đông trong nước và ngoài nước	19.505	336.526.752	100%
I	Cổ đông trong nước	19.320	327.857.461	97,42%
1	Cổ đông là cá nhân	19.279	326.997.217	97,17%
	<i>HDQT, Ban TGD, KTT, BKTNN</i>			
2	Cổ đông là pháp nhân	41	860.244	0,26%
II	Cổ đông nước ngoài	185	8.669.291	2,58%
1	Cổ đông là cá nhân	157	1.789.192	0,53%
2	Cổ đông là pháp nhân	28	6.880.099	2,04%
B	Phân theo tỷ lệ sở hữu	19.505	336.526.752	100%
I	Cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	5	155.620.776	0
1	Cổ đông trong nước	5	155.620.776	46,24%
2	Cổ đông nước ngoài			
II	Cổ đông sở hữu dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	19.500	180.905.976	53,76%
1	Cổ đông trong nước	19.315	172.236.685	51,18%
2	Cổ đông nước ngoài	185	8.669.291	2,58%

(*) là tỷ lệ cổ phần của từng loại cổ đông trên tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty CP Tập đoàn Sao Mai

– Chi tiết cổ đông lớn:

STT	Họ và tên	CMND	Chức vụ tại cty	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Lê Thanh Thuận	350006170	TV.HĐQT - TGD	64.982.431	19,31%
2	Lê Thị Nguyệt Thu	351592182	CT.HĐQT	17.950.887	5,33%
3	Lê Thị Thiên Trang	351916791		17.288.415	5,137%
4	Lê Tuấn Anh	352242478	Phó TGD	37.901.290	11,26%
5	Võ Thị Thanh Tâm	351343854		17.497.753	5,20%
	Tổng Cộng			155.620.776	46,24%

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong quá trình phát triển, Công ty đã nhiều lần tăng vốn đầu tư chủ sở hữu, cụ thể như :

- **Tăng vốn lần 1:** Tăng vốn điều lệ từ 905.000.000 đồng lên 2.520.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 09/1997/NQ-HĐCĐ ngày 27/11/1997.
 - Thời gian thực hiện: Tháng 12 năm 1997.
 - Đối tượng phát hành: Cổ đông sáng lập.
 - Số lượng phát hành: 80,75 cổ phiếu, mệnh giá 20.000.000 đồng/cổ phần.
 - Tỷ lệ phân phối: Theo tỷ lệ nắm giữ của cổ đông sáng lập.
 - Giá phát hành: 20.000.000 đồng/cổ phiếu.
- **Tăng vốn lần 2:** Tăng vốn điều lệ từ 2.520.000.000 đồng lên 25.200.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 12/2000/NQ-HĐCĐ ngày 31/12/2000.
 - Thời gian thực hiện: Tháng 02 năm 2001.
 - Đối tượng phát hành: Cổ đông sáng lập.
 - Số lượng phát hành: 1.134 cổ phiếu, mệnh giá 20.000.000 đồng/cổ phần.
 - Tỷ lệ phân phối: Theo tỷ lệ nắm giữ của cổ đông sáng lập.
 - Giá phát hành: 20.000.000 đồng/cổ phiếu.
- **Tăng vốn lần 3:** Tăng vốn điều lệ từ 25.200.000.000 đồng lên 32.820.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/2004/NQ-HĐCĐ ngày 14/05/2004.
 - Thời gian thực hiện: Tháng 06 năm 2004.
 - Đối tượng và tỷ lệ phân phối: thỏa thuận giữa các cổ đông sáng lập theo tỷ lệ sở hữu.
 - Số lượng phát hành: 381 cổ phiếu, mệnh giá 20.000.000 đồng/cổ phần.
 - Giá phát hành: 20.000.000 đồng/cổ phiếu.
- **Tăng vốn lần 4:** Tăng vốn điều lệ từ 32.820.000.000 đồng lên 49.563.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 07/NQ-SM ngày 01/08/2007.

Tổng số lượng phát hành: 1.718.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó:

Phát hành cho người lao động (Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người lao động trong Công ty)

 - Số lượng phát hành: 164.000 cổ phần (tương đương 1,64 tỷ đồng mệnh giá).
 - Ngày chốt danh sách: 15/10/2007.
 - Tỷ lệ phân bổ quyền: Theo danh sách do HĐQT phê duyệt.
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Ngày phát hành: 24/10/2007.

Phát hành lần đầu ra công chúng theo hình thức đấu giá:

 - Số lượng phát hành: 1.510.300 cổ phần (tương ứng 15,103 tỷ đồng mệnh giá).
 - Ngày phát hành: 24/10/2007.
 - Ngày bắt đầu chào bán: 24/10/2007.
 - Ngày kết thúc chào bán: 05/12/2007.
 - Giá trung bình quân làm tròn: 104.000 đồng/cổ phần.
 - Thời hạn đăng ký mua: Từ ngày 24/10/2007 đến ngày 05/11/2007.
 - Thời gian thanh toán tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 14/11/2007 đến ngày 05/12/2007.

- Ngày kết thúc chuyển giao cổ phiếu: 20/12/2007.
- **Tăng vốn lần 5:** Tăng vốn điều lệ từ 49.563.000.000 đồng lên 99.126.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2009/NQ-HĐCĐ ngày 16/10/2009.
 - Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:1.
 - Ngày phát hành: Từ 14/11/2009 đến 21/11/2009.
 - Số lượng phát hành: 4.956.300 cổ phần.
 - Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối.
- **Tăng vốn lần 6:** Tăng vốn điều lệ từ 99.126.000.000 đồng lên 397.362.020.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 31/NQ-ĐHĐCĐBT/2010 ngày 07/11/2010.

Tổng số lượng phát hành: 29.823.602 cổ phiếu. Trong đó:

Phát hành 29.328.802 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cụ thể:

 - Thưởng 9.912.600 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 (Cổ đông sở hữu 1 cổ phần sẽ được thưởng 1 cổ phần mới) từ nguồn thặng dư và lợi nhuận chưa phân phối;
 - Chào bán 19.416.202 cổ phiếu:
 - Đối tượng: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền;
 - Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu;
 - Tỷ lệ chào bán: 1:2 (Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì được 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì được mua thêm 02 cổ phiếu mới);
 - Ngày phát hành: 16/3/2011.

Phát hành 494.800 cổ phần (tương đương 4,99% vốn điều lệ hiện tại) cho CBCNV của Công ty, cụ thể:

 - Đối tượng chào bán: CBCNV có tên trong danh sách lao động của ASM tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông;
 - Giá chào bán 10.000 đồng/cổ phần;
 - Ngày phát hành: 16/3/2011.
- **Tăng vốn lần 7:** Tăng vốn điều lệ từ 397.362.020.000 đồng lên 476.834.400.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/BB-ĐHĐCĐ/2013 ngày 14/09/2013.
 - Mục đích: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011 theo tỉ lệ 5:1 từ nguồn thặng dư và lợi nhuận chưa phân phối.
 - Đối tượng: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền
 - Ngày phát hành: Quý 4/2013.
 - Số lượng phát hành: 7.947.238 cổ phần.
- **Tăng vốn lần 8:** Tăng vốn điều lệ từ 476.834.400.000 đồng lên 1.072.877.400.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 17/05/2014.

Tổng số lượng phát hành: 59.604.300 cổ phiếu. Trong đó:

 - * Phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:
 - + Số lượng phát hành: 9.536.688 cổ phiếu
 - + Tỷ lệ thực hiện: 20%/vốn điều lệ

- + Nguồn thực hiện: Thặng dư vốn cổ phần
- + Ngày phát hành: 01/10/2014.

* Phát hành cho cổ đông hiện hữu:

- + Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu được hưởng quyền mua cổ phần mới theo tỷ lệ số cổ phần sở hữu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua.
- + Số lượng phát hành: 47.683.440 cổ phiếu
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- + Ngày phát hành: 24/11/2014.

* Phát hành cho cán bộ công nhân viên

- + Đối tượng chào bán: CBCNV có tên trong danh sách lao động của ASM đính kèm theo Nghị quyết HĐQT;
- + Số lượng phát hành: 2.384.172 cổ phiếu
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- + Ngày phát hành: 24/11/2014.

- **Tăng vốn lần 9:** Tăng vốn điều lệ từ 1.072.877.400.000 đồng lên 2.199.398.670.000 đồng (phát hành tăng vốn đợt 1 theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ/2015 ngày 29/03/2015)

Tổng số lượng phát hành: 112.652.127 cổ phiếu. Trong đó:

* Phát hành để trả cổ tức 2014:

- + Đối tượng được chia cổ tức là: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền
- + Số lượng phát hành: 5.364.387 cổ phiếu
- + Tỷ lệ thực hiện: 5%/vốn điều lệ
- + Nguồn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- + Ngày phát hành: 10/08/2015.

* Phát hành cho cổ đông hiện hữu:

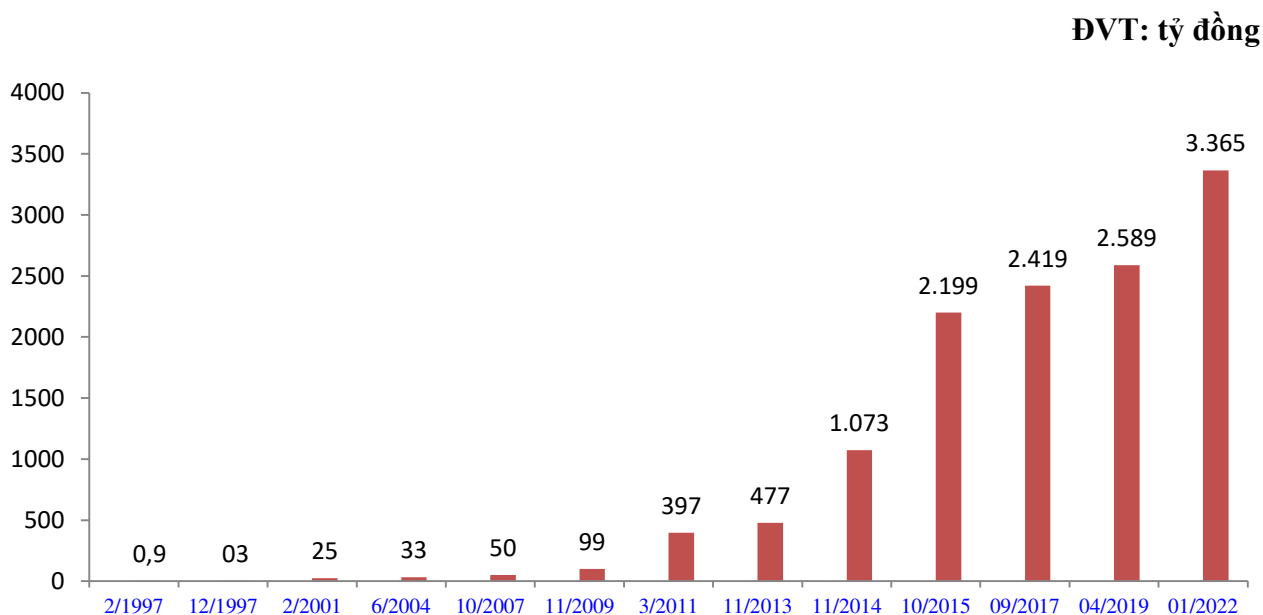
- + Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu được hưởng quyền mua cổ phần mới theo tỷ lệ số cổ phần sở hữu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua.
- + Số lượng phát hành: 107.287.740 cổ phiếu
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- + Ngày phát hành: 25/09/2015.

- **Tăng vốn lần 10:** Tăng vốn điều lệ từ 2.199.398.670.000 đồng lên 2.419.338.530.000 đồng (phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015 và 2016 theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ/2017 ngày 05/05/2017)

- + Đối tượng được chia cổ tức là: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền
- + Tổng số lượng phát hành: 21.993.986 cổ phiếu. Trong đó:
 - . Cổ tức năm 2015 là: 5%/vốn điều lệ
 - . Cổ tức năm 2016 là: 5%/vốn điều lệ

- + Nguồn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- + Ngày phát hành: 26/09/2017.
- **Tăng vốn lần 11:** Tăng vốn điều lệ từ 2.419.338.530.000 đồng lên 2.588.678.490.000 đồng (phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ/2018 ngày 26/04/2018)
 - + Đối tượng được chia cổ tức là: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền
 - + Tổng số lượng phát hành: 258.867.849 cổ phiếu. Trong đó:
 - . Cổ tức năm 2017 là: 5%/vốn điều lệ
 - . Cổ tức đợt 1 năm 2018 là: 2%/vốn điều lệ
 - + Nguồn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
 - + Ngày phát hành: 19/04/2019.
- **Tăng vốn lần 12:** Tăng vốn điều lệ từ 2.588.678.490.000 đồng lên **3.365.267.520.000 đồng** (phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 và năm 2020 theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ/2021 ngày 28/04/2021)
 - + Đối tượng được chia cổ tức là: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền
 - + Tổng số lượng phát hành: **77.658.903** cổ phiếu.
 - + Tỷ lệ thực hiện: 30%/vốn điều lệ
 - + Nguồn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
 - + Ngày phát hành: 17/01/2022.

Biểu đồ tăng trưởng vốn



4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm.

5. Các chứng khoán khác:

Trong năm 2022 công ty không có phát hành các chứng khoán khác và cũng không có các loại chứng khoán khác đang lưu hành.

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về môi trường ngày càng được quan tâm, vấn đề môi trường được coi là một vấn đề quan trọng tác động tới tiến trình phát triển bền vững hiện nay trên toàn thế giới. Các hoạt động gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến môi trường ngày càng bị lên án, người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường...

Nhận thức được tình hình trên, bên cạnh việc đóng góp tích cực về mặt kinh tế, tạo ra giá trị cho xã hội, tạo công ăn việc làm cho người lao động, Sao Mai luôn quan tâm đến môi trường và chọn những giải pháp tối ưu để bảo vệ môi trường.

1. Tác động lên môi trường

Phát triển điện năng lượng mặt trời giúp giảm phát thải khí CO₂, giảm phát thải nhà kính. Hiện nay Tập đoàn đã đầu tư thành công Nhà máy Điện mặt trời Sao Mai tại An Hảo huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang có tổng công suất 210 MWp và nhà máy điện mặt trời Europlast Long An tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An 50MWp. Ước tính mỗi năm sẽ đóng góp cho lưới điện quốc gia hơn 400 triệu kWh mỗi năm, đồng thời giảm 01 lượng lớn khí thải CO₂ đáng kể ra môi trường.

2. Tiêu thụ năng lượng và nước

Công ty chỉ sử dụng nước trong sinh hoạt hàng ngày của cán bộ nhân viên, chăm sóc cây cảnh... Công ty luôn quan tâm thực hiện chính sách tiết kiệm, thường xuyên nhắc nhở cán bộ nhân viên sử dụng đúng, đủ lượng nước theo nhu cầu, không lãng phí.

Trong văn phòng làm việc, Sao Mai luôn lựa chọn sử dụng những thiết bị tiết kiệm điện, thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, Công ty còn đề ra và quản lý định mức tiêu hao hàng tháng để đảm bảo việc sử dụng năng lượng và nước không vượt quá định mức tiêu hao đã đề ra.

Đối với nhà máy sản xuất, công ty đã lắp đặt hệ thống Điện mặt trời trên nóc nhà máy nhằm tận dụng được nguồn năng lượng sạch, giảm hơn 20% chi phí tiền điện mỗi năm cho công ty.



Hệ thống điện mặt trời trên nóc Nhà máy đông lạnh thủy sản IDI

3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Đối với lĩnh vực xây dựng và bất động sản, trước khi thực hiện dự án, Công ty đều có báo cáo thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường tại địa bàn thực hiện dự án. Đồng thời đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường, hệ sinh thái ở mức thấp nhất.

Đồng thời, khi thực hiện dự án, Công ty ưu tiên lựa chọn nhà thầu xây dựng có giải pháp tốt và cam kết thực hiện các biện pháp tối ưu để bảo vệ môi trường.

4. Chính sách liên quan đến người lao động

- Tổng số lao động của Tập đoàn Sao Mai tính bình quân năm 2022 là gần 12.000 người. Mức lương trung bình của người lao động từ 10 đến 30 triệu đồng/tháng.
- Định kỳ hàng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe cho người lao động. Nghiêm cấm tất cả cán bộ công nhân viên hút thuốc và có chế tài xử lý nếu CBCNV vi phạm nhằm bảo vệ sức khỏe cho người lao động của công ty. Công ty đã tổ chức tiêm phủ vắc-xin COVID-19 cho toàn thể cán bộ nhân viên.
- Công ty có chính sách khen thưởng cho CBCNV có nhiều thành tích đóng góp cho Công ty.
- Công ty luôn tạo điều kiện và hỗ trợ cho các bộ phận chuyên môn tham gia các buổi tập huấn, các lớp chuyên đề, hội thảo....về thuế, kế toán, chứng khoán,....
- Công ty có chính sách đào tạo đội ngũ lãnh đạo chủ chốt thông qua các lớp học phát triển kỹ năng, chuyên môn trong nước và nước ngoài.
- Ngoài ra Công ty còn có chính sách ưu đãi cho CBCNV mua nền trả góp.



Hội thi Thiết kế kiến trúc do Tập đoàn tổ chức ngày 21/02/2023

5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Nhiều năm qua, Tập đoàn Sao Mai luôn dẫn đầu trong phong trào chăm lo đời sống cho cộng đồng với nhiều chương trình như: Sao Mai ăn tết người nghèo; đóng góp vào Quỹ khuyến học - khuyến tài, Quỹ tiếp sức tài năng trong và ngoài tỉnh; tài trợ học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, tặng tivi cho trường học ở các địa phương khó khăn, tài trợ cho đồng bào bị lũ lụt; hỗ trợ kinh phí cho một số bệnh nhân, cán bộ công nhân viên của Tập đoàn mắc bệnh hiểm nghèo có điều kiện điều trị tốt hơn ... Thông qua việc thực hiện hàng loạt chính sách ASXH, Tập đoàn Sao Mai đã góp phần đem lại sự ổn định về tinh thần lẫn vật chất cho mỗi gia đình. Trong đợt dịch Covid vừa qua Sao Mai đã nhiều đợt đóng góp vào Quỹ phòng chống dịch trung ương và địa phương.

Chào xuân Quý Mão 2023, Tập đoàn Sao Mai lại mang hương vị Tết đoàn viên, ấm áp đến với những người có hoàn cảnh khó khăn. Thông qua chương trình “Sao Mai ăn Tết với người nghèo” được tổ chức tại các tỉnh thành nơi Tập đoàn có dự án đầu tư, Sao Mai đã gửi những phần quà đến các gia đình nghèo, người già neo đơn, người bị nhiễm chất độc da cam, người khiếm thị, trẻ mồ côi, người khuyết tật ... với tổng kinh phí khoảng 12 tỷ đồng. Mỗi suất quà của Tập đoàn mang thông điệp chúc xuân ý nghĩa giúp mọi người có thêm niềm vui đón Tết.

Ngoài ra, Sao Mai dành thêm gói kinh phí lên đến 8 tỷ đồng của chương trình để đầu tư mới nghệ thuật trang trí đường hoa xuân ở các địa phương: Nội ô TP Long Xuyên, huyện Châu Phú, huyện Tịnh Biên, thị xã Tân Châu (tỉnh An Giang), TP Cao Lãnh, huyện Lấp Vò (tỉnh Đồng Tháp) và 1 số địa phương tỉnh Thanh Hóa.





C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tình hình hoạt động kinh doanh:

Đầu năm 2022, nền kinh tế thế giới có sự phục hồi rõ rệt sau khi đại dịch Covid 19 được kiểm soát. Tuy nhiên đến giữa năm 2022, nền kinh tế bắt đầu bất ổn khi có biểu hiện của lạm phát tăng cao, mất ổn định an ninh lương thực và năng lượng, bất ổn chính trị, căng thẳng giữa Nga và Ukraina ngày càng leo thang, rủi ro suy thoái kinh tế của Hoa Kỳ,

Kinh tế của Việt Nam cũng bị ảnh hưởng nặng nề, lạm phát gia tăng, giá cả hàng hóa tăng phi mã đi kèm việc thắt chặt các điều kiện tài chính, trong khi các chính sách hỗ trợ của nhà nước ngày càng thu hẹp lại, các doanh nghiệp đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, người lao động bị thất nghiệp khi hàng loạt các nhà máy, khu công nghiệp phải đóng cửa, thu hẹp quy mô hoạt động.

Nhận thấy khó khăn hiện tại và có thể kéo dài đến hết năm 2023, Hội đồng quản trị đã theo sát tình hình của hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, kịp thời định hướng và chỉ đạo Ban điều hành quản lý chặt chẽ sản xuất, kiểm soát sát sao chi phí, tránh thất thoát lãng phí, tiết giảm chi phí quản lý, chi phí tài chính nhằm duy trì ổn định tình hình kinh doanh, vừa đảm bảo đời sống của hàng ngàn lao động trong Tập đoàn.

Tổng kết lại tình hình kinh doanh năm 2022, báo cáo tài chính hợp nhất Sao Mai 2022 đạt được những kết quả sau:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2021	Năm 2022		%	%
		Kế hoạch	Thực hiện	TH2022/ TH2021	TH2022/ KH2022
1. Doanh thu thuần	11.397,93	14.700,00	13.749,22	121%	94%
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	703,89	1.630,00	962,58	136%	59%
3. Vốn điều lệ	2.588,68	3.365,27	3.365,27	130%	100%

1.1. Về lĩnh vực Bất động sản:

Năm 2022 doanh thu thuần hợp nhất bất động sản đạt 317 tỷ đồng, bằng 56% so với kết quả kinh doanh năm 2021, và đạt 44% so với kế hoạch.

Chi tiết doanh thu thuần một số dự án tiêu biểu như sau:

STT	Tên Dự Án	Doanh thu thuần (tỷ đồng)
1	Khu dân cư Cái Dầu	13,3
2	Khu dân cư Bình Khánh 3	18,8
3	Khu dân cư Xuân thịnh	138,6
4	Khu dân cư Cà mau	131,7

Tình hình khai thác cụ thể các dự án Bất động sản của Tập đoàn tính đến ngày 31/12/2022:

Diễn giải	Theo dự án			Đã bán			Còn lại		
	Đất nền		Đất kinh doanh khác (m ²)	Đất nền		Đất kinh doanh khác (m ²)	Đất nền		Đất kinh doanh khác (m ²)
	Số nền	Diện tích (m ²)		Số nền	Diện tích (m ²)		Số nền	Diện tích (m ²)	
Khu dân cư Bình Khánh 3	2.564	250.832	4.950	2.467	236.246		97	14.586	4.950
Khu dân cư Bình Khánh 5	1.234	135.575	8.593	1.180	120.056		54	15.519	8.593
Khu dân cư Phú Hòa	295	21.698		295	21.698		0	0	0
Khu dân cư Cái Dầu - Châu Phú	1.031	105.392	10.400	1.023	103.725,9		8	1.666	10.400
Khu dân cư Châu Đốc	53	2.185		53	-		0		0
Khu dân cư Ngọc Hầu	192	31.042		192	31.042		0	0	0
Khu dân cư Tịnh Biên	1.159	110.027	13.529	1.116	105.730,3		43	4.297	13.529
Khu dân cư Tri Tôn	1.069	107.177	24.925	977	99.777,1		92	7.400	24.925
Khu dân cư Hội An	230	29.447	24.925	230	29.447	20.661	0	0	4.264
Khu dân cư Tân Hiệp	364	41.863		364	41.863		0	0	0
Khu dân cư TTTM Lấp Vò	507	55.739	38.791	500	55.325		7	415	38.791
Khu dân cư Xuân Thạnh	1.484	201.635	19.991	1.408	188.691		76	12.944	19.991
Khu dân cư Cà Mau	1.724	156.078		930	71.004,3		794	85.074	-
Tổng	11.906	1.248.690	146.104	10.735	1.104.605	20.661	1.171	141.900	125.443

1.2. Về lĩnh vực Thủy sản:

Doanh thu thương mại, thủy sản và thức ăn trên BCTC hợp nhất đạt 12.586,25 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2021 và đạt 97% kế hoạch đề ra. Nửa đầu năm 2022, do sau đại dịch Covid, tình hình xuất khẩu được khôi phục, tiêu dùng của người dân đã tăng trở lại. Các đơn hàng xuất khẩu bắt đầu nhiều lên. Thế nhưng đến đầu quý 2/2022 thị trường xuất khẩu có nhiều khó khăn, bất lợi do lạm phát tại nhiều quốc gia vẫn còn ở mức cao, nên chưa thể đạt được kế hoạch đề ra. Bên cạnh những khó khăn và thách thức, đầu năm 2023, với chính sách nới lỏng chống dịch Covid của Trung Quốc, Trung Quốc đã mở cửa trở lại, đây là thời cơ rất thuận lợi để xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp, trong đó có sản phẩm thủy sản của Việt Nam sang thị trường lớn này.

1.3. Về lĩnh vực Dịch vụ:

Doanh thu lĩnh vực dịch vụ, theo báo cáo tài chính hợp nhất đạt 236 tỷ đồng, tăng 214% so với năm 2021 và tăng 8% so với kế hoạch. Sau khi gỡ bỏ mọi hạn chế đi lại khi dịch Covid 19 được kiểm soát, các du khách Việt ưu tiên chọn du lịch nội địa do việc di chuyển xa còn nhiều hạn chế, giá cả cao, mức độ an toàn về dịch bệnh chưa đảm bảo, chính vì thế năm 2022 lượng khách du lịch nội địa ở các khu du lịch đã tăng trở lại. Nhiều chuyên gia khẳng định, đây là năm hồi sinh của du lịch nội địa. Tuy nhiên, kinh tế trong nước giai đoạn cuối năm 2022 đã ảnh hưởng đến kế hoạch chi tiêu của người dân đối với hoạt động du lịch, thậm chí có thể kéo dài đến hết năm 2023.

1.4. Về lĩnh vực điện mặt trời

Năm 2022, hai nhà máy điện mặt trời đã mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận đáng kể.

Tên nhà máy	Doanh thu (tỷ đồng)
Nhà máy Điện mặt trời Sao Mai xã An Hào, huyện Tịnh Biên 210Mwp (giai đoạn 1+2+3+4)	441
Nhà máy Điện mặt trời Europlast Long An tại xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ Long An 50Mwp	158
Tổng cộng	599

2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

✓ Về uy tín, Sao Mai đã khẳng định vị thế của Tập đoàn trên khắp cả nước. Các dự án của Sao Mai trải dài ở các tỉnh như An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Bến Tre, TP.HCM, Hòa Bình, Thanh Hóa.... Sao Mai luôn được các lãnh đạo ban ngành các tỉnh đồng thuận và ủng hộ. Không những thế, Tập đoàn Sao Mai đã nâng tầm thương hiệu của mình vang xa đến các bạn bè Quốc Tế. Các hoạt động kinh doanh và dự án của Sao Mai được các tổ chức kinh tế thế giới quan tâm, đến viếng thăm và làm việc. Tiêu biểu những năm gần đây như: Tập đoàn Desmet Ballestra (Châu Âu); Đoàn lãnh đạo Thành phố Oss – Hà Lan; Tập đoàn Koyo (Nhật); Công ty Hanmi Global (Hàn Quốc); Công ty Eiki Shoji Corporation (Nhật Bản); Lãnh đạo Cơ quan Phát Triển Quốc tế

Hoa Kỳ - USAID; Ban lãnh đạo Cơ quan hợp tác phát triển Đức (GIZ); Tập đoàn Siemens (CHLB Đức); Tập đoàn CJ (Hàn Quốc); Tập đoàn SKIOLD (Đan Mạch); Đoàn báo chí Đức

- ✓ Về tài chính, nhờ tình hình tài chính lành mạnh, kinh doanh vững vàng và uy tín trong mối quan hệ với các tổ chức tín dụng đã tạo thuận lợi cho Sao Mai trong việc khai thác và huy động nhiều nguồn vốn để thực hiện các dự án. Nổi bật nhất là gần 4.000 tỷ đồng của tổ chức tín dụng tài trợ cho Tập đoàn để hoàn thành hai Nhà máy điện mặt trời 210MWp tại xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang và Nhà máy điện mặt trời Europlast Long An 50 Mwp tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.
- ✓ Về nhân lực, Tập đoàn đã có một nguồn nhân lực dồi dào, có trình độ chuyên môn, đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của một Tập đoàn kinh doanh đa ngành nghề. Đội ngũ lao động trẻ được đào tạo bài bản, trình độ chuyên môn cao là nhân tố quan trọng giúp Sao Mai phát triển vững chắc và toàn diện.
- ✓ Về công nghệ, Sao Mai không ngừng ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cấp máy móc thiết bị hiện đại để xử lý công việc được nhanh chóng và tiện lợi, tiết kiệm thời gian và nâng cao năng suất lao động.



Ngày 06/06/2022, đoàn USAID (Cơ quan Phát triển Quốc tế Mỹ) ghé thăm và làm việc với Tập đoàn Sao Mai về lĩnh vực khai thác – đầu tư năng lượng

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tài sản:

- Năm 2022, Tổng tài sản của Tập đoàn Sao Mai đạt 19.086 tỷ đồng, tăng 917 tỷ đồng, cao hơn 5% so với năm 2021.
- Trong cơ cấu tổng tài sản thì tài sản dài hạn chiếm 9.837 tỷ đồng (# 51,54% tổng tài sản) và tài sản ngắn hạn chiếm hơn 9.248 tỷ đồng (# chiếm 48,46% tổng tài sản).

2. Nợ phải trả:

- Nợ phải trả của Tập đoàn Sao Mai là 11.246 tỷ đồng, tăng 6,1% so với năm 2021. Trong đó, Nợ ngắn hạn chiếm 7.296 tỷ đồng (# 64,88% tổng nợ phải trả), Nợ dài hạn chỉ có 3.949 tỷ đồng (# 35,12% tổng nợ phải trả)
- Một số chỉ tiêu liên quan đến nợ phải trả:

STT	Chỉ tiêu cơ cấu vốn	Năm 2021	Năm 2022
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,58	0,59
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,40	1,43

3. Hiệu quả sử dụng vốn:

Với mức lợi nhuận trên BCTC hợp nhất năm 2022 đạt 962,5 tỷ đồng, tăng 36,75% so với năm 2021. Tuy nhiên chỉ số EPS 1.883 đồng/cổ phần, giảm 18,8% so với năm 2021.

Đối với Công ty mẹ, lợi nhuận sau thuế đạt 476 tỷ đồng, tăng 1,9% so với năm 2021.

Năm 2022 Tập Đoàn đạt được những kết quả đáng chú ý như sau:

STT	Chỉ tiêu trên BCTC hợp nhất	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Nhận xét 2022 so với 2021
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	7.576	7.840	Tăng 3,48%
2	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.589	3.365	Tăng 30%
3	Doanh thu	Tỷ đồng	11.398	13.749	Tăng 20,63%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	704	963	Tăng 36,75%
5	Lợi nhuận sau thuế/một cổ phần	đồng/cổ phần	2.319	1.883	Giảm 18,8%

III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Bộ máy hoạt động đã được cơ cấu lại theo hướng gọn nhẹ, linh hoạt và hiệu quả;
- Một số bộ phận thực hiện khoán lương theo sản phẩm bước đầu đã phát huy tác dụng. Ngoài ra, Sao Mai còn tăng cường chế độ khen thưởng cho CBCNV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- Việc thực hiện phân quyền các bộ phận chuyên môn đã phát huy tính chủ động, sáng tạo của từng đơn vị trong công việc góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Theo các chuyên gia, năm 2023, nền kinh tế thế giới sẽ đối mặt với nhiều thách thức khi lạm phát gia tăng, mất ổn định an ninh lương thực và năng lượng, trở ngại trong tích lũy vốn, lao động và biến đổi khí hậu và chiến tranh giữa các nước phương tây vẫn chưa hạ nhiệt. Và Việt Nam cũng bị ảnh hưởng từ khó khăn chung của thế giới. Chính vì thế, Ban lãnh đạo Sao Mai đưa định hướng kinh doanh cho năm 2023 rất thận trọng.

IV.1. KẾ HOẠCH CỦA RIÊNG CÔNG TY SAO MAI

Ngành được xem là triển vọng và nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai vẫn là Năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. chính vì thế Tập đoàn sẽ tiếp tục mạnh dạn đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo với quy mô lớn. Bên cạnh đó Sao Mai vẫn xem bất động sản là ngành trọng yếu trong chiến lược phát triển của Tập đoàn, Thủy sản, du lịch vẫn là các ngành tiềm năng. Định hướng cụ thể từng lĩnh vực như sau

Chỉ tiêu kế hoạch của công ty năm 2023 như sau:

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch kinh doanh cho từng lĩnh vực			
	Bất động sản	Thương mại, Thủy sản	Dịch vụ	Năng lượng
Doanh thu thuần	120	3.500	30	640

1. Bất động sản:

Dựa vào các dự án Bất động sản Sao Mai đang khai thác, công ty đặt kế hoạch doanh thu năm 2023 khoảng 120 tỷ đồng. Hiện nay, Sao Mai có một số dự án trong định hướng phát triển của Tập đoàn. Tuy nhiên, tùy từng dự án mà Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty xem xét lựa chọn phương án phù hợp như tạo quỹ đất trước hay triển khai nhanh dự án nhằm giúp dự án mang lại hiệu quả cao nhất. Kế hoạch trong năm 2023, một số dự án bất động sản sẽ được ưu tiên thực hiện trước như: Khu đô thị mới Sao Mai Lam Sơn - Sao Vàng, Thọ Xuân, Thanh Hóa; Khu resort Sao Mai Thanh Hóa; Khu đô thị mới Sao Mai xã Minh Sơn và thị trấn Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa;

2. Thương mại, thủy sản:

- Về xuất khẩu: Đối với cá tra đông lạnh xuất khẩu, Sao Mai không mở rộng kinh doanh, chỉ giao dịch với những khách hàng truyền thống, có mua bán với Sao Mai trước đây. Phát triển theo hướng chuyên môn hóa tập trung, công ty IDI – công ty thành viên của Sao Mai sẽ phát triển mở rộng lĩnh vực chế biến và xuất khẩu cá tra file đông lạnh.

- Đối với thương mại, thủy sản, Tập đoàn vẫn duy trì vùng nuôi cá tra liên kết là 300ha, 90% sản lượng sản xuất của Nhà máy chế biến thức ăn được cung ứng cho vùng nuôi, phần còn lại bán cho khách hàng.

- Về đầu tư: Tiếp tục hỗ trợ các công ty thành viên trong kinh doanh cũng như phát triển công nghệ, nghiên cứu phát triển sản phẩm từ khâu nguyên liệu, sản xuất đến tiêu thụ, tạo ra chuỗi sản xuất khép kín cho giá trị kinh tế cao.

3. Xây dựng:

Trong năm 2023, Sao Mai chỉ tập trung hoàn thành các công trình đang dở dang. Sao Mai sẽ không nhận tổng thầu cho các công ty trong Tập đoàn, các công trình của Công ty nào làm chủ đầu tư sẽ do công ty đó trực tiếp đàm phán xây dựng. Tập đoàn chỉ tập trung vào công tác kiểm tra, giám sát chất lượng công trình.

4. Ngành dịch vụ:

Bên cạnh khai thác các dịch vụ sẵn có như Resort Sao Mai Bà Rịa Vũng Tàu, Khu cư xá Sao Mai và các văn phòng cho thuê,...Sao Mai tiếp tục tái cấu trúc lại Công ty CP Du lịch Đồng Tháp và Công ty CP Du lịch An Giang để khai thác tối đa tiềm năng của du lịch, xúc tiến nâng cấp, cải tạo các địa điểm du lịch như Đồi Túc Dục, Rừng Tràm Trà Sư, khai thác thêm địa điểm du lịch mới như Khu du lịch điện mặt trời An Hảo,... đưa lĩnh vực du lịch trở thành một trong những lĩnh vực chính của Tập đoàn. Ước tính doanh thu lĩnh vực dịch vụ của Sao Mai năm 2023 khoảng 30 tỷ đồng

5. Năng lượng tái tạo

Lĩnh vực năng lượng sạch đang là xu hướng của thời đại. Sử dụng nguồn năng lượng sạch giúp bảo vệ môi trường, trong khi đó, năng lượng hóa thạch ngày càng cạn kiệt và tàn phá môi trường khủng khiếp. Năng lượng mặt trời và năng lượng gió là hai nguồn năng lượng tái tạo đang được phát triển mạnh trên thế giới, được dự báo sẽ thay thế cho năng lượng hóa thạch và than đá. Việt Nam là nước đang phát triển, các doanh nghiệp lớn nước ngoài đã và đang đầu tư vào Việt Nam, chính vì thế nhu cầu điện sẽ tăng cao, đặc biệt là năng lượng sạch.

Tập đoàn xác định điện mặt trời, điện gió là lĩnh vực chủ chốt mà công ty tập trung nghiên cứu và đầu tư. Hiện nay, Tập đoàn đã có 2 Nhà máy điện mặt trời An Hảo 210Mwp và dự án điện mặt trời Long An 50Mwp đang khai thác, Tập đoàn đang tìm kiếm các dự án điện mới để tiếp tục khai thác hiệu quả lĩnh vực này. Kế hoạch doanh thu lĩnh vực điện mặt trời năm 2023 ước tính là 640 tỷ đồng.

IV.2. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT CỦA SAO MAI NĂM 2023

Chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn sẽ dựa vào kế hoạch kinh doanh của Sao Mai và các công ty con. Cụ thể một số công ty con có cơ cấu doanh số lớn như:

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu kế hoạch 2023								
	IDI	DAT	Sao Mai Super Feed	Du lịch AG	Du lịch ĐT	Nhật Hồng	Europlast Long An	Sao Mai Solar	MIF
Doanh thu thuần	5.637	2.495	2.170	122	82	197	157	66	34
Lợi nhuận sau thuế	120	60	102	17	10	77	72	1	6

Từ những định hướng trên và nhận định về tình hình kinh tế năm 2023, Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất của Sao Mai năm 2023 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất		
	Thực hiện 2022	Kế hoạch KD 2023	% KH2023/TH2022
1. Doanh thu thuần	13.749	15.250	110,92%
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	963	545	56,59%
3. Tỷ lệ chi trả cổ tức	Chưa thực hiện	5%-10%	

V. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty đã thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, không ngừng nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng khoa học công nghệ mới vào công tác điều hành, sản xuất nhằm bảo vệ môi trường tốt hơn.

Trong năm 2022, Sao Mai đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, không bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.



Các Nhà máy của Tập đoàn sử dụng nguồn năng lượng sạch – Pin năng lượng mặt trời

2. Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động

Công ty đã thực hiện tốt các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động, đảm bảo được việc làm, tiền lương, chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ khác cho người lao động.

Trong năm 2022, Sao Mai đã tuân thủ đúng quy định về An toàn lao động, không vi phạm chính sách, chế độ đãi ngộ đối với người lao động.



Ngày 03/11, Tập đoàn Sao Mai được vinh danh “Doanh Nghiệp vì người lao động năm 2022”



Những trận bóng đá mini – sân chơi lành mạnh cho các nhân viên Tập đoàn

3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Hàng năm Công ty đều thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, tích cực tham gia đóng góp kinh phí cho các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội, hỗ trợ các chương trình do địa phương phát động như: ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi lũ lụt, tặng quà Tết, đóng góp vào Quỹ phòng chống dịch trung ương và địa phương... Đây cũng là minh chứng cho lòng biết ơn và sự trân trọng của Sao Mai đối với các cấp chính quyền và người dân.

D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN SAO MAI

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hiệu quả sản xuất kinh doanh:

Theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán thì Công ty đã đạt được những kết quả sau:

Chỉ tiêu	Năm 2022		
	Kế hoạch (tỷ đồng)	Thực hiện (tỷ đồng)	% TH so với KH
Doanh thu thuần	14.700	13.749	94%
Lợi nhuận sau thuế	1.630	963	59%

Hội đồng quản trị đánh giá cao về kết quả kinh doanh năm 2022 của Sao Mai. Mặc dù doanh thu đạt 94% và lợi nhuận chỉ 59% so với kế hoạch nhưng đây cũng là kết quả đáng khích lệ cho Ban điều hành của công ty. Trong khi các doanh nghiệp sản xuất khác phải sản xuất cầm chừng, cắt giảm nhân công do thiếu vốn sản xuất, giá cả nguyên liệu đầu vào tăng cao do lạm phát, nhu cầu tiêu dùng giảm, thị trường xuất khẩu gặp khó khăn, thị trường bất động sản đóng băng.... áp lực về vốn, về chi phí tài chính đè nặng lên doanh nghiệp.

2. Tình hình đầu tư

- Dự đoán khả năng phục hồi mạnh của ngành dịch vụ du lịch sau dịch Covid, Sao Mai đã mạnh dạn triển khai đầu tư nâng cấp các khu du lịch sinh thái, khu vui chơi, nhà hàng khách sạn.. của các công ty con để phục vụ nhu cầu khách du lịch như: đầu tư Khu du lịch Điện mặt trời An Hảo; nâng cấp cải tạo Khu du lịch sinh thái Rừng Trà Trà Sư, Khu du lịch Đồi Tứ Dụ, ...tạo tiền đề cho Du lịch An Giang và Du lịch Đồng Tháp phát triển bền vững.

- Thành công của các dự án chính là nhờ Sao Mai đã luôn định hướng và lựa chọn đúng dự án đầu tư, phù hợp với mục tiêu phát triển của Tập đoàn. Với nguyên tắc không đầu tư dàn trải, tập trung vào các dự án có tính khả thi cao, thời gian thu hồi vốn ngắn nên các dự án Sao Mai đầu tư mang lại hiệu quả cao. Song song với việc khai thác các dự án đã hoàn thành, Sao Mai tiếp tục hoàn thiện hạ tầng các dự án dở dang, tìm kiếm đầu tư dự án mới để tạo sản phẩm kinh doanh. Với hình thức đầu tư “cuốn chiếu” này được công ty áp dụng thành công, giúp công ty giảm bớt áp lực tài chính, góp phần tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn trong những năm tiếp theo.

3. Trách nhiệm với môi trường và xã hội:

Hoạt động của Tập đoàn đang dần hướng tới sự phát triển bền vững và thể hiện trách nhiệm tới cộng đồng và xã hội. Tập đoàn luôn quan tâm đến đời sống cán bộ công nhân viên cả về vật chất và tinh thần, xây dựng môi trường làm việc năng động, trẻ trung và có nhiều cơ hội phát triển. Hội đồng quản trị đánh giá cao tinh thần tương thân tương ái trong nội bộ Tập đoàn, các hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo trong Tập đoàn đều được cán bộ Tập đoàn hỗ trợ, giúp đỡ.

Trách nhiệm với môi trường: Tập đoàn đã có các giải pháp bảo vệ môi trường bằng nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt trong việc sử dụng năng lượng sạch từ năng lượng mặt trời cho các nhà máy của công ty thành viên của Tập đoàn, hằng năm các nhà máy vừa tiết kiệm được tiền điện phải trả, vừa giảm thiểu được lượng khí thải nhà kính ...

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình một cách cẩn trọng theo đúng Điều lệ và quy định của pháp luật nhằm mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông. Qua giám sát, HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các Quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty cổ phần cũng như các quy chế nội bộ; đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT; đã luôn bám sát phương hướng, nhiệm vụ đề ra, bám sát tình hình thực tiễn, linh hoạt trong việc điều hành SXKD của Công ty; Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm toán được thực hiện tốt

Khó khăn nối tiếp khó khăn, vừa vượt qua khó khăn do Đại dịch Covid, đến giữa năm 2022 lại đến suy thoái kinh tế toàn cầu, đã tác động tiêu cực đến nhiều mặt của đời sống kinh tế xã hội Việt Nam nói chung, các doanh nghiệp trong nước nói riêng. Ban Giám đốc Công ty đã rất cố gắng, tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp duy trì và thúc đẩy hoạt động kinh doanh. Trong giai đoạn khó khăn nhất, Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên thực hiện nhiều biện pháp để ổn định sản xuất kinh doanh, đã tận dụng nhiều cơ hội để làm tiền đề phát triển kinh doanh khi kinh tế hồi phục trong khi có khá nhiều doanh nghiệp đã không vượt qua được.

III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị tiếp tục xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, tăng cường giám sát và kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh để đạt mục tiêu doanh thu thuần hợp nhất năm 2023 là 15.250 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 545 tỷ đồng.
- Tiếp tục phối hợp với Ban điều hành tập trung đẩy mạnh công tác Marketing và bán hàng nhằm tiêu thụ các sản phẩm đã hoàn thành, tăng nhanh vòng quay và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho Tập đoàn.
- Tập trung đầu tư các dự án đủ thủ tục pháp lý, đã có quỹ đất và nghiên cứu tìm kiếm, mở rộng đầu tư thêm nhiều dự án bất động sản mới, đồng thời định hướng đầu tư phát triển mạnh vào lĩnh vực Năng lượng tái tạo, Du lịch sinh thái,....
- Hội đồng quản trị sẽ tăng cường vai trò quản lý, giám sát, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong việc điều hành, sản xuất kinh doanh giúp Tập đoàn ngày càng phát triển.
- Tập trung tái cấu trúc các công ty thành viên theo mô hình Tập đoàn để hoạt động hiệu quả hơn.
- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức quản lý phù hợp với quy mô của Tập đoàn nhưng vẫn theo cơ chế tinh gọn, thông suốt và hiệu quả.
- Tiếp tục đưa cán bộ đi đào tạo trong và ngoài nước để nâng cao trình độ quản lý.
- Cải tiến phương thức quản lý tạo sự kết nối giữa các bộ phận theo hướng chuyên sâu nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.
- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của công ty.
- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện và sửa đổi bổ sung các Quy chế quản trị công ty phù hợp với mô hình tổ chức.

E. QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Đại hội cổ đông năm 2022 ngày 09/04/2022 đã thống nhất thông qua bầu bổ sung 1 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, nâng số thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Sao Mai nhiệm kỳ 2019 – 2024 lên 05 thành viên gồm Chủ tịch HĐQT, 01 Phó chủ tịch HĐQT và 03 thành viên HĐQT. Cụ thể:

STT	Họ & Tên	Chức vụ tại Sao Mai	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Lê Thị Nguyệt Thu	CT.HĐQT	5,33%
2	Nguyễn Văn Hưng	PCT.HĐQT kiêm Phó TGD	0,15%
3	Lê Thanh Thuận	TV.HĐQT kiêm TGD	19,31%
4	Nguyễn Thị Hồng Loan	TV.HĐQT (độc lập)	0,00%
5	Nguyễn Văn Phụng	TV.HĐQT (không điều hành) - đã có đơn xin từ nhiệm HĐQT ngày 21/06/2022	2,43%



1. Bà Lê Thị Nguyệt Thu - Chủ tịch HĐQT

- Bà Lê Thị Nguyệt Thu được vào Hội đồng quản trị từ năm 2015 và trở thành Chủ tịch HĐQT từ tháng 4/2019 đến nay.
- Trước đây, bà Nguyệt Thu công tác tại Tập đoàn Sao Mai từ năm 2010, từng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc phát triển dự án tại Tp. Hồ Chí Minh; Trợ lý Chủ tịch HĐQT; Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Sao Mai;
- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Sao Mai; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du Lịch An Giang; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp; Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựt Hồng; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dũng Thịnh Phát Sài Gòn; Tổng Giám đốc công ty TNHH Thương Mại Sao Mai Solar; Tổng Giám đốc Công ty CP Điện mặt trời Europlast Long An.

2. Ông Nguyễn Văn Hưng - Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc

- Đã trình bày ở phần Danh sách Ban Điều hành tại mục II. Tổ chức và nhân sự.

3. Ông Lê Thanh Thuận - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Đã trình bày ở phần Danh sách Ban Điều hành tại mục II. Tổ chức và nhân sự

4. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Thành viên HĐQT độc lập

- Bà Nguyễn Thị Hồng Loan được bầu làm thành viên HĐQT độc lập từ tháng 06/2020
- Trước đây là bà Nguyễn Thị Hồng Loan làm việc tại Ngân Nhà Nước chi nhánh tỉnh Kiên Giang từ 1986 - 1990
- Từ năm 1990 - 1997: trưởng phòng tín dụng ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang
- Năm 1997 - 2004: Phó Giám Đốc ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang
- Từ năm 2004 - 2013: Giám Đốc ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang.
- Từ năm 2013 - 2018: Giám Đốc ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bến Nghé
- Hiện tại Bà Nguyễn Thị Hồng Loan đang nắm giữ 13.455 cổ phần của Sao Mai

5. Ông Nguyễn Văn Phụng - Thành viên HĐQT không điều hành

- Ông Nguyễn Văn Phụng được bầu làm thành viên HĐQT không điều hành vào tháng 04/2022
- Trước đây, từ T10/1996 – T11/1998: ông làm việc tại Công ty TNHH Nhà Máy Sửa Chữa và Đóng Tàu Sài Gòn.
- Từ năm 1999 – 2001: ông làm việc tại Công ty CP Nước và Môi Trường WACO.
- Từ năm 2001 - 2004: Ông làm việc tại Tổng Công ty TM Hà Nội (HAPRO) – CN Sài Gòn.
- Từ năm 2005: Giám đốc Công ty TNHH Ha Đạt

2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, đã thực hiện đầy đủ và đúng đắn quyền và trách nhiệm của thành viên HĐQT theo các quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị công ty. Các quyết định đưa ra đều căn cứ vào sự đồng thuận của tất cả các thành viên.
- Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã công bố trong năm:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số: 01/2022/NQ - ASM	14/01/2022	V/v nhận chuyển nhượng góp vốn tại Công ty TNHH Chế biến Trà Jun Chow.
2	Số: 02/2022/NQ - ASM	14/02/2022	V/v triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
3	Số: 0608/2022/NQ-HĐQT-ASM	08/06/2022	V/v triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ
4	Số: 04/2022/NQ-HĐQT	25/06/2022	V/v chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Chế biến Trà Jun Chow
5	Số: 05/2022/NQ-ASM	08/09/2022	Về việc chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt
6	Số: 07/2022/NQ-ASM	22/09/2022	Về việc hủy bỏ Nghị quyết phương án phát hành cổ phiếu
7	Số: 08/NQ-HĐQT	05/10/2022	Về việc thông qua quy chế kiểm toán nội bộ

3.1 Về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

- HĐQT đã tập trung giám sát, chủ động đưa ra các giải pháp kịp thời, thông qua các nghị quyết, quyết định làm cơ sở cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện, cố gắng hoàn thành các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

- Tháng 11/2022, công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%/mệnh giá, tương ứng số tiền là 504.790.128.000 đồng.
- Trong năm 2022, trước tình hình chứng khoán không thuận lợi, Hội đồng quản trị đã quyết định không triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Công ty đã ngưng thực hiện đầu tư các dự án theo tờ trình số 02/TT-ĐHCĐTN-2022 ngày 09/04/2022 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và công ty đã tìm được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh

3.2 Trong công tác lãnh đạo, giám sát, chỉ đạo trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường để tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát diễn biến hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức.

Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo định kỳ và báo cáo theo yêu cầu...từ đó chỉ đạo, đưa ra các biện pháp, giải quyết nhanh chóng những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

Luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm toán nội bộ thực hiện tốt công tác kiểm soát. Đồng thời, trong từng trường hợp cần thiết, HĐQT yêu cầu Ban kiểm toán nội bộ kiểm tra, rà soát quá trình điều hành sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư, thực hiện các dự án,..

Trong năm 2022, tình hình chính trị thế giới diễn biến phức tạp, kinh tế toàn cầu suy thoái, nền kinh tế Việt Nam cũng ảnh hưởng nghiêm trọng, lãi suất tăng cao, tín dụng thắt chặt, bất động sản đóng băng, thị trường chứng khoán bất ổn, nhu cầu tiêu dùng giảm khi giá cả tăng cao do lạm phát... Các doanh nghiệp phải hứng chịu nhiều hệ lụy do nền kinh tế suy thoái gây ra. Tuy nhiên với sự nỗ lực và cố gắng của Ban điều hành đã đưa Công ty vượt qua khó khăn. Với mức doanh thu hơn 13.800 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2021 và đạt 94% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 963 tỷ đồng, bằng 59% so với kế hoạch và tăng 36,8%. Điều đó thể hiện sự nỗ lực và bản lĩnh của Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành để cố gắng đạt được kết quả khả quan trong môi trường kinh doanh đầy thách thức như vậy.

3.3 Trong công tác giám sát tài chính kế toán:

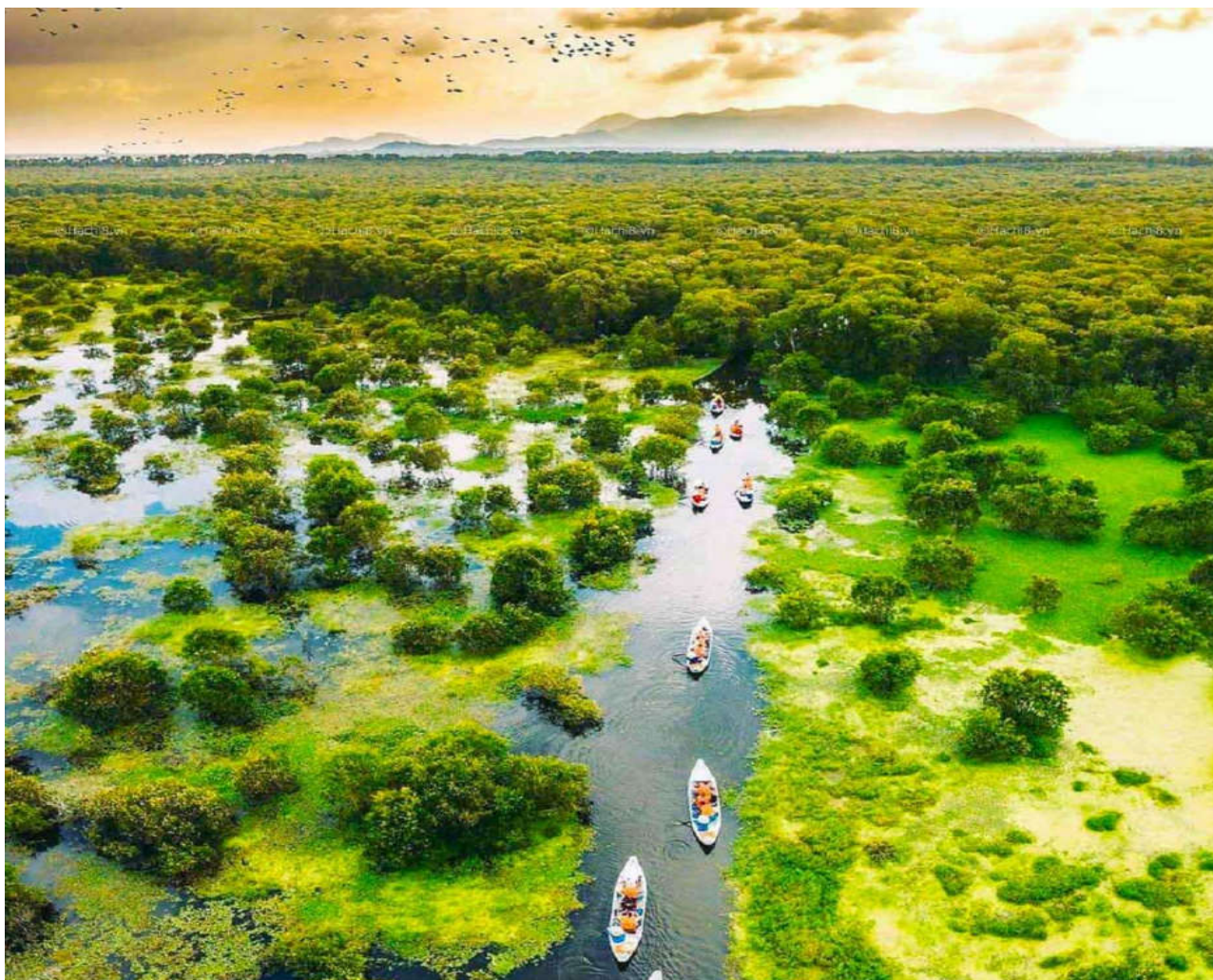
- Hội đồng quản trị luôn chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thường xuyên củng cố, nâng cao công tác kế toán, đảm bảo thực hiện đúng chế độ tài chính hiện hành, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.
- HĐQT giám sát chặt chẽ quy chế quản trị tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ của Tập đoàn thông qua báo cáo thu chi hàng ngày, báo cáo tình hình nợ vay hàng tuần, báo cáo quản trị... giúp cho HĐQT quản lý tốt dòng tiền, kiểm soát chi phí hợp lý, hiệu quả. Bên cạnh đó, HĐQT cũng cập nhật kịp thời tình hình tài chính để đưa ra những chủ trương, phương hướng cho kế hoạch tương lai.

3.4 Trong công tác chỉ đạo, định hướng hoạt động đầu tư.

Trong nhiều năm qua, HĐQT luôn định hướng và lựa chọn đúng dự án đầu tư, phù hợp với mục tiêu phát triển của Tập đoàn. Với nguyên tắc không đầu tư dàn trải, tập trung vào các dự án có tính khả thi cao, thời gian thu hồi vốn ngắn nên các dự án Sao Mai đầu tư mang lại hiệu quả cao.

Trong năm 2022, trước tình hình khó khăn và thử thách nhưng Sao Mai cũng đã tranh thủ cơ hội và thu mua được nhiều tài sản có giá trị rất lớn, giải phóng mặt bằng nhiều quỹ đất lớn có thể đáp ứng được kế hoạch kinh doanh cho lĩnh vực bất động sản trong nhiều năm tới.

Vẫn định hướng, phát triển lĩnh vực du lịch là chiến lược tương lai của Tập đoàn. Trong năm 2022, HĐQT đã mạnh dạn cho Sao Mai đầu tư Khu Resort Sao Mai Thanh Hóa, đồng thời định hướng cho các công ty con đầu tư Khu du lịch Điện mặt trời An Hảo; nâng cấp cải tạo Khu du lịch sinh thái Rừng Tràm Trà Sư, Khu di tích Đồi Tức Dụp,... tạo tiền đề cho Du lịch An Giang và Du lịch Đồng Tháp và chuỗi du lịch của Công ty phát triển bền vững trong thời gian tới.



Rừng Trà sư – Chuỗi du lịch sinh thái của Công ty CP Du lịch An Giang

II. BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm toán nội bộ:

- Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị, thay mặt HĐQT tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Ban điều hành cũng như trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Tập đoàn. Ban kiểm toán nội bộ gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm do HĐQT bầu ra.
- Ban kiểm toán nội bộ của Sao Mai nhiệm kỳ 2019 – 2024 gồm:

1. Ông Nguyễn Gia Thuận - Trưởng Ban kiểm toán nội bộ

- Ông Nguyễn Gia Thuận sinh năm 1978 tại Thốt Nốt, Cần Thơ. Tốt nghiệp Cử nhân tài chính, Cử nhân Quản trị kinh doanh.
- Năm 2002, ông làm Kế toán tổng hợp tại Sao Mai.
- Năm 2008: ông về làm Kế toán tổng hợp tại Công ty IDI.
- Năm 2009 đến nay: ông được bầu làm Kế toán trưởng Công ty Trisedco (DAT).

2. Ông Huỳnh Quốc Cường - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ

- Ông Cường sinh năm 1984, tại An Giang, tốt nghiệp Cử nhân kinh tế
- Từ năm 2011 đến tháng 7/2020, ông làm việc tại phòng kế toán Công Ty I.D.I
- Từ tháng 8/2020 đến nay, ông Cường làm việc tại phòng kế toán Công ty Sao Mai Super Feed

3. Ông Vũ Văn Thanh - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ

- Ông Thanh sinh năm 1990 tại Thanh Hóa. Tốt nghiệp Cử nhân kế toán
- Năm 2011 đến nay công tác tại Phòng kế toán Công ty Sao Mai.

2. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ:

Trong năm 2022 vừa qua, Ban kiểm toán đã tham gia nhiều hoạt động, cụ thể như sau:

- Kiểm tra góp ý các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.
- Tham dự những cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cũng như những vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển Công ty.
- Kiểm tra tiến độ thực hiện các nội dung của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022. Luôn bám sát kế hoạch và các giải pháp của Ban Giám đốc nhằm đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 được hoàn thành.
- Kiểm tra các chứng từ, sổ sách kế toán, các báo cáo kinh doanh và báo cáo kiểm toán của Công ty năm 2022.

- Tổng kết đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022. Kiểm tra tính chất hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, tính trung thực và tuân thủ trong quản lý, điều hành của các bộ phận, phòng ban nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Kiểm tra việc công bố thông tin định kỳ, thông tin tức thời đầy đủ, kịp thời theo quy định của UBCK nhà nước

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM TOÁN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/04/2021, Công ty đã thực hiện chi trả Tổng thù lao Hội đồng quản trị năm 2022 là 870.346.000 đồng. Cụ thể:

Chức vụ	Số ượng	Thù lao
Chủ tịch HĐQT	1	295.962.000
Thành viên HĐQT	3	274.384.000
TV độc lập HĐQT	1	300.000.000
TỔNG CỘNG	5	870.346.000

Đối với Ban Tổng giám đốc được nhận lương, thưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động của công ty.

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2022 có các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Người nội bộ/Quan hệ với người nội bộ/Cổ đông lớn	Cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Phụng	Cổ đông lớn	16.833.801	5,00%	16.792.701	4.75%	Bán
2	Công ty TNHH Ha Đạt	Người có liên quan Ông Nguyễn Văn Phụng thành viên HĐQT	240.000	0,07%	784.500	0,23%	Mua

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán (khoản 03 mục VIII phần thuyết minh - trang 46-52)

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Tập đoàn Sao Mai:

Trong năm 2022 Sao Mai đã cơ bản thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty đại chúng theo hướng dẫn tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ.

F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kiểm toán độc lập:

❖ **Đơn vị: Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**

- Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM;
- Điện thoại: (84.8) 38205944 Fax: (84.8) 38205942;
- Website: aascs.com.vn.

❖ **Ý kiến của kiểm toán viên:**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Sao Mai đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

(Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính năm 2022 hợp nhất đã kiểm toán được đính kèm ở phần sau của Báo cáo thường niên này).

Thành phố Long Xuyên, ngày 14 tháng 04 năm 2023

TM Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Lê Thị Nguyệt Thu

Nơi nhận:

- Quý cổ đông công ty;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT TPHCM (để b/c);
- Đăng Website công ty;
- Lưu VT, QHCD.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI

*Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 65

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015; lần thứ 27 ngày 02/10/2015; lần thứ 28 ngày 27/10/2017; lần thứ 29 ngày 08/06/2018; lần thứ 30 ngày 26/04/2019; lần thứ 31 ngày 04/05/2019 và lần thứ 32 ngày 04/03/2022.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: **3.365.267.520.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, bất động sản, thương mại, dịch vụ, ...

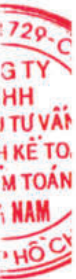
3. Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột matít; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; Năng lượng mặt trời, Xuất khẩu lao động; ...

4. Cấu trúc Công ty

Thông tin về chi nhánh:

- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai
Số 9 Nguyễn Kim, phường 12, Quận 5, TP Hồ Chí Minh
Mã số chi nhánh : 1600169024-014
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu nghỉ mát Sao Mai
Km 47 quốc lộ 51, thôn Song Vĩnh, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Mã số chi nhánh : 1600169024-012
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Lấp Vò - Đồng Tháp
Cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Mã số chi nhánh : 1600169024-017
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Bệnh viện Quốc Tế Sao Mai
Số 325/1 hẻm Hùng Vương, đường Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang
Mã số chi nhánh : 1600169024-019



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Thông tin về chi nhánh:

- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Cà Mau
Đường số 17, Khu dân cư phía Đông QL1A - khu A, xã Lý Văn Lâm, Tp.Cà Mau
Mã số chi nhánh : 1600169024-022
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thanh Hoá
Khu Đô Thị Mới Sao Mai, QL 47, Xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá
Mã số chi nhánh : 1600169024-013
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu Nghỉ mát KINGLE
Thôn Quyết Tâm, Xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá
Mã số chi nhánh : 1600169024-024

Thông tin về văn phòng đại diện:

- + Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại các tỉnh Phía Bắc
Địa chỉ : Nhà C và D - 9, Số 18 đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
Mã số VPĐD : 1600169024-016
- + Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành Phố Cần Thơ
Tòa nhà VCCI, Tầng 4, số 12, Hòa Bình, Phường An Cư, Tp.Cần Thơ
Mã số VPĐD : 1600169024-020
- + Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành phố Hoà Bình
Địa chỉ : Số nhà 151, tổ 5A, phường Phương Lâm, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.
Mã số VPĐD : 1600169024-018

Công ty con: 12 Công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
Đầu tư trực tiếp vào các công ty con:		
1. Công ty CP Dũng Thịnh Phát Sài Gòn	66,00%	66,00%
2. Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	86,76%	86,76%
3. Công ty CP Nhựt Hồng	60,00%	60,00%
4. Công ty CP ĐT Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	63,94%	63,94%
5. Công ty TNHH TM Sao Mai Solar	100,00%	100,00%
6. Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	100,00%	100,00%
7. Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	51,23%	51,23%
8. Công ty CP Du Lịch An Giang	71,82%	71,82%
9. Công ty CP Điện Mặt Trời EUROPLAST	76,67%	76,67%
Đầu tư gián tiếp vào các công ty con:		
10. Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	43,95%	82,67%
11. Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	53,83%	91,95%
12. Công ty CP Đầu Tư Vĩnh An Đắc Nông	49,94%	97,50%

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 31/12/2022 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Bà:	Lê Thị Nguyệt Thu	Chủ tịch
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông:	Lê Thanh Thuấn	Thành viên
Bà:	Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên
Ông:	Nguyễn Văn Phụng	Thành viên

(Bổ nhiệm ngày 09/04/2022 và từ nhiệm ngày 21/06/2022)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Lê Thanh Thuấn	Tổng Giám đốc
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà:	Lê Thị Phụng	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Nguyễn Hoàng Anh Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Trương Công Khánh	Giám Đốc Tài Chính

(Bổ nhiệm ngày 01/03/2023)

Các thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ bao gồm:

Ông:	Nguyễn Gia Thuận	Trưởng ban
Ông:	Huỳnh Quốc Cường	Thành viên
Ông:	Vũ Văn Thanh	Thành viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Lê Thanh Thuấn

Kế toán trưởng:

Bà: Ngô Thị Tố Ngân

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày thúc ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

Long Xuyên, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



LÊ THỊ PHƯƠNG



Số: ~~303A~~ BCKT/TC/2023/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai được lập ngày 28 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 65, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0064-2023-142-1

Kiểm toán viên

A blue handwritten signature in cursive script.

Lê Văn Tân

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4318-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.248.626.567.434	9.278.479.827.420
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	847.857.871.091	585.910.587.193
111	1. Tiền		469.261.233.509	464.795.726.298
112	2. Các khoản tương đương tiền		378.596.637.582	121.114.860.895
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	951.331.464.704	1.604.647.476.453
121	1. Chứng khoán kinh doanh		7.269.215.860	1.410.012.119
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(2.483.599.460)	(22.502.203)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		946.545.848.304	1.603.259.966.537
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.202.309.361.906	4.177.668.128.101
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	1.743.926.948.733	1.721.316.421.872
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.196.408.024.364	2.232.893.607.587
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	328.677.766.460	290.148.805.523
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.05	(66.708.831.008)	(66.792.240.408)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		5.453.357	101.533.527
140	IV. Hàng tồn kho	V.06	3.188.527.385.427	2.856.255.788.611
141	1. Hàng tồn kho		3.188.834.506.322	2.856.255.788.611
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(307.120.895)	
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		58.600.484.306	53.997.847.062
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.12	6.020.155.499	5.738.145.690
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		50.758.512.933	46.644.294.486
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	1.821.815.874	1.615.406.886
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.837.718.697.357	8.890.634.102.980
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		53.765.265.172	40.112.215.814
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		19.445.000	14.500.000
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	53.745.820.172	40.097.715.814
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		6.845.658.965.485	6.713.539.729.135
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	4.896.720.260.729	5.197.686.238.349
222	- Nguyên giá		6.167.162.954.516	6.261.072.263.062
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.270.442.693.787)	(1.063.386.024.713)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.09	514.575.899.892	249.470.828.912
225	- Nguyên giá		616.345.508.297	312.371.978.814
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(101.769.608.405)	(62.901.149.902)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	1.434.362.804.864	1.266.382.661.874
228	- Nguyên giá		1.536.947.516.258	1.347.788.344.380
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(102.584.711.394)	(81.405.682.506)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.11	514.055.256.040	323.039.583.988
231	- Nguyên giá		632.691.629.991	435.099.358.626
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(118.636.373.951)	(112.059.774.638)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.07	1.144.324.775.075	885.216.106.407
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.144.324.775.075	885.216.106.407
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	143.310.000.000	141.395.612.472
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.000.000.000	2.000.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		143.310.000.000	141.395.612.472
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.136.604.435.585	787.330.855.164
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	658.989.527.928	587.889.652.058
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.12	2.745.177.416	6.617.946.648
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại	V.12	474.869.730.241	192.823.256.458
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		19.086.345.264.791	18.169.113.930.400



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C . NỢ PHẢI TRẢ		11.246.527.040.268	10.592.774.179.941
310	I. Nợ ngắn hạn		7.597.608.876.479	6.531.470.969.868
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	641.870.176.785	963.645.033.225
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		314.803.642.365	581.448.360.748
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	219.821.688.852	175.979.524.158
314	4. Phải trả người lao động		41.036.410.118	32.170.951.971
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	45.498.970.354	34.709.555.726
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.18	3.407.421.023	6.029.710.244
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	102.578.625.133	70.200.898.238
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	6.190.363.934.046	4.632.894.701.377
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		38.228.007.803	34.392.234.181
323	13. Quỹ bình ổn giá			
330	II. Nợ dài hạn		3.648.918.163.789	4.061.303.210.073
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.14		771.341.821.237
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.18	14.978.392.900	14.648.536.668
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.17	1.870.000.000	1.870.000.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.13	3.630.029.947.981	3.271.683.210.882
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		2.039.822.908	1.759.641.286
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.19	7.839.818.224.523	7.576.339.750.459
410	I. Vốn chủ sở hữu		7.829.554.839.423	7.568.709.729.259
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.365.267.520.000	2.588.678.490.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.365.267.520.000	2.588.678.490.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		45.104.200.000	45.104.200.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		341.715.380.976	272.989.640.875
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		131.293.378.883	117.244.369.244
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		4.878.380.532	4.878.380.532
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		7.379.561.151	9.330.551.512
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.314.266.286.158	2.051.103.481.262
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		685.876.059.063	1.450.666.770.376
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		628.390.227.095	600.436.710.886
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.619.650.131.723	2.479.380.615.834
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		10.263.385.100	7.630.021.200
431	1. Nguồn kinh phí		10.263.385.100	7.630.021.200
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		19.086.345.264.791	18.169.113.930.400

Long Xuyên, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



TRẦN BẢO ĐÔNG



NGÔ THỊ TỐ NGÂN



LÊ THỊ PHƯƠNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	13.807.690.797.580	11.465.148.423.135
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	58.468.825.890	67.222.510.681
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.749.221.971.690	11.397.925.912.454
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	11.802.962.885.062	10.098.311.058.303
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp		1.946.259.086.628	1.299.614.854.151
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	280.672.224.103	200.488.549.062
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	564.524.518.008	463.008.189.278
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		470.435.819.831	445.545.332.734
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			
25	8. Chi phí bán hàng	VI.06	370.938.611.104	236.820.091.115
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	246.384.417.419	190.895.614.951
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.045.083.764.200	609.379.507.869
31	11. Thu nhập khác	VI.07	30.097.845.897	207.770.163.024
32	12. Chi phí khác	VI.08	13.197.479.582	30.853.379.096
40	13. Lợi nhuận khác		16.900.366.315	176.916.783.928
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.061.984.130.515	786.296.291.797
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	95.246.434.355	85.280.470.589
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.11	4.152.950.854	(2.871.797.402)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		962.584.745.306	703.887.618.610
61	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		628.390.227.095	600.436.710.886
62	19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát		334.194.518.211	103.450.907.724
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.12	1.883	2.319
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.13	1.883	1.546



Long Xuyên, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng



TRẦN BẢO ĐÔNG

NGÔ THỊ TỐ NGÂN

LÊ THỊ PHƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.061.984.130.515	786.296.291.797
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		412.832.468.632	412.663.425.454
03	- Các khoản dự phòng		2.768.218.152	(49.922.183.741)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		9.506.169.092	7.825.589.517
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(186.540.933.368)	(125.465.147.908)
06	- Chi phí lãi vay		470.435.819.831	445.545.332.734
07	- Các khoản điều chỉnh khác			6.390.174.000
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.770.985.872.854	1.483.333.481.853
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(269.781.303.837)	(142.052.983.583)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(313.900.086.203)	250.578.661.566
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		(1.007.951.114.568)	177.751.179.390
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(16.071.372.638)	(196.695.831.233)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(5.859.203.741)	(1.410.012.119)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(455.699.833.613)	(457.639.875.442)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(44.037.848.574)	(26.169.763.374)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.633.363.900	
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(164.226.378)	(113.800.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(339.845.752.798)	1.087.581.057.058
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.483.221.303.360)	(610.485.950.432)
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		222.193.559.095	29.824.474.823
23	- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.176.214.504.760)	(2.576.657.785.234)
24	- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.848.868.149.524	2.252.315.274.792
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			1.978.708.401
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		136.614.916.702	108.717.137.685
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(451.759.182.799)	(794.308.139.965)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
31	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		15.500.000.000	
32	- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	- Tiền thu từ đi vay		13.713.227.519.100	12.913.025.148.930
34	- Tiền trả nợ gốc vay		(11.948.764.990.072)	(13.336.213.862.641)
35	- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(93.538.359.309)	(63.901.729.536)
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(637.424.518.120)	(79.049.209)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.048.999.651.599	(487.169.492.456)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		257.394.716.002	(193.896.575.363)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		586.000.201.848	783.217.339.870
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.462.953.241	(3.410.177.314)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		847.857.871.091	585.910.587.193

011729
CÔNG TY
TNHH
VỤ TƯ VẤN
KẾ TOÁN
KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
TP. HỒ C

Long Xuyên, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

TRẦN BẢO ĐÔNG

Kế toán trưởng

NGÔ THỊ TỐ NGÂN

Thay mặt Ban Tổng giám đốc
Phó Tổng Giám đốc



LÊ THỊ PHƯƠNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015; lần thứ 27 ngày 02/10/2015; lần thứ 28 ngày 27/10/2017; lần thứ 29 ngày 08/06/2018; lần thứ 30 ngày 26/04/2019; lần thứ 31 ngày 04/05/2019 và lần thứ 32 ngày 04/03/2022.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: **3.365.267.520.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, bất động sản, thương mại, dịch vụ, ...

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột mịn; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; Năng lượng mặt trời, Xuất khẩu lao động; ...

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con:

- Tổng số các Công ty con	12
+ Số lượng Công ty con được hợp nhất	12
+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất	: 0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty cổ phần Dũng Thịnh Phát Sài Gòn	09 Nguyễn Kim, P12, Q5, TP.HCM	66,00%	66,00%	66,00%	66,00%
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	Số 06, Đốc Binh Kiều, Phường 2, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp	86,76%	86,76%	86,76%	86,76%
+ Công ty CP Nhứt Hồng	Số 29 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Thới, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang	63,94%	63,94%	63,94%	63,94%
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	Số 17 Nguyễn Văn Cung, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang	71,82%	72,71%	71,82%	72,71%
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	QL 80, Cụm CN Vàm Công, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
+ Công ty TNHH TM Sao Mai Solar	326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	QL80 CCN Vàm Cống, Lấp Vò, Đồng Tháp	51,23%	51,23%	51,23%	51,23%
+ Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	QL80 CCN Vàm Cống, Lấp Vò, Đồng Tháp	43,95%	43,95%	82,67%	82,67%
+ Công ty CP Điện Mặt Trời EUROPLAST Long An	Khu D, Xã Mỹ Thạnh Bắc, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An	76,67%	76,67%	76,67%	76,67%
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	254/1 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang	53,83%	53,83%	91,95%	91,95%
+ Công ty CP Đầu Tư Vĩnh An Đắc Nông (*)	Số 1, Tiểu khu 834, cụm 3 tầng, xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắc Nông, Việt Nam	49,94%		97,50%	

(*) Vào ngày 23/09/2022, Thông qua Công ty con của Công ty - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I, Công ty Cổ phần Đầu Tư Vĩnh An Đắc Nông trở thành công ty con theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 23/09/2022. Theo đó Tập đoàn đã gián tiếp hoàn tất việc mua và đạt quyền kiểm soát 97,5% tương ứng với tỷ lệ lợi ích 49,94% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Đầu Tư Vĩnh An Đắc Nông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	Số 9 Nguyễn Kim, phường 12, Quận 5, TP Hồ Chí Minh
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu nghỉ mát Sao Mai	Km 47 quốc lộ 51, thôn Song Vĩnh, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Lấp Vò - Đồng Tháp	Cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Cà Mau	Đường số 17, Khu dân cư phía Đông QL1A - khu A, xã Lý Văn Lâm, Tp.Cà Mau
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Bệnh viện Quốc tế Sao Mai	Số 325/1 Hùng Vương, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, An Giang
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thanh Hoá	Khu Đô Thị Mới Sao Mai, QL 47, Xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu Nghỉ mát KINGLE	Thôn Quyết Tâm, Xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá
+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại các tỉnh Phía Bắc	Nhà C và D - 9, Số 18 đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành phố Hoà Bình	Số nhà 151, tổ 5A, phường Phương Lâm, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.
+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành Phố Cần Thơ	Tòa nhà VCCI, Tầng 4, số 12, Hòa Bình, Phường An Cư, Tp.Cần Thơ



II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

1 . Chế độ kế toán:

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào Công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

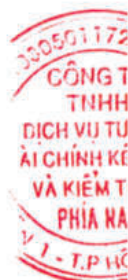
d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu (tiếp theo):

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 25 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

7. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

8. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

11 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính (tiếp theo)

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

12 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

13 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14 . Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

15 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của Công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

18 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

20 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

21 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

22 . Chi phí lãi vay không được khấu trừ

Phần chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định tại Nghị định này. Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được trừ này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm này.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

23 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

24 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

25 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26 . Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

26 . Công cụ tài chính (tiếp theo)

a. Tài sản tài chính

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

27 . Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Kết quả kinh doanh của Công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát Công ty con và chấm dứt vào ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát Công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán "Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là Công ty con và cũng không trở thành Công ty liên doanh, liên kết.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

27. Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát Công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào Công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại Công ty con và giá trị phần tài sản thuần của Công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm Công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với Công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến Công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với Công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào Công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi Công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con.

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

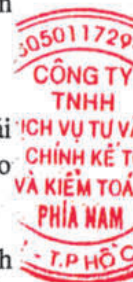
- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của Công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của Công ty con do Công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của Công ty con tại thời điểm trước và sau khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của Công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành Công ty mẹ, công ty liên kết trở thành Công ty con.

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các Công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của Công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu Công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của Công ty con, kế toán ghi giảm giá trị số cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi Công ty con.

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích Công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua Công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong Công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát (tiếp theo)

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

c. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	9.997.289.220	15.938.600.115
Tiền gửi không kỳ hạn	459.263.944.289	448.857.126.183
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	378.596.637.582	121.114.860.895
- Tiền gửi có kỳ hạn	378.596.637.582	121.114.860.895
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Cộng	847.857.871.091	585.910.587.193

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
a) Chứng khoán kinh doanh				
Tổng giá trị cổ phiếu	7.269.215.860	7.269.215.860	1.410.012.119	1.410.012.119
	7.269.215.860	7.269.215.860	1.410.012.119	1.410.012.119
Cộng	7.269.215.860	7.269.215.860	1.410.012.119	1.410.012.119
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
b1) Ngắn hạn	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
- Tiền gửi có kỳ hạn	946.545.848.304	946.545.848.304	1.603.259.966.537	1.603.259.966.537
b2) Dài hạn	143.310.000.000	143.310.000.000	141.395.612.472	141.395.612.472
- Tiền gửi có kỳ hạn	113.310.000.000	113.310.000.000	141.395.612.472	141.395.612.472
- Trái phiếu (*)	30.000.000.000	30.000.000.000		
Cộng	1.089.855.848.304	1.089.855.848.304	1.744.655.579.009	1.744.655.579.009
(*) Khoản đầu tư gồm 3000 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 đồng, kỳ hạn 10 năm; lãi suất: Lãi suất tham chiếu +0,8%/năm; do Ngân hàng TM CP Công thương Việt Nam phát hành.				
c) Đầu tư vào đơn vị khác				
+ Công ty CP Bóng Đá Đồng Tháp (**)	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

(**) Do các công ty trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

a) Ngắn hạn Bên khác

- + Công ty Mua Bán Điện - Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam
- + Công ty Cổ phần Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch
- + Công ty Cổ phần SATRA Thái Sơn
- + Công ty TNHH MTV Kiểm Định & Đầu Tư Toàn Cầu
- + Công ty Cổ phần Dầu cá Châu Á
- + Khách hàng khác

Bên liên quan

b) Dài hạn

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	1.743.926.948.733	1.721.316.421.872
	74.334.937.655	50.774.097.320
	202.565.755.061	186.509.921.660
	6.974.620.468	6.974.620.468
	135.924.719.817	391.488.761.520
	354.337.434.353	275.225.172.264
	969.789.481.379	810.343.848.640
	1.743.926.948.733	1.721.316.421.872

04 . PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

Tạm ứng

- Bùi Thị Ngọc Linh
- Lê Văn Ba
- CBCNV khác

Phải thu khác

- Công ty CTTC TNHH MTV NHTMCP Công Thương VN
- Cục thuế tỉnh Đồng Tháp - hoàn thuế
- Huỳnh Phú Cường
- Đối tượng khác

b) Dài hạn

Ký cược, ký quỹ

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	328.677.766.460	(528.000.000)	290.148.805.523	(528.000.000)
	248.364.537.730		208.242.658.915	
	18.366.577.000		15.306.240.000	
	17.487.227.000			
	212.510.733.730		192.936.418.915	
	80.313.228.730	(528.000.000)	81.906.146.608	(528.000.000)
	6.414.221.939		4.275.143.932	
	9.765.382.177		19.600.000.000	
	26.514.170.000			
	37.619.454.614	(528.000.000)	58.031.002.676	(528.000.000)
	53.745.820.172		40.097.715.814	
	53.745.820.172		40.097.715.814	
	382.423.586.632	(528.000.000)	330.246.521.337	(528.000.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

05. NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ LLC "Sata Fish Ltd"	9.467.468.250		9.467.468.250	
+ Alfredo Foods	9.073.064.061		9.073.064.061	
+ Alliance Seafood Group	9.107.273.406		9.107.273.406	
+ Lapson International Trading Ltd	6.885.734.871		6.885.734.871	
+ Sarl Globe Alliance	7.104.351.914		7.104.351.914	
+ Tian Ye Aquatic Products Co. Ltd	6.554.141.866		6.554.141.866	
+ Công ty TNHH cơ điện tử Quang Huy BK	2.900.000.000		2.900.000.000	
+ Công ty CP SATRA Thái Sơn	6.851.211.068		6.974.620.468	
+ Đối tượng khác	8.765.585.572		8.725.585.572	
Cộng	66.708.831.008		66.792.240.408	

2. Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu: không có

06. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	136.087.127.603		169.321.634.041	
- Công cụ, dụng cụ	8.169.161.201		7.088.589.446	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	778.679.186.577		577.939.561.052	
- Thành phẩm	1.110.351.863.454		913.768.328.696	
- Hàng hóa	414.450.845.159	(307.120.895)	327.942.428.788	
- Hàng gửi đi bán	13.736.172.071		36.911.723.550	
- Hàng hóa bất động sản	727.360.150.257		823.283.523.038	
Cộng	3.188.834.506.322	(307.120.895)	2.856.255.788.611	

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 1.626.098.686.354 đồng.

- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: giá gốc của thành phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày 31/12/2022.

Hàng tồn kho	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị sổ sách	Giá trị trích lập
+ Thành phẩm cá	Kg	273.619	12.661.116.618	307.120.895

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

07. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
b) Xây dựng cơ bản dở dang		
Mua sắm TSCĐ	16.713.024.794	59.564.170.167
- Kho lạnh 04	14.308.913.450	14.308.913.450
- Dây chuyền Shortening & Margarine		44.960.714.000
- Khác	2.404.111.344	294.542.717
Xây dựng cơ bản	1.127.611.750.281	825.651.936.240
- Đường GTGT Bình Khánh 3	1.147.923.083	1.147.923.083
- Khu dân cư Hoà Bình	1.653.591.160	1.653.591.160
- Khu văn phòng và nhà ở cao tầng - HCM	48.887.782.570	48.887.782.570
- Khu Đô Thị Mỹ Tho	882.034.099	882.034.099
- Khu Dân cư Cà Mau	323.127.547	323.127.547
- Kho lạnh 04	140.231.690.879	136.857.561.427
- Dự án năng lượng mặt trời Tại Huyện Ea H'Leo - Đắk Lắk	174.000.000	174.000.000
- Nhà máy điện năng lượng mặt trời - Tịnh Biên An Giang	55.992.877.500	53.543.924.500
- Chi phí đầu tư xây dựng Khu Du Lịch Trà Sư	42.270.139.577	41.752.876.029
- Chi phí đầu tư dự án Du lịch năng lượng mặt trời An Hào	13.681.165.939	8.550.180.124
- Sửa chữa Cụm Khách Sạn Đông Xuyên		1.780.909.090
- Khu đô thị Bình Long	401.317.925.000	401.317.925.000
- Xây dựng trụ sở làm việc 12 tầng		55.071.416.868
- Khu Dân Cư Lam Sơn Sao Vàng	131.815.000.000	41.700.000.000
- Khu Dân Cư Tân Châu - An Giang	34.165.727.108	1.285.000.000
- Khu Dân Cư Sao Mai Bình Khánh 4	1.000.000.000	
- Khu Đô Thị Mới Sao Mai Tây Khánh 4+5 khu Mỹ Hòa	1.000.000.000	
- Khu Đô Thị Mới Sao Mai xã Minh Sơn & TT Triệu Sơn, H.Triệu Sơn	41.161.077.853	
- Khu Resort Thọ Xuân (KINGLE) Thanh Hóa	23.601.536.000	
- Dự án bột nôm	10.116.986.563	
- Dự án mua đất Mỹ Thới	160.596.107.266	
- Công trình khác	17.593.058.137	30.723.684.743
Cộng	1.144.324.775.075	885.216.106.407

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

08. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	1.648.158.119.496	4.394.169.154.192	76.822.543.864	34.215.673.727	107.706.771.783	6.261.072.263.062
2. Số tăng trong năm	268.408.336.902	62.554.729.473	14.968.680.102	2.378.936.004	461.274.300	348.771.956.781
- Mua trong năm	45.477.655.273	5.172.498.218	6.364.828.775	2.196.500.820	461.274.300	59.672.757.386
- Đầu tư XDCB hoàn thành	222.930.681.629	2.262.512.927		182.435.184		225.375.629.740
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		55.119.718.328				55.119.718.328
- Tăng khác			8.603.851.327			8.603.851.327
3. Số giảm trong năm		442.559.101.327		122.164.000		442.681.265.327
- Thanh lý, nhượng bán		433.955.250.000		122.164.000		434.077.414.000
4. Số dư cuối năm	1.916.566.456.398	4.014.164.782.338	91.791.223.966	36.472.445.731	108.168.046.083	6.167.162.954.516
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	251.861.830.236	724.147.767.608	57.181.314.121	12.284.466.511	17.910.646.237	1.063.386.024.713
2. Khấu hao trong năm	79.889.541.342	210.650.435.908	12.352.972.169	2.945.320.293	4.067.141.838	309.905.411.550
- Khấu hao trong năm	79.889.541.342	190.161.633.081	6.419.675.066	2.945.320.293	968.103.274	280.384.273.056
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		20.488.802.827				20.488.802.827
- Tăng khác			5.933.297.103		3.099.038.564	9.032.335.667
3. Giảm trong năm	3.209.730	102.728.659.603		116.873.143		102.848.742.476
- Thanh lý, nhượng bán		96.798.572.230		116.873.143		96.915.445.373
- Giảm khác	3.209.730	5.930.087.373				5.933.297.103
4. Số dư cuối năm	331.748.161.848	832.069.543.913	69.534.286.290	15.112.913.661	21.977.788.075	1.270.442.693.787
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	1.396.296.289.260	3.670.021.386.584	19.641.229.743	21.931.207.216	89.796.125.546	5.197.686.238.349
2. Tại ngày cuối năm	1.584.818.294.550	3.182.095.238.425	22.256.937.676	21.359.532.070	86.190.258.008	4.896.720.260.729

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 4.199.084.459.771 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 218.491.683.934 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

09 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm		295.929.921.370	16.442.057.444	312.371.978.814
2. Số tăng trong năm	11.070.071.709	347.880.946.102		358.951.017.811
- Thuê tài chính trong năm	11.070.071.709	347.880.946.102		358.951.017.811
- Tăng khác				
3. Số giảm trong năm		54.977.488.328		54.977.488.328
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính		54.977.488.328		54.977.488.328
- Giảm khác				
4. Số dư cuối năm	11.070.071.709	588.833.379.144	16.442.057.444	616.345.508.297
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm		61.734.948.364	1.166.201.538	62.901.149.902
2. Khấu hao trong năm	2.376.858.627	54.494.092.487	2.486.310.216	59.357.261.330
- Khấu hao trong năm	2.376.858.627	54.494.092.487	2.486.310.216	59.357.261.330
- Tăng khác				
3. Giảm trong năm		20.488.802.827		20.488.802.827
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính		20.488.802.827		20.488.802.827
- Giảm khác				
4. Số dư cuối năm	2.376.858.627	95.740.238.024	3.652.511.754	101.769.608.405
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm		234.194.973.006	15.275.855.906	249.470.828.912
2. Tại ngày cuối năm	8.693.213.082	493.093.141.120	12.789.545.690	514.575.899.892

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 11.132.558.456 VND

- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính

- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	1.346.503.104.380	1.224.000.000	61.240.000	1.347.788.344.380
2. Số tăng trong năm	240.987.103.829			240.987.103.829
- Mua trong năm	240.987.103.829			240.987.103.829
- Tăng khác				
3. Số giảm trong năm	51.827.931.951			51.827.931.951
- Thanh lý, nhượng bán	37.786.429.991			37.786.429.991
- Giảm khác	14.041.501.960			14.041.501.960
4. Số dư cuối năm	1.535.662.276.258	1.224.000.000	61.240.000	1.536.947.516.258
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	80.310.957.822	1.044.031.557	50.693.127	81.405.682.506
2. Khấu hao trong năm	21.030.878.132	137.603.883	10.546.873	21.179.028.888
- Khấu hao trong năm	4.028.415.252	137.603.883	10.546.873	4.176.566.008
- Tăng khác	17.002.462.880			17.002.462.880
3. Giảm trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
4. Số dư cuối năm	101.341.835.954	1.181.635.440	61.240.000	102.584.711.394
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	1.266.192.146.558	179.968.443	10.546.873	1.266.382.661.874
2. Tại ngày cuối năm	1.434.320.440.304	42.364.560		1.434.362.804.864



- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 434.950.746.593 VND.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 986.240.000 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

11 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) BĐS đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	435.099.358.626	216.610.038.812	19.017.767.447	632.691.629.991
- Quyền sử dụng đất	91.127.289.711	146.611.955.784		237.739.245.495
- Nhà	343.972.068.915	69.998.083.028	19.017.767.447	394.952.384.496
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế	112.059.774.638	14.524.295.051	7.947.695.738	118.636.373.951
- Quyền sử dụng đất	2.742.888.726	392.211.852		3.135.100.578
- Nhà	109.316.885.912	14.132.083.199	7.947.695.738	115.501.273.373
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại	323.039.583.988			514.055.256.040
- Quyền sử dụng đất	88.384.400.985			234.604.144.917
- Nhà	234.655.183.003			279.451.111.123
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
b) BĐS đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Tổn thất do suy giảm giá trị				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
- Giá trị còn lại cuối năm của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 432.753.549.919 VND				
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 VND				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	6.020.155.499	5.738.145.690
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.863.358.625	1.547.160.943
Các khoản khác	3.156.796.874	4.190.984.747
b) Dài hạn	658.989.527.928	587.889.652.058
Tiền thuê đất Sa Đéc	49.272.216.050	50.383.619.426
Tiền thuê đất nhà máy năng lượng mặt trời Tịnh Biên	478.020.264.842	488.662.440.398
Tiền thuê đất chợ Sao Mai Bình Khánh 5	3.785.857.033	3.877.450.345
Tiền thuê đất rừng	14.974.238.831	15.930.038.831
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.550.892.443	14.598.174.539
Các khoản khác	101.386.058.729	14.437.928.519
d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.745.177.416	6.617.946.648
Thuế thu nhập hoãn lại	2.745.177.416	6.617.946.648
c) Lợi thế thương mại	474.869.730.241	192.823.256.458
Giá trị LTTM phát sinh từ việc mua Công ty con	474.869.730.241	192.823.256.458
Cộng	1.142.624.591.084	793.069.000.854

Ghi chú:

Ghi chú: Giá trị còn lại cuối năm của chi phí trả trước dài hạn dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 531.078.337.925 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn

	Giá trị	Số cuối năm	Tăng	Trong năm	Giảm	Giá trị	Số đầu năm
	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ				Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn - VND	4.511.587.978.420	4.511.587.978.420	9.249.088.614.738	8.300.072.639.127	3.562.572.002.809	3.562.572.002.809	3.562.572.002.809
- Ngân hàng BIDV-KG			701.619.957.101	1.001.449.427.416	299.829.470.315	299.829.470.315	299.829.470.315
- Ngân hàng BIDV-CN Đồng Bằng Sông Cửu Long	499.722.925.316	499.722.925.316	531.927.287.943	32.204.362.627			
- Ngân hàng Tiên Phong	271.603.434.184	271.603.434.184	575.581.074.031	523.932.380.083	219.954.740.236	219.954.740.236	219.954.740.236
- Ngân hàng VPBank Tp.HCM	275.812.625.534	275.812.625.534	853.403.985.800	827.744.158.766	250.152.798.500	250.152.798.500	250.152.798.500
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN An Giang	28.742.239.800	28.742.239.800	58.006.732.306	58.653.560.136	29.389.067.630	29.389.067.630	29.389.067.630
- Ngân hàng Phát Triển Tp.HCM	22.638.307.400	22.638.307.400	69.363.865.400	76.725.558.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát Triển Tp HCM - Rạch Dừa Vũng Tàu	400.306.306.950	400.306.306.950	400.306.306.950				
- Ngân hàng VCB - Kiên Giang	15.151.810.950	15.151.810.950	32.378.066.868	34.486.293.418	17.260.037.500	17.260.037.500	17.260.037.500
- Ngân hàng Nam Á - Cần Thơ	33.043.420.000	33.043.420.000	136.125.981.195	133.034.929.685	29.952.368.490	29.952.368.490	29.952.368.490
- Ngân hàng Xăng Dầu - An Giang	85.379.517.138	85.379.517.138	156.643.942.734	142.582.083.556	71.317.657.960	71.317.657.960	71.317.657.960
- Ngân hàng Ngoại thương	4.972.379.397	4.972.379.397	22.162.956.067	20.971.896.547	3.781.319.877	3.781.319.877	3.781.319.877

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a) Vay ngắn hạn	Số cuối năm			Trong năm			Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn - VND								
- Ngân Hàng Chính Sách XH Tỉnh Đồng Tháp	10.000.000.000	10.000.000.000	2.010.960.000	2.010.960.000	20.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu Hội Tỉnh An Giang	39.131.698.871	39.131.698.871	50.604.804.371	52.419.296.000	52.419.296.000	40.946.190.500	40.946.190.500	40.946.190.500
- Ngân hàng Á Châu CN Ông Ích Khiêm	18.761.160.000	18.761.160.000	39.530.820.000	95.757.952.000	95.757.952.000	74.988.292.000	74.988.292.000	74.988.292.000
- CN Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Kiên Giang	652.006.595.782	652.006.595.782	1.448.123.037.294	1.325.731.115.327	1.325.731.115.327	529.614.673.815	529.614.673.815	529.614.673.815
- NH Đầu tư và phát triển Việt Nam, CN Phú Quốc	8.764.275.000	8.764.275.000	83.747.339.500	149.526.680.550	149.526.680.550	74.543.616.050	74.543.616.050	74.543.616.050
- NH Đầu tư và phát triển Việt Nam, CN Bến Nghé	352.336.319.400	352.336.319.400	678.759.898.567	517.075.483.567	517.075.483.567	190.651.904.400	190.651.904.400	190.651.904.400
- Ngân hàng BPCE IOM - CN Thành phố Hồ Chí Minh	143.046.447.771	143.046.447.771	299.178.532.602	253.463.018.136	253.463.018.136	97.330.933.305	97.330.933.305	97.330.933.305
- Ngân hàng China Construction - CN TP.HCM	159.352.169.200	159.352.169.200	317.923.292.200	317.473.659.000	317.473.659.000	158.902.536.000	158.902.536.000	158.902.536.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Số cuối năm			Trong năm			Số đầu năm	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
a) Vay ngắn hạn								
Vay ngắn hạn - VND								
- CTBC Bank Co., Ltd, CN TP. HCM	54.714.117.000	54.714.117.000	100.957.989.700	101.334.382.200	55.090.509.500	55.090.509.500		
- Ngân hàng Công thương Đồng Tháp - Lấp Vò	215.967.272.219	215.967.272.219	245.955.172.219	155.828.942.700	125.841.042.700	125.841.042.700		
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đồng Tháp	29.875.870.000	29.875.870.000	79.875.870.000	50.000.000.000				
- Ngân hàng Phát Triển Thành Phố HCM - CN Vũng Tàu	170.729.779.195	170.729.779.195	421.410.656.300	477.938.694.910	227.257.817.805	227.257.817.805		
- Ngân Hàng TNHH INDOVINA- Chi nhánh Đồng Nai	22.297.510.200	22.297.510.200	22.297.510.200					
- Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam- CN TP. HCM				61.698.145.200	61.698.145.200	61.698.145.200		
- Ngân Hàng Thương Mại CP Xăng Dầu Petrolimex CN An Giang.	44.738.721.000	44.738.721.000	114.230.316.800	103.907.548.800	34.415.953.000	34.415.953.000		
- Ngân hàng Đại Chúng Việt Nam CN An Giang			18.722.113.150	69.940.388.650	51.218.275.500	51.218.275.500		
- Ngân hàng Tiên Phong CN An Giang.	137.895.735.000	137.895.735.000	187.843.875.000	99.020.348.000	49.072.208.000	49.072.208.000		



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a) Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Trong năm	Số đầu năm	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn - VND								
- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh An Giang	481.577.731.431	844.294.870.293	1.146.634.101.513	481.577.731.431	69.186.341.250	23.004.256.450	783.916.962.651	783.916.962.651
- Ngân Hàng BPCE IOM - CN TP. Hồ Chí Minh	46.182.084.800			46.182.084.800				
- Ngân Hàng TMCP Phát Triển TP Hồ Chí Minh - CN Vũng Tàu - PGD Rạch Dừa	170.000.000.000	170.000.000.000		170.000.000.000				
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh An Giang		49.940.601.030		49.940.601.030			49.940.601.030	
- Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN An Giang	68.352.947.722	93.249.854.582	24.896.906.860	68.352.947.722			329.280.000	329.280.000
- Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh An Giang								
- Vay cá nhân	48.484.577.160	63.357.593.285	59.220.898.000	48.484.577.160			44.347.881.875	44.347.881.875

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a) Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Trong năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ
Nợ dài hạn đến hạn trả - VND	300.828.137.043	300.828.137.043		
Bên khác	300.828.137.043	300.828.137.043		
- Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM	155.920.869.188	155.920.869.188		
- Đối tượng khác	144.907.267.855	144.907.267.855		
Vay ngắn hạn - USD	1.314.993.781.031	3.422.473.183.916	3.152.844.178.582	1.045.364.775.697
- Ngân hàng Á Châu CN Ông Ích Khiêm	110.348.415.000	132.827.952.200	137.084.410.800	114.604.873.600
- Ngân hàng Á Châu - CN Sa Đéc	54.685.785.000	127.265.595.000	72.579.810.000	
- CN Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Kiên Giang	831.241.654.500	1.447.476.310.303	1.221.994.096.203	605.759.440.400
- NH TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, CN Phú Quốc	191.258.743.500	326.582.894.000	240.003.882.300	104.679.731.800
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bến Nghé		41.287.850.928	104.527.432.325	63.239.581.397
- Ngân hàng TMCP Công Thương Đồng Tháp - Lấp Vò	23.355.913.031	140.691.923.285	117.336.010.254	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a) Vay ngắn hạn USD

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân Hàng TNHH INDOVINA- CN Đồng Nai		41.707.796.000	41.707.796.000	41.707.796.000		
- Ngân hàng Nam Á - CN Cần Thơ	41.527.500.000	41.527.500.000	102.876.000.000	135.055.533.500	73.707.033.500	73.707.033.500
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam CN An Giang		28.937.725.000	28.937.725.000	28.937.725.000		
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN An Giang (SCB)		172.762.100.000	172.762.100.000	208.094.320.000	35.332.220.000	35.332.220.000
- Ngân hàng Tiên Phong CN An Giang.		17.664.490.000	17.664.490.000	42.098.785.000	24.434.295.000	24.434.295.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương - Chi nhánh An Giang	62.575.770.000	62.575.770.000	841.961.647.200	779.385.877.200		
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam Cần Thơ		430.900.000	430.900.000	24.038.500.000	23.607.600.000	23.607.600.000
Cộng	6.127.409.896.494	6.127.409.896.494	12.972.389.935.697	11.452.916.817.709	4.607.936.778.506	4.607.936.778.506



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Vay dài hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Trên 1 năm đến 5 năm	1.097.438.090.170	1.097.438.090.170	1.256.017.034.000	974.492.056.952	815.913.113.122	815.913.113.122	
- VND	1.097.438.090.170	1.097.438.090.170	1.256.017.034.000	974.492.056.952	815.913.113.122	815.913.113.122	
- Ngân Hàng Công Thương - CN Đông - Hà Nội	121.235.000.000	121.235.000.000	121.235.000.000				
- Ngân hàng Xăng Dầu Petrolimex	2.250.000.000	2.250.000.000		1.500.000.000			3.750.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	14.392.500.000	14.392.500.000		6.060.000.000			20.452.500.000
- CN Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Kiên Giang				19.478.021.097			19.478.021.097
- CN Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Bến Nghé				12.000.000.000			12.000.000.000
- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN An Giang	113.075.522.000	113.075.522.000		38.258.000.000			151.333.522.000
- NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN An Giang				13.156.375.000			13.156.375.000
- Vay dài hạn cá nhân	846.485.068.170	846.485.068.170	1.134.782.034.000	884.039.660.855	595.742.695.025	595.742.695.025	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
Trên 5 năm	2.311.686.651.800	2.311.686.651.800	429.771.000.000	456.824.198.338	2.338.739.850.138	2.338.739.850.138
- Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM	1.403.287.822.696	1.403.287.822.696	29.771.000.000	366.078.469.602	1.739.595.292.298	1.739.595.292.298
- Ngân hàng Ngoại thương	12.280.000.000	12.280.000.000		7.445.226.736	19.725.226.736	19.725.226.736
- Ngân hàng TMCP Á Châu	1.852.000.000	1.852.000.000		528.000.000	2.380.000.000	2.380.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu	20.800.000.000	20.800.000.000		2.800.000.000	23.600.000.000	23.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương	115.380.000.000	115.380.000.000	120.000.000.000	4.620.000.000		
- Ngân hàng HDBank Rạch Đừa, Vũng Tàu	459.622.348.483	459.622.348.483		72.000.000.000	531.622.348.483	531.622.348.483
- Ngân hàng First Commercial Bank - CN TP. HCM	280.000.000.000	280.000.000.000	280.000.000.000			
- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vương - CN An Giang	18.464.480.621	18.464.480.621		3.352.502.000	21.816.982.621	21.816.982.621
Cộng	3.409.124.741.970	3.409.124.741.970	1.685.788.034.000	1.431.316.255.290	3.154.652.963.260	3.154.652.963.260

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

Thời hạn	Năm nay		Năm trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế
Từ 1 năm trở xuống	148.954.425.562	14.719.746.367	19.641.178.665	964.077.127
Trên 1 năm đến 5 năm	42.333.111.540	8.865.448.504	55.530.188.033	10.305.560.035
Trên 5 năm				
Cộng	191.287.537.102	23.585.194.871	75.171.366.698	11.269.637.162

d) Giá trị nợ thuế tài chính

Ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Gốc nợ thuế tài chính	62.954.037.552	62.954.037.552	24.957.922.871	24.957.922.871
Lãi thuế tài chính phải trả	62.954.037.552	62.954.037.552	24.957.922.871	24.957.922.871
Dài hạn				
Gốc nợ thuế tài chính	220.905.206.011	220.905.206.011	117.030.247.622	117.030.247.622
Lãi thuế tài chính phải trả	220.905.206.011	220.905.206.011	117.030.247.622	117.030.247.622
Cộng	283.859.243.563	283.859.243.563	141.988.170.493	141.988.170.493

đ) Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán: không có

e) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan: không có



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	641.870.176.785	641.870.176.785	963.645.033.225	963.645.033.225	
a) Ngắn hạn					
Bên khác					
+ Công ty TNHH MTV Chế Biến Bột Cá Kim Sơn	15.528.161.000	15.528.161.000	52.723.343.000	52.723.343.000	
+ Công ty CP Khai Anh Bình Thuận	8.602.069.800	8.602.069.800	20.881.012.696	20.881.012.696	
+ Công ty TNHH Trường Thăng	1.721.859.580	1.721.859.580	2.363.078.946	2.363.078.946	
+ Công ty STERLING AND WILSON PRIVATE LIMITED	24.876.982.503	24.876.982.503	24.876.982.503	24.876.982.503	
+ Công ty CP Nông Sản Trảng An	17.464.845.000	17.464.845.000	26.335.789.100	26.335.789.100	
+ Công ty CP EPC Điện Mặt Trời Việt Nam Co.,Ltd			39.723.651.429	39.723.651.429	
+ Công ty TNHH CARGILL VIỆT NAM			25.452.530.380	25.452.530.380	
+ Công ty CP Xây Lắp Điện Miền Nam			7.546.845.521	7.546.845.521	
+ Công ty TNHH MTV Thái Thị Thu Hạnh	6.954.040.200	6.954.040.200	10.525.802.572	10.525.802.572	
+ Công ty TNHH SX & TM Vận Tải Việt Nam			22.486.806.170	22.486.806.170	
+ Công ty TNHH MTV Tiếp Vận và Thương Mại Ocean Ship	52.544.744.081	52.544.744.081			
+ Công ty CP Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch	151.181.537.395	151.181.537.395	126.319.887.595	126.319.887.595	
+ Châu Vĩnh Viễn (Quyền sử dụng đất Cà Mau)	50.000.200	50.000.200	84.533.000.200	84.533.000.200	
+ Nguyễn Tấn Dâm (Quyền sử dụng đất Cà Mau)	75.198.170.000	75.198.170.000	85.228.170.000	85.228.170.000	
+ Nguyễn Thành Tân (Quyền sử dụng đất Cà Mau)			20.516.590.000	20.516.590.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
+ Công ty Sinohydro	1.515.143.508	1.515.143.508	1.515.143.508	1.515.143.508	
+ Đối tượng khác	286.232.623.518	286.232.623.518	412.616.399.605	412.616.399.605	
Bên liên quan					
b) Dài hạn			771.341.821.237	771.341.821.237	
Bên khác					
+ Sumec Complete Equipment And Engineering Co.,Ltd			771.341.821.237	771.341.821.237	
Cộng	641.870.176.785	641.870.176.785	1.734.986.854.462	1.734.986.854.462	
15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC					
a) Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	50.143.621.518	66.561.760.231	98.995.246.605	82.577.107.892	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	125.749.839.239	5.969.387.335	5.969.387.335	87.430.602.223	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.108.308.208	95.249.053.926	56.929.816.910	5.281.986.382	
Thuế thu nhập cá nhân		40.354.576.087	2.528.254.261		
Thuế nhà đất và tiền thuê đất		3.049.297.820	3.049.297.820		
Các khoản phí, lệ phí, thuế khác	819.919.887	6.547.034.739	6.416.942.513	689.827.661	
Cộng	219.821.688.852	217.731.110.138	173.888.945.444	175.979.524.158	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

b) Phải thu	Số cuối năm	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu trong năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	2.309.395			2.309.395
Thuế thu nhập cá nhân	672.967.809	267.300.543	1.143.430.225	1.549.097.491
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	1.146.538.670	1.146.538.670		
Các khoản phí, lệ phí, thuế khác			64.000.000	64.000.000
Cộng	1.821.815.874	1.413.839.213	1.207.430.225	1.615.406.886

Ghi chú:

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	45.498.970.354	34.709.555.726
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa	31.635.676.069	31.153.669.804
Các khoản khác	13.863.294.285	3.555.885.922
b) Dài hạn		
Cộng	45.498.970.354	34.709.555.726

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	102.578.625.133	70.200.898.238
Tài sản thừa chờ giải quyết	689.270.748	2.786.467.937
Kinh phí công đoàn	3.208.025.239	2.176.805.905
Bảo hiểm xã hội	2.295.000	3.189.489.660
Bảo hiểm y tế	264.514.750	826.120.119
Bảo hiểm thất nghiệp	180.000	56.531.846
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.846.577.860	6.806.936.660
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.110.719.000	1.000.058.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	90.457.042.536	53.358.488.111
+ <i>Vỡ Đức Thảo</i>	3.010.593.134	3.002.901.697
+ <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	117.322.886.174	50.355.586.414
b) Dài hạn	1.870.000.000	1.870.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.870.000.000	1.870.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Cộng	104.448.625.133	72.070.898.238

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	3.407.421.023	6.029.710.244
Doanh thu nhận trước	345.929.192	105.929.192
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	2.777.272.779	5.923.781.052
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	284.219.052	
b) Dài hạn	14.978.392.900	14.648.536.668
Doanh thu nhận trước	783.326.509	1.069.278.213
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	13.579.258.455	13.579.258.455
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	615.807.936	
Cộng	18.385.813.923	20.678.246.912

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Nguồn kinh phí và quỹ khác	Cộng
Cho năm tài chính 2021 kết thúc ngày 31/12/2021								
Tại ngày 01/01/2021	2.588.678.490.000	45.104.200.000	272.989.640.875	116.193.777.252	1.467.675.428.369	2.374.731.315.325	6.735.654.500	6.872.108.506.321
Lãi trong năm trước				600.436.710.886	103.450.907.724			703.887.618.610
Tăng do trích từ lợi nhuận				15.259.524.036				15.259.524.036
Tăng khác					1.275.370.864	2.173.887.965	894.366.700	4.343.625.529
Trích quỹ từ lợi nhuận					(17.439.288.670)	(975.495.180)		(18.414.783.850)
Chia cổ tức								
Giảm khác					(844.740.187)			(844.740.187)
Tại ngày 31/12/2021	2.588.678.490.000	45.104.200.000	272.989.640.875	131.453.301.288	2.051.103.481.262	2.479.380.615.834	7.630.021.200	7.576.339.750.459
Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022								
Tại ngày 01/01/2022	2.588.678.490.000	45.104.200.000	272.989.640.875	131.453.301.288	2.051.103.481.262	2.479.380.615.834	7.630.021.200	7.576.339.750.459
Lãi trong năm nay					628.390.227.095	334.194.518.211		962.584.745.306
Tăng do trích từ lợi nhuận (1)	776.589.030.000							776.589.030.000
Trích quỹ từ lợi nhuận				12.098.019.278	(14.098.019.278)			(2.000.000.000)
Vốn góp từ cổ đông công con						15.500.000.000		15.500.000.000
Mua công ty con mới						1.498.758.358		1.498.758.358
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (2)			68.725.740.101		(68.725.740.101)			
Chia cổ tức (1)								(1.281.379.158.000)
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của Công ty con (3)						(209.948.265.500)		(209.948.265.500)
Tại ngày 31/12/2022	3.365.267.520.000	45.104.200.000	341.715.380.976	143.551.320.566	1.314.266.286.158	2.619.650.131.723	10.263.385.100	7.839.818.224.523

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

1. Thông tin trình bày bổ sung tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm

(1) Trong năm 2022 Công ty đã dùng 1.281.379.158.000 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến năm 2021 để thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt và trả cổ tức năm 2019, năm 2020 bằng cổ phiếu như sau:
Vào ngày 09/04/2022 Đại hội đồng cổ đông CTCP Tập Đoàn Sao Mai thông qua nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD/2022 về việc chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ thực hiện là 15%/ mệnh giá cổ phiếu (tương ứng 1 cổ phiếu nhận được 1.500 đồng) tương ứng 504.790.128.000 đồng.
Vào ngày 05/11/2021, Đại hội đồng cổ đông CTCP Tập Đoàn Sao Mai thông qua nghị quyết số 02/NQ-ĐHCD-2021 ngày 05/11/2021 về việc phát hành cổ phiếu để chia cổ tức năm 2019 và 2020 với tỷ lệ thực hiện là 30% (100:30 - cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được 30 cổ phiếu mới). Theo đó vốn cổ phần của Công ty đã tăng thêm 776.589.030.000 đồng.

(2) Trong năm 2022 Công ty con của Công ty - CTCP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản thực hiện phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHCD ngày 29/05/2021 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHCD ngày 10/04/2022 cho cổ đông phổ thông, trong đó, tổng số cổ tức đã chi trả cho Công ty và các cổ đông là 169.296.910.000 đồng. Phần chia cổ tức của Công ty con tương ứng với phần công ty mẹ được hưởng được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu với giá trị 68.725.740.101 đồng.

(3) Trong năm 2022 các Công ty con của Công ty đã chi trả cổ tức cho công ty mẹ và cổ đông của Công ty con. Phần chia cổ tức của Công ty con cho các cổ đông không kiểm soát này tương ứng giá trị 209.948.265.500 đồng. Như sau:

Vào ngày 10/02/2022, Hội đồng quản trị công ty Cổ phần điện mặt trời Europlast Long An thông qua nghị quyết số 0210/2022/NQ-EPLA về việc chia cổ tức năm 2020 và 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%/ mệnh giá cổ phiếu năm 2020 và 15%/ mệnh giá cổ phiếu năm 2021 tương ứng 90.000.000.000 đồng. Phần chia cổ tức của Công ty con cho các cổ đông không kiểm soát này tương ứng giá trị 21.000.000.000 đồng

Vào ngày 15/06/2022, Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Nhựt Hồng thông qua nghị quyết số 01/2022/NQ-HDQT-NH về việc chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 70%/ mệnh giá cổ phiếu (tương đương 1 cổ phiếu nhận được 7.000 đồng). Phần chia cổ tức của Công ty con cho các cổ đông không kiểm soát này tương ứng giá trị 22.400.000.000 đồng

Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI thông qua Nghị Quyết số 01/NQ-ĐHCD/2022 ngày 10/04/2022 của Đại hội cổ đông, Biên bản họp số 900/BBH.HDQT-2022 ngày 01/09/2022 và Nghị quyết số 901/QĐ/ĐHQĐT ngày 01/09/2022 về việc chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%/ mệnh giá cổ phiếu (tương đương 1 cổ phiếu nhận được 1.500 đồng) tương ứng 341.466.912.000 đồng. Phần chia cổ tức của Công ty con cho các cổ đông không kiểm soát này tương ứng giá trị 166.548.265.500 đồng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

19 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
Vốn góp của công ty mẹ				
Vốn góp của các đối tượng khác	3.365.267.520.000	100,00%	2.588.678.490.000	100,00%
Cộng	3.365.267.520.000	100,00%	2.588.678.490.000	100,00%

19 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	2.588.678.490.000	2.588.678.490.000
- Vốn góp tăng trong năm do chia cổ tức bằng cổ phiếu	776.589.030.000	
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	3.365.267.520.000	2.588.678.490.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.281.379.158.000	

19 . 4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	336.526.752	258.867.849
- Cổ phiếu phổ thông	336.526.752	258.867.849
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	336.526.752	258.867.849
- Cổ phiếu phổ thông	336.526.752	258.867.849
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

19 . 5. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	131.293.378.883	117.244.369.244
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	4.878.380.532	4.878.380.532
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.379.561.151	9.330.551.512

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)	4.547.281,60	2.099.241,54
- Bảng Anh (EUR)	2.374,70	4.926,08
- Đô la Hồng Kông (HKD)	14.860,00	14.860,00
- Nhân dân tệ (CNY)	13.834,60	13.834,60
- Yên Nhật (JPY)	2.919.311,00	94.250,00



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cá xuất khẩu	3.696.699.489.446	2.342.450.589.251
Doanh thu bất động sản	368.340.850.391	633.236.380.133
Doanh thu cung cấp dịch vụ	236.705.649.101	110.688.451.774
Doanh thu xây dựng		86.710.484.580
Doanh thu thương mại	3.371.636.966.264	3.135.997.093.599
Doanh thu thức ăn cá	5.520.554.017.270	4.559.843.578.421
Doanh thu điện năng lượng mặt trời	608.972.859.053	594.837.258.243
Doanh thu khác	4.780.966.055	1.384.587.134
Cộng	13.807.690.797.580	11.465.148.423.135

02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	1.010.905.500	1.622.020.300
Giảm giá hàng bán	5.091.179.788	3.445.238.160
Hàng bán bị trả lại	52.366.740.602	62.155.252.221
Cộng	58.468.825.890	67.222.510.681

03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cá xuất khẩu	2.841.338.482.158	2.079.166.323.356
Giá vốn của bất động sản	141.011.641.937	289.874.517.774
Giá vốn cung cấp dịch vụ	125.473.843.438	79.384.333.520
Giá vốn xây dựng		82.179.170.578
Giá vốn thương mại	3.219.222.351.616	3.050.238.783.629
Giá vốn thức ăn cá	5.279.560.512.814	4.379.482.973.353
Giá vốn điện năng lượng mặt trời	193.816.056.718	186.138.727.439
Dự phòng / hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	307.120.895	(49.506.058.883)
Giá vốn khác	2.232.875.486	1.352.287.537
Cộng	11.802.962.885.062	10.098.311.058.303

04. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	128.561.422.967	99.577.002.323
Lãi bán các khoản đầu tư	7.000.000.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá	50.963.685.401	22.378.294.916
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	93.882.567.716	78.313.716.253
Doanh thu hoạt động tài chính khác	264.548.019	219.535.570
Cộng	280.672.224.103	200.488.549.062



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	470.435.819.831	445.545.332.734
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.144.111.148	1.739.736.890
Lỗi chênh lệch tỷ giá	86.249.356.717	14.113.510.312
Lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.461.097.257	462.202.629
Chi phí tài chính khác	3.234.133.055	1.147.406.713
Cộng	564.524.518.008	463.008.189.278

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

06 . 1. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên, vật liệu	3.665.535	999.237
Chi phí công cụ, dụng cụ	941.211.338	3.219.678.319
Chi phí nhân viên	24.752.333.212	32.589.379.697
Chi phí khấu hao	2.737.499.689	3.227.471.905
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.984.965.985	47.149.564.802
Chi phí vận chuyển hàng hoá	236.285.118.466	123.127.034.333
Các khoản chi phí bán hàng khác	60.233.816.879	27.505.962.822
Cộng	370.938.611.104	236.820.091.115

06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	83.132.499.835	73.091.818.113
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.472.963.644	7.415.966.673
Chi phí khấu hao	10.992.340.760	11.270.796.327
Dự phòng nợ phải thu khó đòi		(878.327.487)
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(83.409.400)	
Thuế, phí, lệ phí	8.885.101.225	1.035.838.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.847.854.829	21.546.551.199
Các khoản chi phí QLDN khác	92.456.821.712	77.412.971.276
Lợi thế thương mại	16.680.244.814	
Cộng	246.384.417.419	190.895.614.951

07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	15.825.000	7.963.909.091
Thu nhập từ cho thuê tài sản	15.128.726.532	
Tiền phạt thu được	2.002.166.459	2.562.555.161
Tiền thu hỗ trợ tín chỉ môi trường JCM - Quỹ Trung Tâm Môi Trường Toàn Cầu		162.965.844.287
Các khoản khác	12.951.127.906	34.277.854.485
Cộng	30.097.845.897	207.770.163.024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ		4.454.058.422
Chi phí cho thuê tài sản	4.377.657.766	
Các khoản bị phạt	3.900.294.167	9.009.105.668
Các khoản khác	4.919.527.649	17.390.215.006
Cộng	13.197.479.582	30.853.379.096

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.615.945.707.793	3.213.084.661.079
Chi phí nhân công	490.336.157.316	482.676.543.228
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	33.852.319.074	30.238.187.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	361.702.373.783	360.977.743.279
Chi phí dịch vụ mua ngoài	734.758.701.470	398.201.977.392
Chi phí khác bằng tiền	173.816.388.440	150.572.708.192
Cộng	9.410.411.647.876	4.635.751.820.391

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	94.171.218.133	85.610.273.096
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	1.075.216.222	(329.802.507)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	95.246.434.355	85.280.470.589

11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LOẠI

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.152.950.854	(2.871.797.402)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.152.950.854	(2.871.797.402)

12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	628.390.227.095	600.436.710.886
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	333.760.818	258.867.849
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	1.883	2.319

13 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	628.390.227.095	600.436.710.886
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm		129.400.000
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	333.760.818	258.867.849
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	1.883	1.546

(*) Hồi tố chi tiêu năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 31/12/2022 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03 . Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- **Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan: Không có**

- **Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Thù lao Hội đồng quản trị		870.346.000	854.400.000
Lê Thị Nguyệt Thu	Chủ tịch	295.962.000	180.000.000
Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch	107.192.000	84.000.000
Lê Thanh Thuấn	Thành viên	107.192.000	290.400.000
Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên	300.000.000	300.000.000
Nguyễn Văn Phụng	Thành viên	60.000.000	
Tổng lương Ban Giám Đốc		6.210.881.000	5.853.595.740
Lê Thanh Thuấn	Tổng Giám Đốc	1.904.900.000	1.763.488.500
Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám Đốc	678.900.000	696.988.000
Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám Đốc	682.700.000	711.138.000
Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám Đốc	679.800.000	701.272.000
Lê Thị Phượng	Phó Tổng Giám Đốc	680.200.000	701.272.000
Lê Tuấn Anh	Phó Tổng Giám Đốc	678.050.000	576.998.000
Trương Công Khánh	Giám Đốc Tài Chính	509.031.000	448.133.040
Ngô Thị Tố Ngân	Kế Toán Trưởng	397.300.000	254.306.200



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

04. Thông tin bộ phận

a. Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chi tiêu	Năm nay				Tổng cộng	Năm trước				Tổng cộng
	An Giang	Đồng Tháp	Khu vực khác	Tổng cộng		An Giang	Đồng Tháp	Khu vực khác	Tổng cộng	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.535.261.681.153	9.924.059.443.405	289.900.847.132	13.749.221.971.690	3.897.737.569.635	7.202.067.725.714	298.120.617.105	11.397.925.912.454		
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.535.261.681.153	9.924.059.443.405	289.900.847.132	13.749.221.971.690	3.897.737.569.635	7.202.067.725.714	298.120.617.105	11.397.925.912.454		
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	533.864.761.330	1.228.966.460.477	183.427.864.821	1.946.259.086.628	569.382.201.213	567.930.241.665	162.302.411.273	1.299.614.854.151		
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(617.323.028.523)				(427.715.706.066)		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.328.936.058.105				871.899.148.085		
Doanh thu hoạt động tài chính				280.672.224.103				200.488.549.062		
Chi phí tài chính				(564.524.518.008)				(463.008.189.278)		
Thu nhập khác				30.097.845.897				207.770.163.024		
Chi phí khác				(13.197.479.582)				(30.853.379.096)		
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(95.246.434.355)				(85.280.470.589)		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(4.152.950.854)				2.871.797.402		
Lợi nhuận sau thuế TNDN				962.584.745.306				703.887.618.610		
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				(1.483.221.303.360)				(610.485.950.432)		
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				(412.832.468.632)				(412.663.425.454)		



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

04. Thông tin bộ phận (tiếp theo)

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chi tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm			Tổng cộng	
	An Giang	Đồng Tháp	Khu vực khác	Tổng cộng	An Giang	Đồng Tháp		Khu vực khác
Tài sản bộ phận	8.086.299.796.521	9.602.436.195.894	440.289.007.721	18.129.025.000.136	8.152.923.630.550	8.512.331.081.788	475.987.442.317	17.141.242.154.655
Tài sản không phân bổ				957.320.264.655				1.027.871.775.745
Tổng tài sản	8.086.299.796.521	9.602.436.195.894	440.289.007.721	19.086.345.264.791	8.152.923.630.550	8.512.331.081.788	475.987.442.317	18.169.113.930.400
Nợ phải trả bộ phận	5.768.676.514.122	4.807.691.973.897	487.869.966.869	11.064.238.454.888	5.283.464.324.366	4.519.980.400.450	543.372.903.453	10.346.817.628.269
Nợ phải trả không phân bổ				182.288.585.380				245.956.551.672
Tổng nợ phải trả	5.768.676.514.122	4.807.691.973.897	487.869.966.869	11.246.527.040.268	5.283.464.324.366	4.519.980.400.450	543.372.903.453	10.592.774.179.941

b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Chi tiêu	Năm nay		Năm trước		Tổng	
	Điện mặt trời	Bất động sản	Xây dựng	Thương mại		Doanh thu khác
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	608.972.859.053	315.974.109.789	3.365.534.880.976	9.458.740.121.872	13.749.221.971.690	
Tài sản bộ phận	5.112.724.058.614	3.069.132.350.218	168.439.810.354	1.181.503.555.530	19.086.345.264.791	
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					(1.483.221.303.360)	
Chi tiêu	Điện mặt trời	Bất động sản	Xây dựng	Thương mại	Doanh thu khác	Tổng
Năm trước	594.837.258.243	571.081.127.912	86.710.484.580	3.130.929.835.139	7.014.367.206.580	11.397.925.912.454
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.248.945.406.231	2.365.354.439.698	166.149.642.312	1.957.161.433.652	8.431.503.008.507	18.169.113.930.400
Tài sản bộ phận						(610.485.950.432)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	847.857.871.091		847.857.871.091	
Phải thu khách hàng	1.743.926.948.733	(66.180.831.008)	1.721.316.421.872	(66.264.240.408)
Trả trước cho người bán	2.196.427.469.364		2.232.908.107.587	
Các khoản phải thu khác	382.423.586.632	(528.000.000)	330.246.521.337	(528.000.000)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	953.815.064.164	(2.483.599.460)	1.604.669.978.656	(22.502.203)
Đầu tư tài chính dài hạn	145.310.000.000	(2.000.000.000)	143.395.612.472	(2.000.000.000)
Cộng	6.269.760.939.984	(71.192.430.468)	6.618.447.229.117	(68.814.742.611)
			6.198.568.509.516	6.549.632.486.506
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	641.870.176.785		641.870.176.785	
Người mua trả tiền trước	314.803.642.365		314.803.642.365	
Vay và nợ	9.820.393.882.027		9.820.393.882.027	
Phải trả người lao động	41.036.410.118		41.036.410.118	
Trái phiếu chuyển đổi				
Các khoản phải trả khác	104.448.625.133		104.448.625.133	
Cộng	10.922.552.736.428		10.922.552.736.428	
			10.325.254.977.678	10.325.254.977.678

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phân ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	641.870.176.785			641.870.176.785
Người mua trả tiền trước	314.803.642.365			314.803.642.365
Vay và nợ	6.190.363.934.046	1.318.343.296.181	2.311.686.651.800	9.820.393.882.027
Trái phiếu chuyển đổi	45.498.970.354			45.498.970.354
Chi phí phải trả	102.578.625.133	1.870.000.000		104.448.625.133
Các khoản phải trả phải nộp khác	7.295.115.348.683	1.320.213.296.181	2.311.686.651.800	10.927.015.296.664
Cộng				

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.508.216	2.378.725
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	10.676.530	8.304.628
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác	(271.844)	(292.209)
Vay và nợ thuê tài chính	(55.512.406)	(45.569.244)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(41.599.505)	(35.178.100)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	(19.560.482.597)	(16.185.467.914)
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	19.560.482.597	16.185.467.914

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá**+ Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

c. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	581.778.112.472	965.050.542.274
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	263.846.257.353	378.375.751.147
Hàng tồn kho	1.626.098.696.354	1.488.360.303.672
Tài sản cố định hữu hình	4.199.084.459.771	4.151.330.094.575
Quyền sử dụng đất	930.904.392.110	792.719.369.120
Cổ phiếu	1.258.468.819.500	1.457.426.304.000
Bất động sản đầu tư	432.753.549.919	239.294.675.156

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu

TRẦN BẢO ĐÔNG

Kế toán trưởng

NGÔ THỊ TỐ NGÂN

Long Xuyên, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



LÊ THỊ PHƯƠNG



Rừng Trà Sư thu hút Sao Việt



Tham quan Rừng Trà Sư